

tim một quê hương

Ký sự Tùy bút
ĐOÀN VĂN KHANH

1.- CHÚT NGUỒN GỐC XA XÔI

Không biết tôi bắt đầu có ý thức về hai tiếng quê hương từ tuổi nào, và thoát đầu tôi đã hiểu như thế nào là quê hương, nhưng hình như tôi luôn luôn có cái cảm nghĩ quê hương chỉ là một nơi chốn nào đó, đã lưu lại trong tâm hồn của mình những dấu ấn sâu đậm, rồi mình lại phải cách xa để cho mình nhớ, mình thương, hay là mình xa xót, chứ không phải là nơi để cho mình sống cuộc đời của mình.

Thời tôi còn niên thiếu, sống ở Bình định, nhiều người vẫn hay hỏi tôi quê quán ở đâu. Tôi chẳng biết trả lời thế nào cho xuôi vì tôi cũng không biết đâu mới là quê tôi thực sự. Tôi chỉ biết chắc có một điều là tôi không sinh đẻ tại Bình định, không nói giọng Bình định, cũng như tôi không hề có một ai gọi là bà con ruột thịt ở tại xứ này cả.

Quê nội tôi đâu mãi ngoài Bắc ninh nhưng chính cha tôi cũng không sinh trưởng tại đó. Ngày xưa ông nội tôi vào làm việc tại Nghệ an nên cha tôi sinh tại thành phố Vinh. Lớn lên người có ra Hà nội học. Khi ra trường bắt đầu vào cuộc đời công chức thì người cũng lại theo nhu cầu công vụ mà phải thuyền chuyển khắp nơi.

Mẹ tôi người Hà tĩnh nhưng lại sinh đẻ ở Huế. Người cũng theo ông ngoại tôi sống ở nhiều nơi cho đến khi khôn lớn mới trở về quê Hà tĩnh. Sau khi kết hôn, mẹ tôi theo cha tôi ra Thanh hóa. Tôi sinh ra đời tại thành phố này. Từ khi sinh ra cho đến năm lên sáu, tôi cũng đã theo cha mẹ sống qua tại mấy thành phố từ Thanh hóa, Vinh rồi đến Huế. Trừ thời gian ở Huế, tôi còn ghi nhớ được đôi chút, còn những nơi trước đó tôi không biết gì cả. Năm lên sáu tuổi tôi lại theo cha mẹ vào Bình định. Và tôi đã lớn lên tại miền đất này.

Thực ra cha tôi chưa hề kể cho tôi nghe một tí gì về quê nội. Những điều tôi biết được về cái nguồn gốc xa xôi của mình lại do tôi gom góp từ những điều cha tôi kể với bạn bè của người những lúc vui câu chuyện. Ông nội tôi có một dòng con lớn ở Hà đông. Tôi không nghe cha tôi nói cho biết tôi có bao nhiêu cô bác thuộc dòng này. Cha tôi là dòng sau. Bà nội tôi gốc ở Phú yên. Tôi không nghe ai kể ông nội tôi đã gặp bà ở đâu cũng như không được nghe ai nhắc nhở về những bà con bên phía bà nội tôi cả. Tuy nhiên chính bà nội tôi lại là kẻ luôn luôn sống bên cạnh ông nội tôi cho đến cuối đời. Khi về hưu, ông tôi lập ra một trang trại ở Nghệ an để dưỡng già, cất một căn nhà tại thành phố Vinh và qua đời tại đây.

Cũng vẫn vào những lúc vui câu chuyện, cha tôi có kể cho bạn bè của người là ông nội tôi vốn nghiện rượu. Ngày cha tôi làm việc ở Vinh, tôi mới lên ba tuổi. Vì chỉ có tôi là cháu nội sống gần nên ông nội cưng tôi lắm. Có nhiều lần ông nội tôi uống rượu, tôi cũng được ông đưa chung lên môi cho nhấp thử. Tôi nhăn mặt. Ông lại tập cho tôi "khà" theo ông. Từ đó về sau, hễ khi nào uống rượu có một mình, ông tôi lại bắt bế tôi lại ngồi bên cạnh để ông cháu cùng uống rượu. Ông nâng chung rượu nhấp một hơi, khà một tiếng, và tôi khà theo ông, thật là tương đắc. Có điều là lớn lên tôi chưa bao giờ nghiện rượu. Ông tôi mất vào năm tôi còn quá nhỏ nên kỷ niệm này cũng đã theo ông tôi mà trôi vào quá khứ chứ chưa ghi nổi vào trong ký ức còn non nớt của tôi.

Bà nội tôi vừa ham thích tổ tôm, vừa say mê đồng bóng. Mẹ tôi hình như rất kỵ hai khoản này. Do đó mà sau khi ông nội tôi mất, cha tôi đã xin đổi vào làm việc tại Huế. Bà nội tôi vẫn sống ở Vinh với mấy cô tôi lấy chồng ở gần quanh. Bác tôi lúc bấy giờ đang làm việc ở Nam vang. Còn chú tôi lại làm việc ở Hà nội. Tôi không nhớ nổi là tôi đã gặp chú và bác của tôi lần nào chưa vì tôi không bao giờ hình dung được khuôn mặt của một ai. Sau cuộc Toàn quốc Khởi nghĩa năm 45, cha tôi có được tin bà nội tôi qua đời. Chú bác và cả cha tôi đều mỗi người một phương trời, không ai về được cả. Sau đó thì chiến tranh xảy ra và chẳng còn ai liên lạc được với ai nữa.

Tôi có về thăm quê ngoại vài lần. Ngày ấy tôi còn nhỏ quá nên cũng chẳng biết được bao nhiêu. Tôi chỉ nhớ lơ mơ có một giòng sông và hình như trên giòng sông đó tôi được đi đò lần đầu tiên trong đời. Ông ngoại tôi cũng đã một đời đi làm việc nhiều nơi và chỉ đến tuổi nghỉ hưu mới trở về quê cũ, cất lại ngôi nhà mới ở Phủ đức, và thỉnh thoảng đi săn voi như là cái thú vui của mình. Mỗi lần ông ngoại tôi đi săn, cả làng rủ nhau đem gióng gánh đi theo. Khi hạ được voi, ông ngoại tôi chỉ cura lấy cặp ngà. Nguyên con voi còn lại, cả làng muốn chia nhau như thế nào thì chia.

Bà ngoại ruột của tôi mất tại Huế khi mẹ tôi mới lên hai tuổi. Bà ngoại kế của tôi người Phan rang, hình như người Minh hương. Ông ngoại tôi đã gặp bà lúc đổi vào làm việc tại đây. Bà ngoại kế không có con nên nuôi một người cháu gọi ông ngoại tôi bằng bác ruột làm con. Ngày còn nhỏ tôi có gặp cậu lúc tôi theo mẹ về thăm quê ngoại. Cậu nhìn tai tôi và bảo rằng tôi sống lâu. Cậu lại bảo tôi xoè bàn tay cho cậu xem tướng. Tôi xoè tay ra thì cậu nhổ ngay một bãi nước miếng vào lòng bàn tay tôi và bảo: "Đừng có bao giờ ngu đưa tay cho đũa nào xem bói".

Sau đó tôi nghe mẹ tôi nói cậu đã vô Sài Gòn. Còn cậu ruột, anh của mẹ tôi thì học ở Hà nội, ra trường lấy vợ Bắc, rồi được đổi vào làm việc ở trong Nam từ lúc tôi chưa ra đời nên tôi cũng chỉ nghe mẹ tôi kể chuyện chứ chưa biết cậu mợ tôi bao giờ. Ngoài một số kỷ niệm về ông bà ngoại mà tôi chỉ có thể nhớ lại một cách rời rạc và mơ hồ ra, tôi hầu như cũng chẳng biết gì về cảnh vật và con người của miền quê ngoại.

Mối liên hệ giữa những người bên nội và những người bên ngoại của tôi cũng rất hời hợt. Nếu xét theo quan niệm thời bấy giờ thì cuộc hôn nhân giữa cha mẹ tôi vẫn là môn đăng hộ đối. Cả hai bên nội ngoại đều làm quan, phẩm trật ngang nhau. Điều khác nhau duy nhất là tôn giáo. Bên nội tôi thờ kính tổ tiên. Bên ngoại tôi thờ phượng Thiên Chúa.

Đối với người Ky Tô hữu thời ấy, nếu một người con gái lấy chồng bên lương mà không lòi cuốn được chồng theo đạo cũng cầm bằng như bỏ đạo. Đó là một điều không bao giờ gia đình chấp thuận. Để vượt qua trở ngại đó, cha tôi đã trở lại đạo để được ông ngoại tôi chấp nhận làm con rể. Nhưng bên nội tôi lại xem như đã có một đứa con lổi đạo với tổ tiên. Quan niệm khắt khe của đạo công giáo đối với việc thờ cúng ông bà vào thời đó là một trở ngại rất to lớn đối với người lương muốn vào đạo, hoặc tạo ra một hoàn cảnh khó xử cho người theo đạo mà gia đình cha mẹ vẫn bên lương. Và đây cũng chính là cái điều đã khiến cho mẹ tôi ít có dịp được vui vẻ gần gũi với người thân yêu bên chồng của mình. Và cũng do tình cảm lạnh nhạt này, tôi gần như có một mặc cảm đối với bên nội. Cha mẹ tôi có đạo tất nhiên tôi cũng là người bên đạo.

Nhìn vào hai gia đình bên nội lẫn bên ngoại của tôi đều là sự kết hợp của những người ở nhiều miền khác nhau, để rồi lại tỏa ra khắp bốn chân trời góc biển, không sống cố định ở một địa phương nào thật lâu bền nên cũng thực khó mà gây cho tôi một ấn tượng rõ ràng về quê hương. Hình như đâu tôi cũng có một chút xíu dính líu nhưng cũng không có chỗ nào tôi thực sự gắn bó đời mình. Tôi cũng không nói rặc giọng của một vùng nào trên đất nước này cả. Và khi vào đến xứ Bình định này, nếu không vì thời cuộc thay đổi đã cầm chân cha mẹ tôi lại, có lẽ vùng đất này cũng chỉ là một thoáng dừng chân trong cuộc đời của tôi và cũng không có gì lưu luyến nhiều.

2.-HUYỆN LÝ BUỒN

Thực tình mà nói, lúc mới vào vùng Bình định, tôi không thích tí nào cả. Trước đó, dù chưa có ý thức gì nhiều về đời sống quanh mình, tôi cũng đã từng làm quen với nếp sống thành thị lúc ở Huế, có phố xá đông vui, ban đêm có đèn điện sáng. Nay bỗng nhiên về sống ở một huyện lỵ nhỏ và buồn, tối tối nhìn mấy ngọn đèn dầu leo lét và đêm đêm nghe tiếng mõ cầm canh từ những điểm gác quanh huyện vang lên trong đêm vắng, tôi cảm thấy như có một cái gì bí ẩn đang vây phủ đầu đây khiến cho tôi đâm ra sợ sệt.

Đời sống ở một huyện lỵ nhỏ và nghèo thật buồn nản. Cha tôi làm việc ở công đường phía trước, lúc nào cũng áo dài khăn đóng, loại y phục mà trước đây tôi chưa hề thấy cha tôi mặc lần nào. Vô ra quanh quần là mấy chú lính cơ và lính lệ. Những người có việc lui tới công đường đều áo dài đen khăn đóng và luôn luôn khép nép. Tôi cũng phải học lại cách ăn nói xưng hô cho phù hợp với hoàn cảnh.

Tôi bắt đầu đi học tại trường huyện. Trường nằm trong phố huyện nên mỗi lần đi học tôi lại có dịp nhìn thấy phố, mà phố thì cũng buồn hiu lèo tèo vài cửa tiệm nhỏ, vắng hoe. Tôi cũng chẳng có bạn bè, vì giữa tôi và những người quanh tôi hình như có một sự cách biệt nào đó. Các học sinh khác, dù nhỏ hay lớn, cũng đều mặc áo dài và đi bộ đến trường. Tôi mặc sơ mi quần tây và ngồi xe kéo đi học. Những ngày không đi học, tôi thơ thẩn chơi một mình trong khuôn viên của huyện đường. Em tôi là gái, tính hay làm nũng, không thích những trò chơi như tôi, nên chỉ ưa quần quýt bên mẹ. Thường ngày cũng chỉ có mấy người trong gia đình quây quần với nhau. Tôi không thấy có các chú bác bạn bè của cha tôi lui tới nhà như hồi còn ở Huế, nhất là các chú bác Hướng đạo sinh lúc nào cũng tự nhiên và vui vẻ.

Tôi bắt đầu để ý đến cảnh vật quanh mình. Đây là huyện Phù cát, nơi cha tôi đang trị nhậm. Ngôi huyện đường mới xây cất lại nằm lẻ loi trên cái gò đất cát hoang trơ trụi, gần bên một cái sân vận động, cũng chỉ là một bãi đất trống trơn, chơ vơ cái cột cờ, mấy cái bệ giàn để luyện tập điền kinh, hai cái khung gôn và một cái khán đài nhỏ cũng luôn luôn trống vắng. Trước mặt huyện là con đường quốc lộ 1 và sau lưng huyện là con đường sắt Bắc Nam. Hằng ngày lác đác vài chuyến xe ngựa qua lại. Thỉnh thoảng mới thấy bóng dáng một chiếc xe đồ. Năm thì mười thưa xuất hiện một đoàn công voa lính Nhật. Những chiếc xe nhà binh Nhật thường sơn màu ngụy trang và cắm thêm cành lá um tùm nên trông từ xa xa cứ giống như những lùm cây biết di chuyển làm cho tôi cũng cảm thấy vui mắt đôi chút giữa cái cảnh quá phẳng lặng này. Chỉ có những chuyến tàu qua lại vào những ngày giờ gần như nhất định trên con đường sắt sau nhà là mang lại cho tôi nhiều vui thích nhất, vì hình như lúc nào con tàu cũng mang lại cho tôi ít nhiều mơ ước viễn vông.

Cũng có khi một vài xe nhà binh Nhật ghé vào huyện. Mỗi lần ghé vào huyện một cách bất chợt như vậy thì mấy chiếc xe này lại không đậu theo lối đi mà chạy thẳng đến mấy giàn bông hay chỗ có bóng cây, có khi còn chạy thẳng vô đậu dưới giàn mướp sau nhà. Tôi có hỏi cha tôi tại sao họ làm như vậy thì cha tôi bảo là tại họ muốn núp không cho máy bay Đồng minh thấy sẽ bắn. Tôi không hiểu Đồng minh là gì, và tại sao họ lại bắn xe Nhật. Còn mẹ tôi nói người Nhật thường hay chặt tay những người ăn cắp bị họ bắt được. Họ lại còn có thói quen mổ bụng để tự sát mỗi khi họ bị thua nhục trước người khác. Hèn gì mấy ông quan Nhật lúc nào cũng đeo lưng lủng lẳng một thanh gươm dài bên hông. Nghe những chuyện rùng rợn như vậy, tôi đâm ra không thích Nhật, và mỗi lần thấy có xe Nhật vào huyện là tôi lại cảm thấy bồn chồn lo sợ.

Bình thường, mọi sinh hoạt trong huyện hình như cũng chỉ là một số công chuyện lặp đi lặp lại và xảy ra một cách thật đều đặn theo những hồi trống ngày hai buổi báo hiệu giờ làm và giờ tan việc, chỉ trừ đôi khi có quan Tây hay cụ lớn An nam nào đó ghé huyện là một dịp để cho huyện tổ chức nhận nhip đón tiếp. Các tráng đinh lo dọn dẹp, trang hoàng, kết bông và treo cờ, những lá cờ đuôi

neoh ngũ sắc và cò xanh trắng đỏ. Quan lớn bao giờ cũng đến bằng xe du lịch sơn màu đen bóng. Phường nhạc bát âm đứng đón ở ngoài cổng. Toán lính lệ lẳng xăng chạy tới chạy lui, còn toán lính cơ thì dàn thành một hàng ngang trước bùng binh cột cờ, hướng mặt vào công đường. Những chiếc lười lệ được tuốt trần, sáng loáng, cắm trên nòng khẩu súng dài cho thêm vẻ oai phong. Tôi tìm một chỗ khuất nẻo đứng nhìn vì cha tôi dặn con nít không được phép đến gần chỗ quan quyền.

Cũng có lần tôi tìm được chỗ núp gần hơn để xem cho rõ. Hôm ấy huyện đang sửa soạn để tiếp đón cụ lớn Thượng. Khi xe cụ lớn vừa hiện ra xa xa là phường bát âm bắt đầu thổi nhạc. Các hương hào viên chức trong huyện đều áo dài khăn đóng chỉnh tề đứng trong sân trước công đường. Đội lính cơ trong tư thế chuẩn bị, và khi xe quan lớn vừa vào tới tiền sảnh thì toán lính cơ bồng súng chào trong khi cây kèn đồng độc nhất của đội lính cơ thổi một điệu nhạc ngắn. Cha tôi đứng chờ sẵn nơi bậc cấp. Cụ lớn trong bộ áo dài gấm màu xanh dương bệ vệ bước ra khỏi xe, và mọi người xá chào. Thật là uy nghi, thật là trịnh trọng. Qua buổi lễ, huyện lại vắng lặng.

Mỗi chủ nhật cha tôi cỡi ngựa còn tôi và em tôi theo mẹ ngồi xe kéo đi xem lễ ở nhà thờ Kiêu đông, cách huyện chừng 5 cây số. Ngôi nhà thờ nhỏ lợp tranh trông cũng nghèo nàn như vùng đất chỉ thấy toàn cát và sỏi đá nơi đây vậy. Mỗi lần đi lễ như vậy, tôi lại có dịp nhìn thấy cái tháp nhỏ bằng gạch đỏ nằm về phía nam của con đường đất. Cha tôi bảo đây là đất nước Chiêm thành cũ, và cái tháp đó là di tích của một vương quốc đã diệt vong. Vào thời xa xưa, thành Đồ Bàn, kinh đô của vua Chiêm cũng nằm trong vùng đất này. Mẹ tôi thì lại bảo đất Chiêm thành có rất nhiều ma Hời nên mỗi khi nhìn thấy cái tháp tôi lại thấy e ngại và bị ám ảnh về những ý tưởng suy vong và chết chóc. Nhìn thấy nhiều cái không giống như những điều mình mơ ước tưởng tượng, đôi khi tôi băn khoăn tự hỏi không hiểu tại sao cha mẹ mình lại bỏ chỗ đô hội đông vui để về đây sống buồn nản như vậy.

Có lẽ mẹ tôi cũng không thích cuộc sống ở đây lắm vì tôi thường nghe người chê trách nào là chợ búa thì xa xôi mà cũng phải dầm bầy ngày mới có một phiên chợ, còn hương làng biếu xén thì chỉ thấy cái đầu heo, chẳng bao giờ có được miếng thịt mà ăn. Chính tôi cũng nhận thấy điều này. Cứ như rằng mỗi lần làng tổng có đình đám là đám hương hào lại lễ mễ bưng tới một mâm có phủ khăn đỏ. Lúc giờ ra thì bao giờ cũng là một cặp rượu "công xỉ" và cái đầu heo trắng hếu banh đôi má ra, còn đôi mắt thì híp lờ mờ làm cho tôi có cảm tưởng như là heo vẫn còn ngơ ngác về một điều gì đó.

Cái món đầu heo này đem biếu quan để tỏ lòng kính trọng nhưng quan lại chẳng bao giờ đụng tới nên rốt cuộc chỉ có mấy chú lính trong huyện là có được bữa rượu, còn quan hưởng tấm lòng. Cũng có khi có người mang biếu quà gì đó và còn đèo thêm cặp gà hay là con gà sống thien nhót trong cái lồng tre. Họ thường xin mấy chú lính lệ cho vào nhà sau gặp mẹ tôi nhưng sau đó tôi thấy cha tôi đi vào, la rầy chú lính lệ và trách mẹ tôi điều gì đó, còn người đến biếu xén thì lại mang quà ra về mà mặt mày thì buồn thiu. Tôi không hiểu chuyện, nhưng thấy mẹ tôi buồn tôi cũng không vui.

3.- NGHE BẮT ĐẦU NIỀM THƯƠNG NHỚ

Mẹ tôi ngày nhỏ cũng từng được đi học chút ít chữ Pháp, biết làm thơ, biết hát nhạc mới, và trong hôn nhân, người kết hôn với cha tôi là do tình yêu chứ không phải do sự định đoạt của đôi bên gia đình. Đối với xã hội thời bấy giờ, mẫu người như mẹ tôi được coi như là thành phần phụ nữ mới. Điều làm cho tôi nhớ đến mẹ tôi nhiều nhất là khi sống ở chốn huyện lỵ nhỏ này, hình như người có một nỗi buồn nhớ nào đó cho nên tôi vẫn thường nghe mẹ tôi hát những bài hát với âm điệu dịu buồn, làm cho tôi nhiều lúc cũng cảm thấy buồn lây. Bài mà mẹ tôi thường hay hát nhất có những câu như : "Buồn nhớ cố hương, lòng ta có bao giờ thắm tươi...", hoặc là: "Sống xa một mình, ta đau lòng nhớ tới quê nhà..." Tuy lúc bấy giờ tôi chưa hiểu được ý nghĩa, nhưng qua giọng hát của người, tôi cũng nhận thấy người có một nỗi thiết tha nào đó về một cái gì thật là cách xa...

Nhưng cái nỗi nhớ thốt ra lời kia, theo như bây giờ tôi nghĩ, cũng chỉ là để che dấu một nỗi buồn khác còn nhiều ray rứt hơn. Trước khi gia đình tôi bỏ Huế để vào Bình định thì mẹ tôi cũng vừa bỏ mất một đứa con. Thằng em trai của tôi chết khi vừa tròn một tuổi. Tôi chỉ nhớ ngày ấy nó bị mọc hai cái nhọt đằng sau mang tai. Cha mẹ tôi mang nó cho bác sĩ khám và bác sĩ đã giải phẫu cho nó. Sau khi băng bó xong, mẹ tôi ẵm nó về nhà. Tôi nhìn thấy đầu nó quấn băng trắng chằng chịt. Qua hôm sau tôi thấy mẹ tôi và chị giúp việc sửa soạn tắm rửa cho nó. Tôi đang chơi ở phòng ngoài thì nghe trong buồng có tiếng nó khóc ngất lên một hơi ngắn rồi tiếp theo là tiếng mẹ tôi nức nở và tiếng chị người làm kêu la thất thanh. Tôi chạy vào thì thấy mẹ tôi đang ẵm ngửa nó nằm bất động trong lòng, ở dưới đất còn vương vãi đồng băng trắng loang lổ vết máu đỏ.

Tôi không nhớ rồi sau đó còn có những việc gì xảy ra, nhưng tôi nhớ là tôi có được cha mẹ tôi cho đi đưa đám nó, và nó đã được chôn cất tại Phủ cam, trong khu nghĩa trang mà bà ngoại ruột của tôi đã yên nghỉ từ ngày mẹ tôi mới lên hai tuổi. Tôi nhớ rất rõ điều này vì sau khi từ giã nó, tôi được cha mẹ tôi dẫn đến viếng mộ bà ngoại.

Từ ngày mất nó, mẹ tôi không còn tươi vui như trước. Hình như người luôn luôn có một nỗi ray rứt nào đó ở trong lòng. Nhiều người đến thăm và khuyên giải mẹ tôi. Trong vô số những lời người khác dùng để an ủi mẹ tôi mà tôi nghe được, hình như đều có nhắc đến một điều: "nó chết đi vào lúc tuổi đời còn hoàn toàn trong trắng là một phước lớn vì nó được Chúa trên trời cao rước thẳng về nước Thiên đàng". Đành rằng nó đã về thẳng với Chúa trên nước Thiên đàng, nhưng riêng đối với người còn sống thì cũng không làm sao tránh khỏi buồn rầu vì nhớ thương.

Thấy mẹ tôi hay nhắc nhở về một quê hương với một giòng sông, một ngôi nhà với giàn hoa thiên lý, một xóm làng thân thuộc với bao nhiêu là kỷ niệm êm đềm, tôi cũng cảm thấy mình cũng cần phải có một quê hương để thương nhớ. Nhưng trong ký ức của tôi chưa hề có hình ảnh một giòng sông hay một ngôi nhà nào cả. Còn bà con thân thuộc thì lại càng khó hình dung hơn nữa vì ngoài ông bà ngoại tôi nhớ có gặp qua vài lần ngắn ngủi, tôi không còn biết ai khác, lấy đâu ra kỷ niệm bây giờ. Cha tôi thì lại không nói gì về quê hương của mình và hình như quê hương đối với người có một điều gì đó khiến cho người có vẻ như không bao giờ muốn nhắc đến nó với tôi.

Cùng đi theo vào ở đất Bình định này với cha mẹ tôi còn có anh Đài. Mẹ tôi có bảo cho tôi biết anh ta tức là anh họ bên ngoại của tôi. Năm ấy anh ta cũng vào khoảng tuổi 16 hay 18 gì đó. Di họ tôi nhà nghèo lại đông con nên khi nghe tin cha tôi ra làm quan bèn nhờ mẹ tôi xin với cha tôi cho gửi gắm anh Đài theo để mong có dịp tiến thân. Tôi không biết lúc sống ở huyện lỵ này anh Đài có làm công việc gì bên ngoài không chứ riêng về những công việc trong nhà thì cũng đã có nhiều người, ai lo việc nấy rồi. Có điều tôi không thấy anh ta cùng ngồi ăn cơm chung bao giờ. Anh ta được cha mẹ tôi dành cho một phòng nhỏ riêng ở dãy nhà ngang. Thỉnh thoảng đi qua phòng mà thấy có anh ta ở trong đó, tôi vẫn hay ghé vào để nghe anh ta kể chuyện.

Anh ta kể cho tôi nghe đủ thứ chuyện, tôi cũng không còn nhớ nổi. Tuy nhiên có một chuyện mà anh ta kể với giọng say sưa và kể đi kể lại không hề chán là ở một xứ sở xa xôi nào đó, mọi người đều sống một cách thật là sung sướng vì tất cả mọi cái đều là của chung và ai cũng có quyền hưởng một cách đồng đều cho nên được gọi là xứ cộng sản. Có lẽ do cái niềm mơ ước đó ám ảnh mà anh Đài hay nhắc đến hai chữ Cộng sản cho tôi nghe với niềm hân hoan của một người ngoan đạo nói đến hai chữ Thiên đàng. Tôi chẳng hiểu cộng sản là gì, nhưng còn chuyện cái gì cũng là của chung cả thì tôi không thích tí nào.

Tôi không thích chiếm cái gì thuộc về người khác nên tôi muốn người khác cũng phải để cho tôi được có những cái riêng tư của tôi. Những chuyện anh Đài kể hầu như hoàn toàn trái ngược với những chuyện mẹ tôi kể vì tôi cũng đã từng nghe mẹ tôi nói chuyện có một lần lúc tôi chưa sinh ra đời, ở quê ngoại tôi cũng đã từng có lần cộng sản nổi dậy, giết rất nhiều người làm cho mọi người sợ lắm. Tôi không biết chuyện nào là đúng, nhưng tôi cũng không tin lời anh Đài nên cũng chẳng bao giờ tôi đem những chuyện anh ta kể cho tôi nghe ra kể lại cho cha mẹ tôi, vì lỡ cha mẹ tôi mà la rầy anh ta thì thế nào anh ta cũng ghét tôi. Dù sao thì anh ta vẫn là anh họ của tôi kia mà.

Giờng đời cứ thế mà trôi được độ nửa năm thì một hôm tôi thấy huyện xôn xao vì có tin Nhật đảo chính, Tây đã bị lật đổ. Tôi nghe mọi người nói Việt nam được độc lập. Nhưng độc lập là cái gì, tôi không hiểu. Tôi chỉ thấy lá cờ xanh trắng đỏ bị hạ xuống. Sau đó có lá cờ vàng sọc đỏ mà người ta bảo là cờ quẻ ly được kéo lên, bay phất phới trên cột cờ trước công đường, và trong huyện vẫn không có gì thay đổi.

Rồi có hôm nào đó có tiếng máy bay gầm thét ngang qua huyện và tiếp theo là mấy loạt tiếng nổ rền vang động bầu không khí vốn thường yên tĩnh. Mọi người dáo dác lo sợ. Khi máy bay đi khỏi một lúc lâu thì có người đến báo cùng cha tôi máy bay Đồng minh vừa mới bắn đoàn xe lửa chở hàng đang đậu ở ga. May mắn không có ai bị thương, chỉ có mấy toa xe bị trúng đạn thủng lỗ chỗ mà thôi. Sau đó cha tôi cho lệnh làm mấy cái hầm trú ẩn và dặn cả nhà nếu nghe báo động là phải xuống hầm ẩn nấp.

Quan Tây không còn xuất hiện nhưng bắt đầu có một hai quan Nhật mặc đồ kaki, đeo gươm dài lết phết ghé huyện. Mấy chú lính cơ lính lệ trong huyện đều mất đi vẻ oai phong. Còn viên thông ngôn người Việt nam đi theo mấy viên sĩ quan Nhật thì lại ra vẻ lẳng xằng hách dịch như thể mình chính là kẻ quan trọng.

Cũng vào khoảng thời gian này, tôi lại nhận thấy một hiện tượng khác thường xảy ra bên ngoài. Hết ngày này qua ngày khác, trên con đường quốc lộ chạy qua trước huyện, có những tốp người lẻ tẻ, vừa đàn ông lẫn đàn bà, người nào cũng óm yếu xanh xao, có người chống gậy mà hình như cũng không bước nổi. Tất cả đều ghé vào huyện xin ăn và tất cả đều hướng về nam đi tiếp. Họ đều có chung một giọng nói không giống với giọng người ở địa phương này mà lại na ná giọng của những người trong gia đình tôi. Tôi có hỏi mẹ về họ thì mẹ tôi bảo rằng họ là những người dân từ miền Bắc, vì nạn đói nên đã phải bỏ xứ mà đi. Quê tôi cũng đâu ngoài miền Bắc. Người ta bảo ngoài miền Bắc, Nhật thu gom hết lúa gạo khiến cho người dân quê không còn cái gì để ăn. Có nơi người đói đã ăn cả thịt người. Tôi nghe mà rợn tóc gáy. Lẽ nào quê hương tôi lại buồn thảm đến thế sao?

Đó cũng là tất cả những biến chuyển của một giai đoạn lịch sử sôi động của đất nước tại một huyện lỵ nhỏ bé mà tôi đã ghi nhận được vào ký ức của mình. Tuổi thơ bắt đầu ý thức về cuộc đời xung quanh mình của tôi đã ghi dấu bằng những hình ảnh khởi mào của một cuộc chiến tranh trường kỳ và gian khổ trên đất nước này, nhưng tôi vẫn chưa hiểu biết gì cả. Tôi vẫn đang tưởng tượng đến một vùng đất nào đó thật êm đềm, có một giòng sông, có ngôi nhà ấm cúng và những ngày sống thật thanh bình. Còn cái huyện lỵ Phù cát nhỏ bé và buồn tẻ này, với những gò cát

nóng hoang vu, những con ma Hời vất vờng từ cái tháp Chàm hoang phế theo như tôi tưởng tượng, chỉ là một thoáng nhớ qua đi, nếu như một ngày nào đó, tôi không còn ở đây nữa.

4.- THÀNH PHỐ BIỂN ÊM ĐÈM

Vừa nghỉ hè sau năm học đầu tiên ở Phù cát thì tôi nghe mẹ nói cha tôi nhận được lệnh đổi vào phủ Tuy an ở Phú yên. Nhiều người đến mừng cha tôi đã thăng quan tiến chức nhanh chóng. Tôi không thích Phù cát nhưng nghe cha tôi bảo Tuy an thì cũng giống như Phù cát vậy thôi nên cũng không ham thích dời đổi. Hình như tôi đã bắt đầu tìm thấy nơi đây một vài cảnh quen thuộc với tôi rồi. Hàng cây trứng cá trồng lúc tôi mới đến đã cao nhanh hơn tôi rất nhiều và bây giờ đang cho trái. Giàn hoa thiên lý mẹ tôi trồng sau dãy nhà ngang đã ra hoa khá nhiều. Tôi đã được ăn món canh mẹ tôi nấu hoa thiên lý với thịt nạc. Và vào những buổi chiều, tôi cũng đã có thể bắc ghế ngồi dưới giàn hoa, ngửi hương thơm và chờ ngắm những chuyến tàu chạy qua.

Cha tôi vừa làm lễ bàn giao xong thì em tôi bị bệnh nặng phải đưa về nhà thương Quy nhơn điều trị nên chỉ có mình cha tôi đi trước vào nhiệm sở còn tôi ở lại Quy nhơn với mẹ. Sau một thời gian sống ở huyện lỵ, thiếu những tiện nghi thành phố, nay trở lại được sống ở chỗ có đèn điện, thấy phố xá đông người, cảnh trí lại có núi có biển, tôi vui thích lắm. Thích hơn nữa là ở đây cũng có cà rem, món ăn tuyệt vời đối với tôi tuổi ấy, do đó mà tôi cũng không còn tha thiết với hàng cây trứng cá cùng giàn hoa thiên lý nữa. Còn con tàu thì ở đâu mà chẳng có.

Bỗng một hôm tôi thấy những đoàn người cầm cờ đỏ sao vàng đi các phố hô to nhiều khẩu hiệu có những tiếng như là "Việt Minh, Đồng Minh, Cách Mạng, Tự Do, Độc Lập, Thực Dân Phạt Xít, Phong Kiến, Đả Đảo, Muôn năm v.v..." toàn là những tiếng mà tôi chẳng hiểu ra làm sao cả. Rồi có những người đội ca lô, đeo dao găm hay vác gậy gộc, một vài người còn có cả súng dài xưng là Giải phóng quân chia nhau canh gác khắp nơi, còn mấy người lính Nhật trước đây vẫn là mối lo sợ của tôi nay bỗng nhiên vắng bật. Tôi có hỏi mẹ nhưng mẹ tôi cũng không thể nào cắt nghĩa cho tôi hiểu thêm được tí nào. Thôi thì đành đợi cha tôi vậy.

Và cha tôi cũng đã trở về, cho tôi biết không phải đi Phú yên nữa. Nước nhà đã độc lập, Cách mạng nắm chính quyền, quan quyền đã cáo chung, toàn là những chuyện khó hiểu. Mới hôm nào tuyên bố độc lập, bây giờ lại cũng tuyên bố độc lập. Nhưng bây giờ thì có các ông Việt minh xuất hiện, đeo băng tay đỏ với ngôi sao vàng và nói năng có vẻ hùng dũng lắm. Dân chúng thì biểu tình mít tinh, hoan hô đả đảo rầm rộ, tay nắm nắm lên trời mạnh bạo chứ không nghiêm chỉnh khép nép như trước đây.

Tôi nghe người ta nói Việt minh giết người nhiều lắm. Tôi không thấy, nhưng tôi không thích màu cờ đỏ, nhất là không thích nghe người ta hát : "...tuốt gươm vùng lên, đã đến ngày trả mối thù chung..." Mà có lẽ Việt minh giết người thật vì người ta còn hát: "cờ pha máu chiến thắng..." với lại "thề phân thây uống máu quân thù ..."tôi nghe mà cảm thấy rùng mình. Tôi thấy mẹ tôi xếp cất mớ áo dài khăn đóng của cha tôi vào ngăn quần áo không dùng tới. Tôi cũng không thích gì cái màu đen ảm đạm này. Tôi chỉ thích màu xanh da trời, màu xanh của cây lá và màu xanh của một dòng sông. Trong gia đình tôi mọi người vẫn bình thường. Cha tôi đưa gia đình dọn đến một căn nhà ở một khu phố yên tĩnh, có cổng, có rào tường, có lối đi vào rải sỏi với giàn bông trước ngõ. Trên cánh cửa chính trước nhà còn dính tấm danh thiếp: "Án Sát..." vì ngôi nhà nguyên là tư thất của vị quan Án trước đây. Nhà có phòng khách, phòng ăn, buồng ngủ và phòng tắm, mở vòi là có nước chảy. Phía sau là nhà bếp, nhà kho và có cả nhà để xe. Tại giếng bên hông bếp có một cái bơm nước bằng tay dùng bơm nước lên hồ chứa trên mái nhà. Buổi tối chỉ cần vặn nút một cái là có đèn điện sáng. Mẹ tôi lo sắp đặt mọi thứ cho ngăn nắp.

Tôi lại được sống ở thành phố, có những tiện nghi dễ chịu và nhất là không bị gò bó trong những khuôn phép rắc rối như lúc sống ở huyện lỵ. Tôi được đi dạo phố, được đi tắm biển, được uống nước dừa tươi nơi hàng giải khát, được ra thăm bến cảng, nhìn xác chiếc tàu dầu của Nhật bị Đồng minh đánh đắm còn nằm chìm nửa phần trong vịnh. Cha tôi bảo Nhật thua trận rồi, không

còn đánh nhau nữa. Điều mơ ước của tôi đến thật bất ngờ. Tôi vui thích với ngôi nhà, với thành phố biển xinh đẹp và mới lạ này. Chỉ hơi thiếu một giòng sông, nhưng bù lại đã có biển. Và tôi đang chờ đợi mẹ tôi trồng lại một giàn hoa thiên lý khác.

Nhưng cũng chính từ ngôi nhà này tôi lại chợt nhận ra cứ mỗi sáng và tối thường có tiếng kèn đồng thổi một điệu nhạc ngấn vào những giờ nhất định phát ra từ khu phố kế cận. Khu phố giới hạn bằng bốn mặt đường đó được bao bọc kín mít bằng một vòng tường rào cao, trên bờ tường lờm chờm mảnh chai. Tại bốn góc có chòi canh và luôn luôn có người cầm súng gác. Tôi hỏi anh Đài thì anh ta bảo tôi đó là nhà lao, tức là nơi dùng để nhốt những người phạm tội. Nhưng vì sao họ lại phạm tội để bị nhốt thì anh Đài không trả lời. Tôi không thấy được những người bị nhốt sau bức vòng tường, nhưng tiếng kèn đồng vẫn nhắc nhở cho tôi biết có người đang bị giam giữ trong đó và tôi cảm thấy như có một chút buồn xâm chiếm mỗi khi nghe thấy tiếng kèn.

Cũng từ lúc dọn về căn nhà này thì anh Đài hay vắng nhà. Căn nhà xe không có xe để cất nên anh ta chiếm làm giang sơn riêng của mình. Có một lần thấy anh có nhà, tôi bước vào chơi thì thấy anh ta cũng có đeo băng tay đỏ với ngôi sao vàng, lưng mang dao găm và một đoạn dây thừng quấn gọn ở bên hông. Tôi hỏi anh ta đeo dây thừng làm gì thì anh bảo để dùng trói Việt gian. Tôi cũng chẳng hiểu Việt gian là gì và Việt gian ở đâu để cho anh ta trói, nhưng cái chuyện trói người hay bị người khác trói đều là những điều tôi không thích tí nào.

Qua bữa đó tôi không thấy anh Đài về nhà cho đến một hôm tôi bỗng thấy anh ta xuất hiện trong bộ đồng phục Vệ quốc đoàn màu mận quân, đầu đội ca lô có ngôi sao vàng. Anh nhìn tôi với vẻ hãnh diện và tôi cũng nhìn anh ta với tất cả niềm khâm phục. Anh cho cha mẹ tôi biết là anh sắp sửa lên đường vào Nam bộ chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc. Tôi không biết xứ Nam bộ xa xôi đến mức nào nhưng sự ra đi của anh Đài quả thật là một hành động hào hùng. Anh từ giã cha mẹ tôi, xoa đầu tôi hẹn gặp lại, và cũng từ đó tôi không bao giờ còn thấy anh trở lại.

Niên học này tôi được đi học ở trường các sư huynh dòng La san. Trường to lớn khang trang, lớp học rộng rãi và bốn mặt tường đều có bảng lớn. Các sư huynh đều vui vẻ và rất thương yêu học trò chứ không phải lúc nào cũng nghiêm nghị như mấy ông giáo ở trường huyện. Tôi có bạn và chúng tôi có những câu chuyện để trao đổi, nhất là những câu chuyện như Đồng minh tước khí giới Nhật, hoặc chuyện Nam bộ kháng chiến, những mẩu chuyện mà chúng tôi nghe lóm được của người lớn nhưng thực ra chúng tôi chẳng hiểu gì cả. Và ở trường chúng tôi được các sư huynh tập cho hát những bài ca yêu nước. Chúng tôi chiêm ngưỡng hình ảnh anh Vệ quốc quân và bắt chước các toán dân quân du kích chơi trò bắn súng, đánh trận giả. Chúng tôi đang tưởng tượng trò chiến tranh trong cái cảm giác của một cuộc sống thật thanh bình.

Đối với chúng tôi, những chuyện đánh nhau, bắn giết ngoài chiến trường mà người lớn vẫn nói chuyện với nhau cũng chỉ giống như những chuyện tưởng tượng vui chơi trẻ thơ của chúng tôi thôi. Cuộc đời vẫn vui và thành phố vẫn hiền hòa, tôi không hề hiểu biết tí gì về những diễn biến phức tạp của tình hình cho đến một hôm tôi nghe cha tôi nói tất cả dân thành phố sẽ phải tản cư vì có lệnh. Người ta loay tinh với nhau, nào là Tây đã đánh ra Nha trang, nào là Tây sắp sửa đổ bộ lên Quy nhơn. Ngoài đường phố thấy kẻ nhan nhản khẩu hiệu: "Thà chết chứ không chịu làm nô lệ". Tôi không hiểu thế nào là nô lệ, nhưng nô lệ chắc là khổ lắm nên tôi cũng không muốn làm nô lệ. Còn cái chuyện thà chết thì tôi rất phân vân, vì chết thì cũng chẳng còn gì nữa.

5.- NHỮNG NGÀY ĐẦU TẢN CƯ

Tuy là hàng quan lại Nam triều nhưng sau ngày Toàn quốc khởi nghĩa cha tôi vẫn được Việt minh mời tham gia chính quyền mới cho nên khi cơ quan chuẩn bị dời khỏi thành phố, người cũng phải sắp đặt đi theo. Thế là gia đình tôi lại thu xếp đồ đạc, chỉ mang theo những đồ cần dùng cho vào mấy chiếc va li, còn bao nhiêu thứ cồng kềnh vẫn để lại, khóa cửa nhà ra đi. Tản cư chỉ là chuyện tạm thời thôi, ai mà chẳng nghĩ vậy. Tôi đành tạm biệt mấy tên bạn thân yêu. Chúng nó rồi cũng sẽ theo cha mẹ đi tản cư, chưa biết về đâu. Nhưng tất cả đều hẹn nhau sẽ gặp lại để tiếp tục những dự tính đang bỏ dở, vì chiến tranh rồi cũng sẽ qua mau như trò chơi đánh trận giả của chúng tôi vậy thôi.

Thuê nguyên một chuyến xe ngựa, gia đình tôi bỏ thành phố đông vui để lóc cóc chạy trở ra Phù cát. Trên đường từ Quy nhơn trở ra Phù cát lần này, tôi mới chợt để ý đến một số tháp Chăm ở vùng An nhơn. Những ngôi tháp màu gạch nung này có vẻ lớn hơn ngôi tháp tôi đã nhìn thấy trước đây ở Phù cát, và tất cả đều đứng chơ vơ trên những ngọn đồi trọc, nổi bật lên nền trời của một vùng nhiều đồng ruộng ít núi non này đã tạo cho tôi một sự tưởng tượng như nhìn thấy những vết thương trên một thân thể lành lặn. Thì ra đất Bình định này còn nhiều di tích của Chiêm thành chứ không phải chỉ độc nhất ngôi tháp nhỏ ở huyện Phù cát đã từng gây ám ảnh cho tôi trước đây.

Dĩ nhiên chúng tôi không về lại huyện đường mà ở đậu nhà một thầy thơ cũ trong huyện. Tuy nhiên tôi cũng đã có dịp nhìn lại huyện đường. Về nghiêm trang mới ngày nào không còn nữa mà huyện bây giờ trông giống như một cái kho gạo. Người ta bảo đó là gạo cứu đói cho miền Bắc và người ta còn nói rằng trong nạn đói vừa rồi ở miền Bắc có tới hai triệu người chết. Tôi không thể hình dung nổi hai triệu người là đông như thế nào, nhưng dù sao thì con số hai triệu cũng có mãnh lực gây cho tôi một ấn tượng khủng khiếp. Tôi bỗng nhớ lại những tốp người gầy guộc, rách rưới và xanh xao vẫn kéo nhau đi ngang huyện trước đây. Không biết bây giờ họ ở nơi nao, có tìm cho mình được sự no ấm như điều họ mong ước khi bỏ xứ đi tìm hay không, vì ngay chính tôi bây giờ cũng không còn thấy mình được yên vui với cuộc đời như trước đây nữa.

Trước khi gia đình tôi đi tản cư thì bác sĩ đã khám phá ra mẹ tôi vướng bệnh lao phổi. Vì cha tôi phải đi theo cơ quan, mà cơ quan thì đang nay dời mai đổi, còn tình hình tản cư có thể sẽ còn kéo dài chưa biết đến bao giờ nên cha tôi mới sắp xếp cho gia đình về sống tại một miền quê hẻo lánh để cho mẹ tôi được yên tĩnh dưỡng bệnh. Đó là xứ Đại an, một họ đạo cũng thuộc huyện Phù cát, nằm trên đường đi xuống cửa biển Đề gi và tiếp giáp với núi rừng. Cảnh trí ở đây thật là cô tịch vì ít thấy đồng ruộng mà phần nhiều là đất rẫy khô khan và những gò cát bỏ hoang có nhiều bụi dứa dại mọc um tùm.

Chúng tôi ngụ tại nhà ông Cữu, một điền chủ vùng này. Cha tôi mỗi cuối tuần mới về thăm một lần. Ngôi nhà và cả khu vườn xoài to rộng của ông Cữu vốn là khu chủng viện xưa kia của giáo phận Quy nhơn trước thời chủng viện được dời về Làng sông. Trừ khoảnh vườn xung quanh ngôi nhà ông Cữu hiện đang ở là được dọn dẹp sạch sẽ, trong khu vực vẫn còn dấu vết những cái nền rộng lớn của những dãy nhà bị phá đổ bỏ hoang, cây dại phủ um tùm. Riêng hai cái tháp vuông bằng gạch rêu phong thì vẫn còn sừng sững đứng chơ vơ ở mặt tiền một nền nhà rộng lớn mà đám táo nhơn đã mọc lên như rừng. Đó là di tích của ngôi nhà thờ ngày xưa. Dời đóng trong tháp không biết cơ man nào mà kể. Nhìn ra xung quanh tôi chỉ thấy toàn là những vết tích của một sự hoang phế.

Nói là về đây để dưỡng bệnh nhưng thực ra thì sức khỏe của mẹ tôi cứ suy yếu dần dần. Trong họ đạo cũng có mấy người đang mang bệnh giống như mẹ tôi. Vào thời bấy giờ, y học còn lạc hậu, thuốc men không có, những người mắc bệnh như mẹ tôi đều hiểu rằng cuộc đời của mình sẽ chẳng còn bao lâu nữa. Bây giờ thì mẹ tôi ăn riêng, ngủ riêng, có đồ dùng riêng và anh em tôi

không được phép sà vào lòng mẹ và ôm lấy mẹ như xưa nữa. Tôi tự hỏi cuộc đời sao lắm chuyện oái oăm đến thế. Thoáng yên vui của những ngày thanh bình ở một thành phố êm đềm qua mau và bây giờ là những ngày tẻ nhạt ở một vùng thôn dã hẻo lánh, lại còn thêm nỗi khó khăn và chật vật của cảnh sống tản cư nữa.

6.- NHƯ CON CHIM NON TRONG KHU RỪNG LẠ

Theo như cha tôi đã sắp xếp đâu đấy với cha sở, mỗi tuần vài ba ngày, tôi lên nhà thờ để ngài dạy cho học. Tôi không nhớ ở đây có trường học hay không, vì tôi chẳng học theo trường lớp nào cả. Tôi cũng chưa bao giờ thấy xuất hiện bóng dáng một học sinh nào khác. Chỉ có cha sở là thầy giáo và tôi là tên học trò duy nhất. Lớp học là chỗ kê cái bàn ăn lớn và dài ở khu hàng ba thoáng mát. Vào mỗi sáng, ngài thường dạy tôi một bài tập đọc, hoặc ít ngữ vựng tiếng Pháp, vài bài toán, và dĩ nhiên ngài cũng dạy tôi giáo lý nữa. Buổi chiều, nếu không bận công việc, ngài dẫn tôi theo ngài đi đó đây.

Nhà thờ này tương đối lớn so với nhà thờ Kiều đông mà hồi còn ở huyện tôi vẫn thường đi lễ, nhưng xóm đạo thì cũng nghèo nàn giống nhau. Ngoại trừ nhà cha sở và nhà ông Cửu ra, hầu hết nhà trong xóm chỉ là những nhà tranh vách đất lụp xụp. Hầu như nhà nào ngoài các tượng ảnh Chúa, còn treo thêm hai bức ảnh gọi là chết lành và chết dữ. Kể lành khi hấp hối được các Thiên thần đến rước và Chúa trên trời cao dang tay đón về. Kể dữ khi chết bị quỷ sứ lôi kéo vào hỏa ngục cho lửa thiêu đốt. "Quê hương thật chính là nước Trời," vị linh mục vẫn dạy tôi như vậy. Tôi chưa muốn tưởng tượng đến Thiên đường hay Hỏa ngục. Đối với tôi, trần gian này vẫn đang còn rất nhiều thứ để cho mình mơ ước hơn.

Cha sở là một vị linh mục hiền hòa và vui tính, có sở thích câu cá, nhử chim cu và ngài cũng rất mê âm nhạc. Tuy vậy tôi lại thấy ngài chẳng hiểu tôi tí nào. Ngài không bao giờ thích những điều tôi tưởng tượng. Ngài thường dẫn tôi theo ngài đi câu hoặc đi nhử chim cu, thú tiêu khiển của ngài nhưng đối với tôi lúc bấy giờ là cả một cực hình vì tôi không tài nào ngồi yên chờ phao động đập để biết là cá đã cắn câu, hay núp trong một lùm cây nào đó, nghe ngóng chờ nghe con cu mỗi gáy rú bạn tới để rồi vướng vào bẫy sập và bị bắt. Nhiều khi ngồi cả buổi trời, ngóng đã mỏi cổ, chẳng bắt được gì, cha sở lại vai vác cây sào dài, tay xách cái lồng chim mỗi lững thững đi về, lại còn cười ha hả đọc cho tôi nghe:

Trên đời có bốn cái ngu
Mai dong, lãnh nợ, treo cu, cầm châu

Tôi không biết mai dong, lãnh nợ, cầm châu là như thế nào mà bị gọi là ngu, nhưng còn cái chuyện treo cu tức là máng cái lồng nhốt con chim cu mỗi lên cây chờ cu mỗi gáy rú chim cu trời tới thì tôi tự hện với mình sẽ không bao giờ bị vướng vào cái ngu này.

Ngoài việc dạy tôi học chữ và dạy cho tôi hiểu giáo lý, cha sở còn dạy tôi ký âm pháp và tập hát. Ngài rất thích bài Đêm Đông của Nguyễn văn Thương nên ngài cũng chỉ tập cho tôi có mỗi một bài Đêm đông. Tôi cố bắt đúng giọng và giữ thật đúng nhịp để cho mau xong bài tập hát, còn rung cảm với bài hát thì tôi chẳng thấy mình rung cảm tí nào. Riêng cha sở thì vẫn không ngớt "...bâng khuâng rãi rời... tê tái... nhớ nhưng tiêu điều ... điều hiu..... Đêm đông, ôi ta nhớ nhưng đường về xa xa... ta lê bước chân phong trần tha hương..." Hát đi hát lại mãi những câu buồn trong một cảnh sống cũng buồn nản, nhiều lúc tôi cũng cảm thấy muốn biến mình thành đêm đông luôn để khỏi phải hát nữa.

Về môn giáo lý thì sau khi thấy tôi có thể đọc vanh vách một số kinh trong quyển nhựt khóa, thuộc Mười điều răn Đức Chúa Trời và Sáu điều răn Hội Thánh, cha sở bèn cho phép tôi được xưng tội rước lễ vỡ lòng. Sau khi suy nghĩ và cân nhắc rất nhiều về những tội ghi trong mục xét mình xưng tội, tôi đã mạnh dạn xưng hầu hết mọi tội được in trong sách, có lẽ chỉ trừ tội giết người và tội dâm dục là cái tội gì tôi chưa hiểu. Cha sở vẫn dạy tôi: "Con người vốn đầy tội lỗi. Không phải chỉ có nói hay làm điều tội mới là phạm tội mà chỉ cần nghĩ đến điều tội cũng đã là có tội rồi". Nghe tôi xưng

tội, ngài chỉ biết lắc đầu, nhưng rồi ngài cũng ban phép giải tội cho tôi vì Chúa bao giờ cũng rất nhân từ và luôn luôn tha thứ.

Những ngày không phải lên với cha sở, tôi đi theo chơi, coi mấy anh chị con ông Cửu làm việc. Vào tháng nắng, theo mấy anh chị đi coi người ta chặt mía, bó lại, vác về lò, ép lấy nước, cho vào chảo đun, nấu thành đường, tôi mới thấy bao nhiêu là mồ hôi đã đổ chứ không phải là một trò vui như tôi đã tưởng tượng. Chỉ có một công việc nhẹ nhàng nhất thường dành cho trẻ em, đó là cầm cây roi đi sau cặp bò bị thắng vào cần che, thúc cho bò luôn luôn bước làm cho trục che quay đều để cho mấy người ngồi cạnh che dứt mía vào ép. Nhưng cứ tối ngày cầm cây roi đi mãi sau đuôi hai con bò theo một vòng tròn cố định thì cũng chẳng còn cái cảnh nào buồn nản hơn. Tuy nhiên món đường non mới nấu quệt lên bánh tráng nướng ngon chẳng kém gì mạch nha.

Mùa xoài chín, tôi lại theo coi bẻ xoài. Người ta không leo lên cây lấy tay hái như tôi tưởng, mà dùng một cái sào tre dài, phía đầu sào được kết thành như một cái lồng có chứa một cửa trống nhỏ bên hông. Người hái xoài đưa sào lên, hướng cho trái xoài lọt vào trong lồng rồi giựt cho xoài rơi vào trong cốt tránh cho xoài không bị rớt xuống đất làm cho dập. Mỗi lần hái xoài, tôi lại được ăn thử loại xoài tiến, tức là loại xoài mà theo lời mấy anh chị nói trước đây chỉ để dành dâng vua. Đối với tôi, chỉ có mấy trái xoài còn đang xanh mới là chua, còn hể mà đã là xoài chín thì loại nào cũng ngon ngọt hết.

Cũng có lần tôi được theo mấy anh chị lên núi hái sim, hái chà là. Sim và chà là mọc hoang thành từng vùng trong núi nhiều vô kể. Hoa sim có màu tím nhạt thật đẹp và trái sim thơm mềm, nhưng tôi vẫn thích những trái chà là đen bóng ngon ngọt, dù khi hái nó phải len vào giữa bụi, vạch những tàu lá nhọn như gai để hứng cái rổ sát dưới chùm trái chín rồi dùng cây đập bên trên cho trái rụng xuống. Chà là có thể đem phơi khô, cho vào cối giã lấy lớp cơm ngọt bên ngoài cho vào hũ để dành làm món ăn chơi, còn hạt thì bỏ đi. Do đó tới mùa, người trong xóm rủ nhau đi hái chà là giống như người ta rủ nhau đi trẩy hội.

Chính nhờ đi theo chơi cùng mấy anh chị nơi đây mà tôi bắt đầu tập hội nhập vào đời sống của người dân Bình định. Tôi đã thấy thế nào là cuộc sống ở nông thôn với đủ thứ công việc luôn tay luôn chân. Tôi cũng bắt đầu biết dùng tiếng "nấu" thay cho tiếng người ta, và "qua" thay cho tôi. Và tôi đã ngộ nghê xưng "qua" với tất cả mọi người làm cho những người lớn nghe thấy phải bật cười. Phải đến khi được mấy anh chị con ông Cửu cắt nghĩa "qua" có nghĩa là tôi nhưng là kẻ bề trên xưng với người nhỏ hơn mình chứ không phải ai cũng xưng qua được, tôi mới hiểu cái rắc rối của ngôn ngữ. Để tránh phạm lỗi lầm, từ đó tôi không bao giờ xưng qua với ai nữa và cũng ngưng bắt chước giọng Bình định luôn, dù cho có bị chế diễu là trợ trệ. Tôi cho rằng giọng Bình định mới đúng là eo éo khó nghe. Nhưng họ đông quá, còn tôi chỉ có một mình nên đành phải nhịn.

Từ ngày về sống ở Đại an này, tôi mới có dịp ăn những món ăn thôn dã của người Bình định. Người dân ở đây không hề biết cái bánh chưng mà chỉ biết có đòn bánh tét. Món ăn phổ biến nhất là bánh tráng. Nào là bánh tráng gạo, bánh tráng khoai mì và có cả bánh tráng khoai lang. Người Bình định có thể ăn bánh tráng trừ cơm. Bánh tráng có thể nướng phồng lên và ăn giòn, hoặc cũng có thể cứ để nguyên đem nhúng nước cho mềm lại, quấn với vài cọng rau sống gì đó, chấm với mắm cái có dầm tí ớt cay là đủ rồi. Cá thịt có thể thiếu, nhưng mắm cái là món không thể thiếu đối với người dân quê Bình định. Ăn xong, uống thêm một tô nước chè tươi hay chè huế là đủ no nê. Người ta còn bảo: xưa Nguyễn Huệ đã nhờ biết dùng bánh tráng và bánh tét làm lương khô cho quân mang theo, vừa gọn vừa tiện cho việc ăn uống lúc đi đường nên quân Tây Sơn đã có thể hành quân một cách thần tốc và chiến thắng quân Thanh.

Nhưng quân Tây sơn chiến thắng quân Tàu chính là nhờ có võ nghệ. Mấy anh chị con ông Cửu bảo với tôi rằng, Bình định là nơi phát xuất của quân Tây sơn nên người dân ở đây ai cũng có võ.

Hèn gì tôi thấy mấy anh ấy thỉnh thoảng vẫn luyện võ, múa côn, đi quyền với nhau. Mấy anh chị ấy vẫn bảo với tôi rằng luyện võ cốt để phòng thân, nhưng tôi cho rằng, khi ghét nhau có ai cấm người ta dùng võ để đánh người khác đâu. Cũng vì thế mà từ đó tôi thấy mình bắt đầu nể nang người Bình định.

7.- HOANG ĐẢO ĐẠI AN

Có lẽ cha tôi thấy tôi đã biết đọc biết viết nên cũng cần phải có sách vở để đọc cho nên có một lần người đã mang về cho tôi cả một chồng sách. Trong số những quyển sách dành cho thiếu nhi này, tôi mê say nhất câu truyện phiêu lưu của Lỗ bình sơn. Tôi đọc đi đọc lại mãi, và đâm ra mơ ước mình được như Lỗ bình sơn, sống một mình nơi hoang đảo để khỏi bị ai chế điều mình hay bị người khác ngăn cản mình làm những điều mình thích, cũng như tránh bị rắc rối với những người chung quanh.

Nhưng anh chàng Lỗ bình sơn đã bao lần theo tàu vượt biển đi đây đó, lúc bị đắm mới trôi dạt vào hoang đảo, lại có được bao nhiêu thứ tìm được trong tàu để mà sinh sống. Còn tôi chẳng đi đâu ra khỏi cái thôn hẻo lánh này, cũng chẳng có một thứ gì để lo cho cuộc sống của mình, làm sao tôi có thể trở thành như Lỗ bình sơn được. Nhưng không sao. Không có thể làm một Lỗ bình sơn thật, tôi vẫn có thể bắt chước làm một anh chàng Lỗ bình sơn giả trên một hoang đảo tưởng tượng.

Để cho cuộc chơi thêm phần hứng thú, tôi rủ em tôi cùng chơi, và muốn em tôi đóng vai anh chàng mọi bị một đám mọi khác bắt và sắp đem ra làm thịt thì được Lỗ bình sơn cứu đem về nuôi và được đặt tên cho là Thứ Sáu. Nhưng em gái tôi không bao giờ biết tưởng tượng như tôi, nên không bao giờ tìm thấy cái thú trong cuộc phiêu lưu tưởng tượng của tôi cả. Còn tôi cũng không tài nào hiểu nổi tại sao em tôi lại có thể chỉ loay hoay chơi với con búp bê mà mặt mũi thì lem luốc, áo quần và tóc tai thì đã tơi tả như là cô bé Lọ lem, món đồ chơi mang theo được từ ngày tản cư, lúc nào chán thì lại quanh quẩn nơi nhà bếp với mấy chị em con ông Cửu đang xay lúa giã gạo, nấu ăn, hay làm việc nhà, toàn là những chuyện chán phè. Thế là tôi đành chơi một mình vậy. Tôi đâm ra ao ước, phải chi em tôi là trai, chắc tôi đã có bạn cùng chơi. Tôi bỗng sực nhớ ra rằng tôi cũng đã có một thằng em trai. Nó chết khi vừa tròn một tuổi.

Không có ai để cùng chơi thì tôi đành chơi một mình vậy. Với ít mảnh bánh tráng nướng cho vào túi và tưởng tượng như đó là những cái bánh bích quy của Lỗ bình sơn, một cái ná cao su và vài viên bi đất sét thay cho súng và đạn, tôi một mình lang thang thám hiểm khu vườn rộng hoang vắng như Lỗ bình sơn đi thám hiểm hòn đảo của mình.

Tôi men theo các gò mồi hay các lùm cây bụi, tìm hái những trái giu giẻ hay chim chim và tưởng tượng như đó là những chùm nho rừng mà Lỗ bình sơn tìm thấy nơi hoang đảo. Tôi cũng rình bắn những con cắc kè, rắn mối nhưng hình như tôi cũng chỉ mới hăm dọa được chúng bỏ chạy đi thôi chứ chưa bao giờ hạ được một con vật nào cả. Chỉ có một lần tôi bắn trúng duy nhất là lần nhắm vào cái tổ ong đất nên đã được chú ong nhỏ chích tặng một phát ngay trán sưng vù, lúc về phải dấu mẹ.

Lúc nào chán sục sạo, tôi lại tìm đến hàng cây xoài to cao bóng mát nằm ngả lưng dưới gốc cây nghe chim hót hay nhìn những đàn chim sáo, chim cu trườ bay đi kiếm ăn, vừa nhóp nhép mấy mẩu bánh tráng và những trái rừng tôi mới hái được, vừa tưởng tượng đến ngày được trở về thành phố biển thân yêu như Lỗ bình sơn vẫn từng mong ước có ngày được trở về lại quê hương của mình.

Nhưng hoang đảo mà Lỗ bình sơn sinh sống chỉ có dê và chim chóc, còn ở đây thì lại có nai, heo rừng và cạp. Từ ngày về thôn này tôi chưa được ăn thịt bò lần nào nhưng thịt nai, thịt heo rừng và vài loại thú nhỏ khác thì vẫn được ăn thường xuyên. Có một lần tôi còn được ăn cả thịt cạp, do ông thợ săn trong nhà bắn được mang về lột da xẻ thịt. Người ta vẫn hay kể cho tôi nghe chuyện cạp trong núi về xóm bắt heo và người ta còn bảo, nếu gặp người cạp cũng sẽ vồ, do đó mà mỗi khi đang say mê tưởng tượng một mình giữa cảnh hoang vắng bỗng sực nhớ đến chuyện cạp là tôi lại cảm thấy rờn rợn, vội vã quay về.

Tôi không nhớ tôi sống như vậy trong bao lâu vì tôi chẳng có khai trường hay nghỉ hè gì cả. Hình như tôi đang chờ một mùa sim và chà là chín lại đến để lại được theo các anh chị con ông Cửu đi núi thì nghe mẹ tôi bảo là cha tôi sẽ đưa gia đình ra Bồng sơn ở vì cơ quan cha tôi làm việc đã dời ra đó. Như anh chàng Lỗ bình sơn sau bao nhiêu năm dài cô độc trên hoang đảo vẫn trông mong trở về cố quốc, thì tôi đây, sau những tháng ngày buồn sống ở địa phương này, chơi mãi một mình cái trò Lỗ bình sơn đơn độc, tôi cũng đang trông đợi một sự thay đổi. Đối với tôi bây giờ, Đại an chỉ là một hoang đảo mà tôi đã trôi dạt vào, tôi vẫn hằng mong ước sớm được trở về lại quê hương là cái thành phố biển mà tôi vừa mới được sống vui vẻ chưa bao ngày đã phải rời xa, để gặp lại bạn bè nơi ngôi trường dòng cũ, và kể cho chúng nghe về những tháng ngày phiêu bạt của tôi.

Rồi một hôm cha tôi về thu xếp đồ đạc, cũng chỉ vồn vện mấy cái va ly. Sáng hôm sau một chiếc xe ngựa đến chở chúng tôi. Mọi người ra tiễn đưa. Dù sao thì nơi đây cũng là đất cha tôi trị nhậm ngày trước nên mọi người vẫn còn giữ tình quý mến. Tôi và em gái theo cha tôi ngồi xe ngựa. Mẹ tôi yếu, ngồi xe ngựa e mệt vì bị nhồi xóc khi xe chạy nên cha tôi đã để người đi võng có mui trần do hai người khiêng. Thế là tôi già từ xứ Đại an, già từ hoang đảo của một Lỗ bình sơn nhỏ bé nhiều tưởng tượng.

Đường từ Đại an về huyện lỵ Phù cát khoảng mười cây số là con đường đất gồ ghề, nhiều chỗ hư hỏng , xe phải lội cả xuống ruộng mà đi. Chúng tôi đến Phù cát trước nên ghé lại nhà thầy thơ cũ chờ mẹ tôi. Tôi nhìn thấy mấy căn nhà gạch trong phố đã bị phá nát hết, còn ngôi trường huyện cũng như ngôi huyện đường chỉ còn là những đồng gạch vụn. Duy có hàng cây trứng cá đã cao lớn thêm, đang đứng trơ trọi bên nền căn nhà xưa.

Tại Phù cát, một chiếc xe hơi kiểu du lịch màu đen của cơ quan đến rước gia đình tôi. Vì mẹ tôi bệnh nên Ủy ban tỉnh đã phái chiếc xe này đến để chở gia đình tôi di chuyển. Người tài xế nói cho biết chiếc xe này nguyên là xe của viên công sứ Pháp trước đây nhưng bây giờ chính phủ đã tịch thu, và nay chỉ được đem ra dùng trong những trường hợp đặc biệt. Tôi bỗng nhớ lại những chiếc xe màu đen bóng chở các quan lớn đến huyện mà ngày nào tôi chỉ đứng nhìn. Bây giờ thì tôi đã được ngồi lên nó. Tuy xe có ghế nệm êm, đường có trái đá, cũng có đoạn đã từng được tráng nhựa, nhưng lại bị đào xẻ và dựng chướng ngại vật khắp nơi để "ngăn cản bước tiến của quân thù" theo như lệnh của Ủy ban Kháng chiến vừa ban hành, nên xe chạy cũng có lúc nhồi xóc tung cả người.

8.- BỒNG SƠN VỚI GIÒNG SÔNG LẠI

Vượt hai ngọn đèo, chúng tôi ra tới Bồng sơn. Qua khỏi cây cầu dài bắc ngang con sông rộng, xe chạy vào thị trấn. Nhìn thấy giòng sông, tự nhiên tôi có cảm giác như nhìn thấy một cái gì thật êm ả. Về hướng đông là cây cầu sắt xe lửa bắc song song. Xa xa về hướng mặt trời lặn có những chiếc đập thấp bằng cây cọc và bờ cát chắn ngang sông, và sát bờ là những cái guồng xa nước đang quay một cách đều đặn, chậm chạp và hiền hòa. Những guồng xa nước này mang nước sông đổ vào máng dẫn vào các cánh đồng để tưới ruộng tạo cho con sông Lại một hình ảnh đặc biệt mà những con sông khác không có. Hai bên bờ sông là bát ngát rừng dừa xanh mát.

Bồng sơn là phủ lỵ của phủ Hoài nhơn. Ngày xưa phủ lớn hơn huyện nhưng bây giờ Cách mạng đã xóa bỏ sự phân biệt phủ và huyện, cho nên phủ hay huyện thì cũng ngang nhau và đều được gọi chung là huyện. Do thi hành chính sách tiêu thổ kháng chiến, các kiến trúc bằng gạch ngói đều đã bị phá hủy chỉ trừ những ngôi nhà có vẽ lá cờ trên góc trái có ngôi sao 12 cánh màu trắng trên nền xanh, và dưới lá cờ có tấm biển nhỏ kẻ mấy chữ: "Tài sản của người Hoa kiều" là còn ngạo nghễ đứng nguyên. Dọc theo đường phố là giao thông hào. Người ta phải bắc những khúc thân cây dừa làm cầu để bước qua. Nhìn cảnh nhà cửa thì bị đập nát, đường sá thì bị đào xẻ ngang dọc, tôi cảm thấy tiếc rẻ và không hiểu nổi vì sao người ta lại tự gây ra khó khăn và khổ sở cho mình. Tây đâu chẳng thấy, chỉ có mình đâm ra vất vả mà thôi.

Đang buồn nản với nếp sống tẻ nhạt của vùng quê hẻo lánh, nay được ra Bồng sơn ở, có những sinh hoạt mang tính chất phố phường, tuy không bằng Quy nhơn, nhưng dù sao vẫn còn hơn miền thôn dã, tôi rất mừng. Phố xá tuy đã bị phá hoại nhiều nhưng trên những đồng gạch vỡ, người ta đã dựng lại những căn nhà tranh rộng, thoáng và sáng sủa. Tất cả đều là tiệm buôn bán có người ra vô luôn. Có cả tiệm ăn và khách khứa ăn uống nhộn nhịp. Lại có cả những gánh hàng rong nữa, với những món ăn như phở, chè, bún, lục tào xá..., vừa bán vừa rao. Chỉ thiếu ánh đèn điện ban đêm mà thôi.

Vì Bồng sơn nằm ngay giao điểm của con đường quốc lộ 1 với những con đường đi lên các huyện miền núi như Hoài an, An lão và con đường đi xuống cửa biển Bàu tượng và vùng Nước nhĩ, một vùng nhiều cá mắm nên cũng là nơi trù phú từ lâu. Nay lại có thêm các cơ quan của tỉnh Bình định và của Liên khu 5 dời về đóng rải rác quanh vùng nên thị trấn Bồng sơn trở nên như một thủ phủ phồn vinh của Liên khu 5 thời ấy. Dân tản cư từ Quy nhơn và từ mấy thành phố xa xôi như Huế, Nha trang, Đà nẵng đổ dồn về đây làm ăn buôn bán khiến cho thị trấn trở nên đông vui và sầm uất. Đây cũng là nơi quy tụ của nhiều giới văn nghệ sĩ trí thức tản cư thời bấy giờ.

Tôi lại được đi học có trường lớp, có bạn bè. Trường học xây bằng gạch kiên cố đã bị phá hủy. Bây giờ người ta cất những gian nhà lá khuất trong các vườn dừa cao và rậm rạp để tránh máy bay. Xung quanh lớp học là các giao thông hào chạy ngang chạy dọc. Hễ mỗi lần có kẻng báo động máy bay, học sinh từ các lớp lại chạy tản ra các giao thông hào. Lúc này máy bay cũng chưa bắn phá gì tại vùng này nên thường thường mỗi lần có báo động, bọn học sinh nhỏ như chúng tôi lại cảm thấy như được thêm một lần ra chơi trong buổi học. Bạn bè cùng lớp nhiều đứa cũng là dân tứ xứ tản cư về đây nên tôi cũng không còn cảm thấy mình chỉ là một tên trọ trẹ lẻ loi.

Ra Bồng sơn, cha tôi gặp được một gia đình đồng hương. Bác Tâm, bạn cũ của cha tôi ở Huế dẫn ba con về thăm phía nội, rồi vì chiến tranh nên không trở về ngoài ấy được, nên phải ở lại đây với hai ông bà cụ. Song thân của bác Tâm, ông bà Cả, cũng gốc gác từ Nghệ an. Ngày xưa ông Cả vào làm việc ở phủ này rồi đến khi về hưu đã ở lại đây lập nghiệp luôn. Bà cụ có một cửa hàng tơ lụa tại phố. Có một điểm trùng hợp giữa gia đình ông Cả và gia đình bên nội của tôi. Gia đình ông Cả cũng thuộc bên lương. Bác Tâm ngày nhỏ ra Huế học trường nhà dòng nên đã trở lại đạo và lấy vợ công giáo ở Huế.

Do tình đồng hương lại là bạn thân của con mình nên ông bà Cả và luôn cả những người trong gia đình đối xử với cha tôi rất thân thiết. Thời buổi cách mạng rồi nên những tị hiềm về tín ngưỡng cũng không còn sâu sắc để đến nỗi người cùng một gia đình phải xa lánh nhau. Tôi chơi thân với mấy đứa con bác Tâm như anh em và từ đó, tôi như tìm được một đại gia đình bên nội. Tôi cảm thấy mình cũng gần như có các cô các chú, và các cô chú cũng rất thương anh em tôi giống như mấy đứa cháu khác của mình. Riêng đối với cô Thùy, tôi nhận thấy cô ta có một vài nét nào đó hao hao giống mẹ tôi nên tôi lại càng dễ mến cô ta hơn. Ngày tết ngày giỗ nào chúng tôi cũng đều có mặt. Chỉ có mẹ tôi bệnh yếu nên không còn đi đâu được cả.

Lui tới thường xuyên nhà ông bà Cả, tôi biết thêm cô bé cùng học chung trường chung lớp với tôi, có cái tên dài lê thê: "Công tăng tôn nữ....," lại là cháu ngoại của ông bà Cả. Cô Ba có một đời chồng trước thuộc hoàng phái, sinh được cô bé bằng tuổi tôi, khá xinh nên chú Chinh thấy thế vẫn hay nhìn tôi và bảo: " Gắng học giỏi rồi mai một chú gả cháu cho". Tôi thấy người lớn hay nói về những điều mà con nít không muốn người lớn nói. Còn cô bé thì lại sinh hoạt trong Nhi đồng cứu quốc, đó là một điều làm tôi không thích.

Vốn là một huynh trưởng say mê với phong trào Hướng đạo, nay đến đất Bồng sơn này gặp được một số huynh trưởng khác, cha tôi bèn đứng ra tổ chức lại phong trào Hướng đạo. Phong trào lan rộng ra vài thị trấn khác như Tam quan, Bình dương, những nơi có các cựu huynh trưởng Hướng đạo đang theo cơ quan làm việc. Mặc dù lúc bấy giờ ở đâu cũng đã có những tổ chức như Nhi đồng cứu quốc, Thiếu niên cứu quốc, và vô số những tổ chức cứu quốc khác, nhưng phong trào Hướng đạo cũng thành lập được một số Ấu đoàn, Thiếu đoàn, và có cả Tráng. Chính tôi cũng sinh hoạt trong bầy Sói con.

Tôi thấy đám Nhi đồng cứu quốc lúc nào cũng có vẻ kiêu hãnh, nhưng hình như bọn chúng không có những huynh trưởng giỏi. Chúng thích gõ trống ếch ồn ào, thích nhảy "sol do mi", và chỉ biết ca mấy bài ca đề cao lãnh tụ chứ không giống như Sói con chúng tôi, yêu thiên nhiên, yêu mến tất cả mọi người và hát những bài hát vui tươi. Còn chuyện yêu nước thì ai mà chẳng yêu nước. Trong một buổi cắm trại làm lễ tuyên hứa để trở thành một hướng đạo sinh chính thức, tôi cũng đã từng nghiêm chỉnh đưa tay lên thề: "Trung thành với Tổ quốc, giúp ích mọi người, tuân theo luật Hướng đạo". Lời hứa đầu đời này đã ghi khắc vào tâm trí tôi, và mãi mãi tôi không bao giờ quên.

Cuối niên học này, tỉnh có tổ chức một đại hội Thiếu niên Nhi đồng toàn tỉnh ngay tại Bồng sơn, có phát thưởng cho các học sinh giỏi. Tôi hãnh diện trong bộ đồng phục Sói con lên nhận phần thưởng từ tay chú Đệ, chủ tịch Ủy ban Hành chánh tỉnh trao tặng, và bắt tay chú Đồng, Ủy viên Công cán của Chính phủ tại Miền Nam tới dự khán. Chú Đồng và chú Đệ đều nhắc nhở thiếu nhi hãy luôn luôn phấn đấu để mãi mãi xứng đáng là cháu ngoan của Bác. Phần thưởng gồm một khung kiếng lộng hình Bác, một quyển sách tư tưởng Mác Lê nin và một số vật dụng học sinh. Mẹ tôi thấy tôi mang phần thưởng về, vui lắm. Người như có vẻ muốn ôm hôn tôi nhưng người không thể làm như thế được. Phần thưởng mang về trừ mấy món linh tinh tôi đem ra dùng, còn hình Bác và quyển sách tôi xếp vào một chỗ.

9.- CĂN NHÀ ĐẦU TIÊN TRONG THỜI BUỔI KHÁNG CHIẾN

Từ hồi đi tản cư đến giờ, mẹ tôi thì bệnh mà gia đình tôi lại cứ toàn đi ở đậu nhà người ta nên cũng có lắm cái bất tiện. Lúc mới ra Bồng sơn này, cha tôi cũng thuê nhà gần phố. Về sau thấy mẹ tôi đã quá yếu, cần được yên tĩnh hơn mà ở gần phố thì cứ bị cái nạn keng báo động máy bay làm cho giật mình hoài nên cha tôi không biết được ai giới thiệu mà đã tìm vào họ đạo Trung an, xin với ông biện Sáu để dựng nhờ một căn nhà nhỏ trong khu vườn của ông ta. Nghe cha tôi nói đang cất nhà riêng và sẽ dọn về nhà mới nay mai, tôi náo nức trong lòng. Từ trước tới giờ, cha mẹ tôi nếu không ở nhà thuê thì cũng là ở nhà chính phủ. Chiến tranh đã trở thành dai dẳng làm cho ước mơ trở lại Quy nhơn của tôi chỉ còn là mộng tưởng, vì thế mà từ ngày về Bồng sơn đến bây giờ, tôi cũng đã bằng lòng với giòng sông ở đây. Căn nhà riêng đầu tiên này của cha mẹ tôi sẽ là cái chốt để cho tôi có thể gắn chặt với vùng đất này và coi nó như là quê hương của mình.

Lúc nhìn thấy căn nhà mới, tôi chợt bàng hoàng như vừa qua cơn ngủ mê. Căn nhà chẳng giống với bất cứ một căn nhà nào tôi đã nhìn thấy nơi xứ sở này. Mái lợp tranh, xung quanh vách cũng che bằng tranh rạ và bên dưới không có nền mà trống lổng, để lộ những hàng cột bằng cây rừng chống đỡ một cái sàn nhà bằng phen tre. Vì mẹ tôi bệnh nên cha tôi muốn cất căn nhà theo kiểu nhà sàn để cho thoáng và hợp vệ sinh hơn.

Tôi chưa bao giờ tưởng tượng căn nhà mơ ước của mình lại giống như một cái chòi tranh xứ Thượng nên không hài lòng tí nào, nhưng các anh các chú Hướng đạo thì lại rất thích thú với mẫu kiến trúc rất Hướng đạo này. Chú Nai, (tên rừng của Hướng đạo đặt cho chú) có khiếu vẽ, liền vẽ ngay một bức tranh ngôi nhà này bằng màu nước và tặng cho cha tôi. Ngắm ngôi nhà trong tranh tôi thấy cũng thơ mộng lắm, nhưng bước vào căn nhà thì tôi lại rất bức mình vì mỗi bước chân đi là sàn nhà lại run rẩy và kêu cọt két, nghe như có tiếng thở than, mà mẹ tôi thì lại rất cần yên tĩnh.

Khu vườn của ông Biện gồm nhiều mảnh rộng nối liền nhau, xung quanh có lũy tre bao bọc. Trong vườn có dừa, có mít, có thơm và những đám mía, khoai lang, khoai mì. Rải rác trong vườn có nhiều ngôi mộ lớn đắp cao bằng đất. Đó là mộ những thân nhân đã quá vãng trong gia tộc ông Biện. Cảnh trí cô tịch khiến cho tôi đôi lúc nhớ lại trò chơi phiêu lưu cũ hời còn ở Đại an nhưng bây giờ tôi đã có bạn bè, lại thường ra phố, và mỗi cuối tuần vẫn đi họp hay đi cắm trại cùng bầy Sói con nên tôi cũng không còn thấy mình muốn làm một anh chàng Lỗ bình sơn cô độc. Riêng có mẹ tôi, do hoàn cảnh chiến tranh đưa đến nhiều thiếu thốn về vật chất lẫn tinh thần, người đã suy yếu rất nhanh và đến nay thì gần như chỉ còn nằm một chỗ chờ cái chết đến từ từ.

Trong cảm giác thiếu thốn tình mẫu tử, nhiều lúc tôi đã thầm ao ước có được một người mẹ bình thường nào đó, chứ không như người mẹ hiện tại không còn mang lại được niềm thương yêu an ủi cho gia đình mà chỉ còn là một gánh nặng cho những người thân yêu. Trong khi đó, cô Thùy lại có vẻ thương anh em chúng tôi lắm và cũng thường hay săn sóc anh em tôi mỗi khi chúng tôi ra nhà ông bà Cả. Đôi khi thấy móng tay tôi hơi dài, cô Thùy lại cắt cho. Lần nào đó, thấy tôi có vẻ mệt, cô Thùy sờ thăm trán tôi rồi lấy dầu xức cho tôi và bảo tôi nằm nghỉ. Những cái săn sóc thật nhỏ nhặt nhưng cũng rất là đáng yêu đó đã chiếm được cảm tình của những đứa con đang khao khát có được sự nâng niu chiều chuộng của một người mẹ đã làm cho tôi thêm quý mến cô Thùy và có nhiều lúc tôi đã ao ước phải chi cô Thùy là mẹ mình. Tôi không biết cha tôi có la mắng tôi không nếu tôi nói điều mơ tưởng này của tôi cho cha tôi biết.

Còn cha tôi thì thật là vất vả. Để có đủ tiền chi phí cho gia đình, nhất là để lo cho mẹ tôi được ăn uống đầy đủ trong những tháng ngày còn lại nên cha tôi đã phải một thân kiêm nhiệm nhiều công tác. Chính quyền lúc ấy cũng đang cần mua chuộc những người có khả năng và uy tín như cha tôi nên đã để cho cha tôi kiêm luôn nhiều chức vụ để có thể lãnh nhiều khoản lương khác nhau. Vừa là Chánh án ở Tòa án, vừa là hiệu trưởng kiêm giảng viên trường đào tạo Cán bộ ngành Tư pháp,

lại vừa là ủy viên gì gì đó nữa nên cha tôi phải đi lại nhiều nơi mà phương tiện di chuyển thì chỉ là chiếc xe đạp cộc cạch trên những con đường đất gập ghềnh, khi về nhà lại còn phải chăm sóc cho mẹ tôi nữa. Tuy nhiên nhờ bản tính năng động và tinh thần Hướng đạo, người vẫn vui vẻ trong mọi công tác, cũng như vẫn hăng say trong những hoạt động khác của mình.

Thời buổi kháng chiến nên hầu như trong lãnh vực nào cũng có những công việc được coi là hành động kháng chiến. Người dân được khuyến khích mỗi lần nấu cơm lại bốc bớt một nắm gạo trong nồi của mình bỏ vào một cái hũ gọi là " hũ gạo kháng chiến " để dành mang nộp cho Nhà Nước nuôi quân. Người đi làm việc cho Nhà nước cũng được khuyến khích trồng thêm luống rau hay vài bụi khoai mì quanh nhà nơi cơ quan của mình trú đóng để góp phần cải thiện bữa ăn tập thể. Ngay cả học sinh nhỏ cũng được khuyến khích nuôi "gà kháng chiến" để góp phần sản xuất ở hậu phương.

Sân xung quanh nhà là đất vườn rộng rãi nên tôi cũng đã dùng tiền bỏ ống nhờ cô Tám láng giềng mua hộ tôi một con gà mái tơ. Tôi sửa soạn cho gà một chỗ ở ngay dưới sàn nhà. Về khoản ăn uống của gà thì tôi cũng không cần phải lo lắng mấy vì gà có thể tự kiếm ăn trong vườn. Những lúc cô Tám phơi lúa hay đậu, con gà của tôi cũng có thể thừa cơ hội nhập bọn với đàn gà của cô Tám mà thi nhau mổ và ăn đến căng cứng cả điều. Tôi tính toán: rồi đây gà sẽ đẻ trứng, trứng lại nở ra gà con, gà con sẽ lớn lên và rồi sẽ lại đẻ trứng...Tôi chợt nhớ câu chuyện ngụ ngôn Cô bé bán sữa của La Fontaine và ngưng tưởng tượng.

Lúc này lớp học của tôi lại được dời về Trung lương, trên con đường đi làm hằng ngày của cha tôi nên cha tôi muốn đèo tôi bằng xe đạp vào mỗi sáng để tôi đỡ phải cuốc bộ mấy cây số đến trường. Nhưng khi cha tôi chở tôi đến nơi thì hầu như bữa nào học sinh cũng đã vào lớp cả rồi. Thầy giáo của tôi gốc người Quảng nam, hơi lùn và nét mặt lúc nào cũng có vẻ khó khăn, lại rất tích cực trong việc thể hiện nội quy nhà trường nên hầu như không bao giờ thầy chấp nhận điều tôi trình bày về lý do đi học trễ của mình.

Tôi đem chuyện mình hay bị thầy phạt vì vô học trễ ra nói với cha tôi để xin phép được tự đi bộ sớm một mình cho kịp giờ sắp hàng vào lớp thì cha tôi lại cứ nghĩ là tôi muốn đi sớm để vui chơi nên không cho. Cái đồng hồ của thầy giáo và cái đồng hồ của cha tôi hình như không bao giờ chỉ giờ giống nhau. Thế là tôi đành bị cha la rầy hoặc thầy giáo phạt liên miên vì tôi không có cách nào để làm hài lòng hai tâm hồn giàu thiện chí nhưng không đồng quan điểm cùng một lúc.

Ngoài cái tội hay đi học trễ, tôi lại còn thêm cái tội hay có nhiều ý nghĩ tưởng tượng. Một hôm vào giờ tập vẽ, thầy giáo cho học sinh vẽ quả ớt. Vốn thích màu xanh lá cây nên sau khi vẽ xong hình quả ớt, thấy thằng bạn bên cạnh có hộp bút chì màu, tôi liền mượn và sơn luôn quả ớt lẫn cuống và lá thành màu xanh lục. Lúc thầy giáo chấm bài, nhìn quả ớt tôi vẽ, đã phết ngay một con zéro to tướng và đưa lên cho cả lớp xem cái lối nhìn sự vật bị coi là ngu xuẩn của tôi. Tôi thưa với thầy là quả ớt lúc chưa chín vẫn có màu xanh , nhưng thầy giáo vốn không bao giờ tưởng tượng ra ngoài những giáo điều và ước lệ cố hữu mà thầy đã tiếp thu được từ lúc còn là học trò nên thầy cũng không bao giờ chấp nhận nổi cái lối suy luận này.

Năm học ấy tôi là một học sinh kém nhất lớp. Mẹ tôi buồn. Cha tôi nghĩ rằng tôi ham chơi. Chỉ riêng tôi thấy cuộc đời không cho phép tôi sống theo điều mình mơ tưởng. Cũng từ ấy trở đi, tôi bắt đầu giữ lấy điều suy nghĩ cho riêng mình và không bao giờ thấy mình còn khâm phục người lớn như tôi vẫn hằng khâm phục.

10.- VÀ MẸ KHÔNG CÒN NỮA

Cũng mùa hè năm ấy, phong trào Hướng đạo tổ chức một trại họp bạn Hướng đạo toàn tỉnh trong hai ngày liền ngay tại trang trại của ông bà Cả trên vùng đồi Thiết đỉnh gần Bồng sơn. Cha tôi được cử làm trại trưởng. Đây là dịp họp mặt của các Ấu đoàn, Thiếu đoàn, và Tráng đoàn từ các thị trấn khác nhau. Đối với ngành Ấu và Thiếu thì trại là một dịp gặp gỡ vui chơi, cùng nhau thi thố tài năng và tháo vát nên tôi rất náo nức mong đến ngày mở trại. Nhưng đối với các huynh trưởng trong ngành Tráng, trại chính là một dịp gặp gỡ để cùng nhau trao đổi về "Đường". Dĩ nhiên lúc bấy giờ tôi chưa hiểu "Đường" là gì và cũng chẳng cần quan tâm đến "Đường" như người lớn đang bận tâm.

Ngay đêm trước ngày khai mạc trại thì mẹ tôi bỗng trở bệnh nặng. Cha tôi sai tôi theo ông Câu trong họ đến rước cha sở đi kẻ liệt. Cha sở già biết bệnh mẹ tôi là loại bệnh kéo dài nên không đi ngay mà hẹn sáng sẽ đến. Tôi trở về nhà nằm ngủ và khi trời vừa sáng, tôi đã vội vã thức dậy thay đồng phục. Cha tôi đã dậy từ lúc nào và hình như đang dọn dẹp một vài thứ. Người yên lặng nhìn tôi sửa soạn, nắn lại nút khăn quàng cho tôi và khi thấy tôi tiến về hướng giường mẹ tôi nằm, cha tôi khẽ bảo: "Đừng đánh thức mẹ". Thấy mẹ như ngủ yên, tôi nhẹ nhẹ bước ra.

Với cái túi đeo lưng đựng đồ cắm trại trên vai, tôi rảo bước đi đến điểm tập trung của bầy Sói con để theo bầy đi lên khu đồi. Lục tục các đoàn Hướng đạo từ nhiều nơi cũng theo nhau nhập trại. Tiếng ca hát vui tươi rộn rã. Các đoàn chia nhau dựng lều trại của mình. Khi mặt trời đã lên cao, mọi việc chuẩn bị đâu đã vào đấy thì cũng đến giờ khai mạc. Tôi không thấy cha tôi xuất hiện mà lại là một huynh trưởng khác đứng lên tuyên bố mở trại và cho biết cha tôi bận việc nên phải vắng mặt sáng hôm nay. Tôi linh cảm có một chuyện gì đó nhưng thấy không ai nói năng gì và trại vẫn sinh hoạt vui vẻ nên cũng an tâm vui chơi với các bầy Sói bạn. Mãi đến sau khi đã ăn bữa cơm trưa ở trại rồi thì tôi thấy cô Thùy đến. Anh bầy trưởng kêu tôi ra và bảo hãy đi theo cô Thùy về nhà. Tôi ra đi mà lòng thì vẫn tiếc rẻ mấy trò vui đang còn tiếp tục.

Ra khỏi khu cắm trại, cô Thùy mới nói cho tôi biết là mẹ tôi đã mất trong đêm khuya nhưng cha tôi đã tránh không nói cho tôi biết ngay vào sáng sớm nay. Tôi òa lên khóc và lần đầu tiên trong đời ý thức về một sự mất mát to lớn nhất trong tất cả những gì tôi đã từng mất mát từ khi vào ở đất Bình định này. Khi tôi về tới nhà thì mọi việc tắm liệm mẹ tôi cũng đã xong xuôi nên tôi không còn được nhìn mặt mẹ tôi lần cuối. Một số người trong họ đạo đang lo phụ giúp mọi chuyện và đọc kinh cầu hồn.

Đám tang mẹ tôi được tổ chức thật đơn giản và nhanh chóng trong ngày. Bốn người trai tráng khiêng cái dàn đòn đặt chiếc quan tài vẫn còn nguyên màu gỗ, có cắm mấy ngọn nến hắt hiu trong gió. Tuy nhiên người đi đưa đám khá đông nối đuôi nhau thành một đoàn dài đi bộ về hướng ngọn đồi Thiết đỉnh. Ngoài một số bạn bè của cha tôi còn có đại diện của các cơ quan và các đoàn thể, trong đó có cả một toán Hướng đạo mặc đồng phục, đại diện cho Trại Họp bạn. Tôi trong bộ đồng phục Sói con yên lặng đi sau quan tài mẹ, không khóc nhưng mắt nhìn xa xăm. Tôi nhận thấy có cả cô bé Nhi đồng cứu quốc đi với cô Thùy. Em tôi đi bên cạnh, thút thít mãi. Thế là trên ngọn đồi đá ong chiều hôm đó, mẹ tôi đã vĩnh viễn nằm lại một mình.

Theo ý cha tôi, sau khi chôn cất mẹ tôi xong, mấy anh trong đoàn Hướng đạo lại đưa tôi về trại họp bạn. Các huynh trưởng tìm cách giúp tôi quên nỗi buồn nhưng từ lúc này tôi không còn vui vẻ tham dự vào các trò chơi nữa mà chỉ thích được yên tĩnh một mình. Bên đồng lửa hồng reo vui đêm lửa trại, tôi ngồi thờ người suy nghĩ. Tôi cũng không nhớ nổi tôi đã suy nghĩ những gì, nhưng tôi cảm thấy lúc nào cũng có những điều khác thường xảy đến cho tôi một cách bất chợt vào những lúc tôi đang say mê với niềm vui thích của mình. Tôi gần như không bao giờ được vui

hưởng cuộc đời một cách bình thường như những bạn bè cùng trang lứa. Tất cả những gì tôi yêu thích hình như chỉ là những thoáng qua mau.

Chiều hôm sau trại họp bạn bế mạc. Mọi người búi ngủi nắm tay nhau cùng hát bài Tạm biệt và cùng hẹn ngày gặp lại. Tự nhiên tôi thấy buồn day dứt vì nhớ lại mới ngày nào tôi cũng đã tạm biệt thành phố biển để rồi đi xa và xa thêm... Người ta bảo thành phố đã bị san bằng. Ngôi nhà cũ hẳn là không còn dấu tích. Tây không đến, nhưng người thì cứ phải ra đi. Và ở nơi đây, tôi cũng vừa mất đi người mẹ.

Qua hai ngày nhiều biến cố, tôi khá mệt mỏi nên về tới nhà là nằm lăn ra ngủ say sưa. Sáng hôm sau khi tôi thức dậy thì mặt trời đã lên cao. Ánh sáng chói chang rọi vào chỗ giường mẹ tôi vẫn thường nằm thì chỉ thấy một góc nhà trống trơn. Nhà còn nhiều vết vôi trắng và ngai ngái mùi thuốc sát trùng. Chiếc giường cũng như mọi vật dụng thường ngày của mẹ tôi đã biến mất. Căn nhà hoàn toàn vắng lặng. Cha tôi đã đi làm. Em tôi có lẽ đã qua bên nhà cô Tám vì từ ngày về đây ở, cha tôi cũng có lúc gửi anh em tôi bên ấy. Một mình buồn không biết làm gì, tôi thơ thẩn ra vườn. Lúc lần mò tới cái ao khuất sau các bụi cây dại, tôi ghé mắt nhìn xuống lòng ao và oà lên khóc. Trong lòng cái ao khô nước vì đang là mùa nắng hạn, giữa đám tro tàn của những đồ đạc riêng cho mẹ tôi dùng trong những ngày nằm bệnh đã bị đốt cháy, nguyên cái khung giường cháy sém đen vẫn còn chờ vơ nằm đó như đợi chờ. Tôi cũng hiểu sở dĩ người ta làm như vậy là nhằm tránh sự truyền nhiễm, nhưng tôi vẫn không thể nào không đau xót khi nhìn thấy những thứ lẽ ra phải được xem như kỷ vật của một người thân yêu đã vĩnh viễn ra đi lại bị đem hủy hoại một cách nhẫn tâm như vậy.

Quay trở lại nhà, tôi chợt nhận thấy trên cái kệ ở vách có tấm hình mẹ tôi chụp từ thời con gái đặt tại đó. Cái khuôn kiếng nguyên là khuôn ảnh Bác tôi lãnh thường năm vừa rồi, nhưng trong dịp dọn nhà từ phố vào đây tôi đã đánh rơi làm nứt bể một đường ở góc. Cha tôi đã cắt một dải giấy tím dán đè lên chỗ đường chéo nứt ấy và lộng hình mẹ tôi vào. Dải băng tím đã che được vết nứt, đồng thời cũng tạo thêm một ý nghĩa. Mọi người trong gia đình đã để tang cho mẹ tôi như thế đó.

Tự nhiên tôi thấy như có một niềm hồi hận nào đó dâng lên trong lòng, đồng thời cảm thấy mình thương nhớ mẹ vô cùng. Trong những tháng ngày dài nằm trên giường bệnh, niềm hy vọng duy nhất của người là đọc kinh cầu nguyện mong chờ một phép lạ. Nhưng phép lạ không bao giờ đến và người chỉ biết chờ đợi cái chết đến từ từ. Sống trong nỗi cô đơn và tuyệt vọng đó với tâm trạng nhớ về quê cũ cách xa và những ngày yên vui không còn trở lại, nhìn thấy con cái mà không thể chăm sóc hay nâng niu, chắc hẳn mẹ tôi đã phải đau buồn lắm. Và tôi nữa, tôi cũng cảm thấy mình thật buồn tủi vì bao lâu nay có mẹ mà cũng như không vì mẹ chỉ như một hình bóng cách biệt chứ không phải một người mẹ gần gũi thương yêu như mọi người mẹ bình thường khác.

11.- BẮT ĐẦU NẾP SỐNG MỚI

Sau khi mẹ tôi đã qua đời, cha tôi không còn thuê người giúp việc nhà nên nếp sống trong gia đình cũng có nhiều thay đổi. Hằng ngày cha tôi đi làm, ăn cơm ở tại cơ quan. Anh em tôi được gửi ăn uống bên nhà cô Tám hàng xóm. Ngày nghỉ cha tôi đưa chúng tôi đi lễ, ra phố chơi và ăn cơm tiệm. Đôi khi có đồng bạn bè của cha tôi ghé chơi, nhất là những hôm có mấy chú trong Hương đạo, thì thay vì ăn cơm tiệm, mấy chú lại rủ nhau đi chợ về nấu nướng lấy, và tất cả đều lấy làm thích thú xem như một trò cắm trại tại chỗ.

Nhà cô Tám cũng nằm chung trong khu vườn rộng này và gần với căn nhà sàn của cha tôi. Cô ta là em của ông biện Sáu, lớn tuổi nhưng vẫn còn độc thân. Cô có người em trai đi tu đã lên tới chức thầy bốn, nhưng vì chiến tranh, địa phận Quy Nhơn không có giám mục nên thầy vẫn chưa được thụ phong linh mục. Thầy Bốn vui tính và trong những lần về nghỉ ở nhà cô Tám, thầy thường hay kể cho tôi nghe những ý tưởng hay đẹp mà thầy gọi là "hoa thơm cỏ lạ trong rừng vắng" do thầy đã góp nhặt được trong lúc đọc sách. Thầy Bốn có vẻ thương anh em tôi, lại hay kể cho tôi nghe những chuyện lạ về những miền xa xôi trên trái đất nên tôi cũng có phần quý mến và khâm phục thầy. Trái lại cô Tám lúc nào cũng có vẻ như khắc khổ, lại hay cho tôi ăn mãi cái món mít non trong vườn thành thử tôi cũng hơi ngán.

Vào mùa mít, để dưỡng cho những trái mít khác lớn, người dân ở đây thường trảy bớt mấy quả mít eo uột đem về ăn non. Loại mít non này có thể đem xắt mỏng làm rau sống, hoặc đem nấu canh, hoặc đem luộc chín rồi trộn thêm ít lá tía tô, một chút đậu phộng rang đâm nhỏ để làm thành món gỏi mít. Chỉ có món mít chín nấu với bí đỏ và nước cốt dừa, người ta thường gọi là món đồ chay, vừa béo vừa ngọt, rất hợp với khẩu vị của tôi thì cô ta không chịu nấu. Lúc gia đình tôi còn ở nhà thuê gần phố, ông chủ nhà là người theo đạo Phật nên vẫn hay nấu đồ chay để cúng và cho tôi ăn cái món này nên tôi còn nhớ hoài.

Thấy mẹ tôi đã mất, còn cha tôi thì "gà trống nuôi con" theo kiểu "đời sống mới" rất đặc biệt này, có nhiều người đã sốt sắng mai mối cho cha tôi vài cô Bình định lớn tuổi nhưng vẫn còn ưa kén chọn. Tôi thì lúc nào cũng thích có người mà tôi có thể gọi bằng mẹ chứ không phải bằng dì ghê. Còn cha tôi không biết có phải vì thuộc môn phái không biết võ nên đâm ra nể sợ con cháu của Bùi thị Xuân hay không mà lúc nào nghe nói đến các cô ấy, tôi cũng chỉ thấy cha tôi cười cười chứ không bao giờ tỏ ý gì cả. Mấy chú khác vui tính hơn thì khi nghe chuyện này lại hay đùa đùa đọc cho tôi nghe câu ca dao sau:

Ai về Bình định mà coi
Con gái Bình định cầm roi rượt chồng.

Đúng ra thì về dưới của câu ca dao trên là "múa roi đi quyền" nhưng mấy chú trẻ trung vẫn thường vui vẻ đọc trại ra thành "cầm roi rượt chồng" cho nên lúc mới đầu tôi cũng tưởng thật như vậy. Tuy tôi chưa thấy ông chồng nào bị gái Bình định cầm roi rượt chạy, nhưng cái chuyện nể nang vợ nhà thì chắc hẳn không làm sao tránh khỏi.

Thật tình mà nói thì dù sao tôi thấy mấy cô Bình định này cũng hay ăn nói bộc trực, lại ít thấy ai có những cử chỉ tinh tế khiến cho tôi cũng chưa thấy mình cảm mến cô nào khác như tôi đã cảm mến cô Thùy. Chính vì thế mà những lúc được ra ở chơi nhà ông bà Cả ngoài phố là tôi cảm thấy như được về nội. Ra đây chúng tôi vừa có bạn vui vẻ, vừa được ăn ngon vì nhà ông bà Cả hay cúng kiếng. Nhưng ăn đồ cúng kiếng hoài có phải đã phạm tội làm mất lòng Chúa như cô Tám vẫn thường răn tôi không cũng là điều làm cho tôi phân vân không ít. Tuy nhiên vì thấy bác Tâm và cha tôi thân nhiên ăn đồ cúng tất nhiên tôi cũng ăn được.

Cha tôi rất thích uống trà. Vì chú Đặng cũng tham gia Hướng đạo nhưng chú lại là chủ của một xưởng chế biến trà nên cha tôi lúc nào cũng được uống trà ngon. Kể ra cái tên Mai Hạc, hiệu trà của chú, cho thấy chú cũng là người có tâm hồn, nhưng cái tên đó nghe có vẻ lạc lõng giữa rừng tên đang thông dụng vào thời buổi ấy như: Chiến thắng, Công Nông Bình, Đại đồng, Sao vàng, Lao động v.v... vì nó gợi lên cho người nghe cái cảm tưởng về một sự thanh nhàn trong khi cuộc sống thì đang lao vào đấu tranh gian khổ.

Thường vào buổi tối, mấy chú ở gần hay đến cha tôi chơi, nói chuyện và cùng uống trà. Mấy chú hay gọi đùa đó là những buổi "trà đạo". Có chú lại mang bánh đậu xanh hay kẹo đậu phộng tới. Tôi chưa thấy ghiền trà như cha tôi, nhưng tôi đã ghiền rất nặng hai món bánh đậu xanh và kẹo đậu phộng. Nghe các chú bảo chỉ có những kẻ phàm phu tục tử mới ham ăn uống, tôi tự nhiên thấy mình không được thanh cao cho lắm.

Trong các chú huynh trưởng Hướng đạo, có chú Cọp là gần gũi cha tôi thường xuyên nhất. Lúc bấy giờ tôi vẫn có thói quen không gọi các chú trong Hướng đạo bằng tên thật mà chỉ gọi theo tên rừng. Chú có vóc dáng của một lực sĩ, thích quyền Anh và thích cả thổi sáo. Về môn quyền Anh thì chú đã từng đấm ngã bao nhiêu người tôi không rõ, riêng về môn thổi sáo, chú chỉ thổi đi thổi lại mỗi một bài Con thuyền không bến của Đặng thế Phong.

Thực tình mà nói, tôi chưa bao giờ thấy mình xúc động khi nghe chú thổi sáo. Tuy nhiên chú lại rất có tài trong việc khoét ống sáo. Chú đã tự làm cho mình một cái ống sáo rất đẹp và dùng lá chuối khô đánh mài cho đến khi ống trúc lên nước bóng láng. Trên mặt ống trúc, chú tỉ mỉ khắc mấy hình hoa văn và mấy câu thơ chữ Hán. Chú lại dùng tơ có màu xanh lá, vàng và đỏ, màu biểu tượng của Hướng đạo, bện thành một cái tua đeo lưng lửng ở cuối ống nên trông cái ống sáo của chú lại càng giống như cái ống sáo của các tiên đồng ngọc nữ trong mấy bức tranh truyện cổ Tàu. Chú cũng làm riêng cho tôi một cái ống sáo, nhưng từ ngày mẹ tôi bệnh, cha tôi không cho tôi chơi bất cứ loại nhạc khí thổi nào cả, nên ống sáo của chú cho, tôi cũng chỉ để dành làm kỷ niệm mà thôi.

Chú Cọp rất thương anh em tôi vì chú cũng có mấy đứa con bằng cỡ anh em tôi đang sống ngoài Khu 4. Mỗi lần phải đi bộ qua những chỗ khó đi mà có chú cùng đi, anh em tôi lại được chú cõng. Tôi thấy chú cõng tôi cũng tương tự như tôi cõng trái banh. Tôi nghe chú Anh (người hay đi chung với chú Cọp) nói chú Cọp từng ở trong ban ám sát của Quốc Dân Đảng, đang hoạt động ở Hà nội thì bị Việt minh bắt cóc đưa vào Liên khu 5 để điều tra. Tôi không tin như vậy vì tôi thấy chú chẳng có cái vẻ gì là một con người thích cầm súng bắn người. Mãi sau này lớn lên tôi mới biết chú vốn là một trong những Đại biểu Quốc hội đại diện cho phe Quốc Dân đảng. Chú bị bắt vào đêm hôm Công an Việt minh tấn công trụ sở Quốc Dân Đảng ở phố Ôân Như Hầu Hà nội. Vì lý do nào chú được thả ra thì tôi không biết, nhưng hiện tại thì chú đang là công an nhưng lại có một chú công an khác vẫn thường hay đi kèm với chú. Cha tôi bảo chú kia mới là công an thật, còn chú Cọp chỉ là công an cà nhông. Quả là người lớn cũng hay bày đặt ra nhiều thứ rắc rối.

Lúc này cha tôi cũng hoạt động cả bên phong trào Công giáo tiến hành nên thường có chú Tiến ghé thăm vì chú cũng đang làm trong phong trào. Chú biết chơi vĩ cầm và thích nhạc Văn Cao, nhất là bản Thiên thai, coi như đây là một tuyệt tác trên đời. Chú không nói giọng Bình định và tôi nghe người ta bảo chú là em của thi sĩ Hàn Mặc Tử. Nhà thơ Hàn Mặc tử mắc phải bệnh phong cùi và đã qua đời tại nhà thương Quy hòa. Thì ra Hàn Mặc Tử cũng là người từ một phương trời xa lạ, nhưng đã sống, đã làm thơ và chết đi trên mảnh đất này. Làng Quy hòa, thế giới dành riêng cho những người mắc bệnh phong cùi, nằm gần thành phố Quy nhơn, qua khỏi Gành Ráng về hướng nam. Không ngờ cái thành phố biển Quy nhơn êm đềm tôi đã từng mơ ước dừng chân ngày nào cũng lại mang bên mình một vết thương đau của kiếp người mà lâu nay tôi không hề biết.

Tôi không nghe chú Tiến ngâm thơ Hàn Mặc Tử bao giờ, và hình như chú cũng không hề biết làm

thơ. Tuy nhiên có mấy chú chưa lập gia đình hay vì hoàn cảnh chiến tranh khiến cho phải độc thân tại chỗ thì lại hay khen thơ Hàn Mặc Tử. Tôi lúc bấy giờ chưa biết yêu thơ và hiểu thơ, nhưng nghe mấy chú ngâm đi ngâm lại tôi cũng thuộc được hai câu mà các chú bảo là thơ của Hàn Mặc Tử:

Ngày mai trong đám xuân xanh ấy
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi

Không biết nhà thơ đã nhìn thấy "đám xuân xanh ấy" ở nơi nào trên đất Bình định này, còn chuyện thấy có người "bỏ cuộc chơi" thì không phải chỉ riêng có nhà thơ mới tiếc nuối mà cả mấy chú tôi quen biết ở đây hình như cũng đang nuối tiếc cho một kẻ nào đó mà các chú đang nhìn ngắm, có lẽ sẽ "bỏ cuộc chơi", khiến cho tôi tuy không hiểu gì nhưng cũng cảm thấy mình nao nao. Tôi bắt đầu để ý đến thơ từ đó.

12.- CHUYẾN ĐI HỌC XA NHÀ

Hết mùa hè năm ấy, cha tôi đưa anh em tôi ra gửi ngoài xứ đạo Gia hựu để đi học. Cha tôi và có cả mấy chú cùng anh em tôi lên ga Bồng sơn đón chuyến xe lửa sớm ra Tam quan. Đất Tam quan nhiều dừa hơn Bồng sơn. Thấp thoáng trong các vườn dừa có những người đang dùng xa quay để bện dây dừa. Phố xá dọc theo quốc lộ chỉ còn một ít cửa tiệm cất lại bằng tranh nên không có vẻ sầm uất như Bồng sơn, nhưng đây lại là một ga xe lửa chính vì có trạm để đầu máy và có rất nhiều toa xe đậu thành từng hàng dài trên mấy con đường sắt phụ. Có một số toa xe bị đốt cháy đầu hồi nào, chỉ còn trơ lại mấy bánh xe và khung xe bằng sắt. Lại còn có nhiều đầu máy và các toa xe hành khách loại sang được cất dấu trong một khu vườn dừa cao rậm rạp cũng đang bắt đầu rỉ sét vì không hề được dùng tới. Thời buổi kháng chiến, hành khách có phải chen chúc nhau trong mấy cái toa xe cũ kỹ, hay là mấy toa xe loại chở hàng, kể cả loại toa xe chỉ chuyên dùng để chở đất đá cũng xong, chẳng thấy ai than phiền gì, vì có xe đi vẫn còn hơn là cuộc bộ.

Sau khi xuống tàu ở ga Tam quan, chúng tôi lại phải cuộc bộ thêm 4 cây số theo quốc lộ chạy băng qua một cánh đồng nước mặn khô cháy để tới ga xép Chương hòa. Tại đây tôi cũng lại thấy cả một đoàn toa xe dài bị đốt cháy lâu rồi nay chỉ còn là những đồng sắt rỉ khiến cho tôi càng thấy dấy lên một niềm tiếc rẻ. Chúng tôi rời quốc lộ, rẽ vào con đường đất phía tây để vào xóm Gò xoài trước khi lên Gia hựu.

Tuy gọi là Gò xoài, nhưng tôi nhìn mãi cũng chẳng thấy cây xoài nào cả, chỉ thấy toàn là dừa. Nhà cửa trong xóm đều khang trang sạch sẽ, đặc biệt là có hai ngôi biệt thự theo kiểu mới vẫn y nguyên, lại có giàn hoa vàng và hoa xác pháo đỏ lũ rữ phía trước nhà, trông rất đẹp mắt. Sau khi nhìn thấy quá nhiều cảnh hoang tàn đổ vỡ, nay đột nhiên nhìn thấy hai ngôi nhà kiểu biệt thự xinh xắn này vẫn bình yên phơi mình trong nắng, tôi tưởng chừng như đang thấy lại thửa thanh bình ngày trước.

Tôi theo cha tôi và mấy chú đi thăm hết nhà này đến nhà kia, nào là bác Hai, bác Ba, chú Năm, chú Sáu. Toàn là các chú bác tôi mới gặp lần đầu và có cái tên gọi đều là một con số nào đó. Hình như ai cũng là bạn cha tôi cả và mọi người cũng tỏ ra rất niềm nở với cha tôi. Riêng tôi thì còn bận tâm quan sát vì nơi đây có rất nhiều đứa trẻ trạc tuổi tôi hoặc hơn kém một đôi chút. Bọn chúng có vẻ khá tinh ranh và đang trở mắt nhìn tôi khiến cho tôi cũng đâm ra lúng túng. Đám trẻ theo nhìn hình như cũng mỗi lúc một đông hơn, và có đứa nhìn tôi như thể muốn gây sự với tôi vậy.

Đúng là tôi không tưởng tượng tí nào vì tự nhiên tôi thấy đám con trai bỗng cười ầm lên. Tôi còn ngơ ngác nhìn quanh, lúc giật mình quay lại thì thấy bên cạnh mình có một cô gái cùng trang tuổi đang đứng nhìn tôi cười cười. Tôi mở to mắt dò xét và chưa kịp có phản ứng gì thì cô gái bỗng nhiên ôm chầm lấy tôi, hôn lên má và nói: "Anh dễ thương quá." Tôi không biết mặt mũi tôi có dễ thương tí nào không, nhưng lúc bấy giờ thì tôi chỉ biết trợn to mắt, há hốc mồm, không thốt được tiếng nào. Điều vừa xảy ra ngoài sức tưởng tượng của tôi khiến tôi không còn biết làm gì hơn là xô cô bé ra và bỏ chạy lại chỗ cha tôi cùng các chú bác đang trò chuyện. Cô bé vẫn cười cười và lần la theo. Tôi suýt la hoảng thì vừa lúc có một người, có lẽ là cha cô bé, nhác trông thấy nên đã kịp rầy cô bé và cô bé lẳng lặng bỏ đi. Nhưng cũng từ lúc đó tôi không còn dám lơ đãng một mình đi xa khỏi chỗ cha tôi và mấy chú nữa vì sợ lại gặp phải cái cô bé kỳ quặc.

Trưa hôm đó chú Năm mời khách ăn một bữa cơm thật ngon, toàn là những món hải sản của vùng này. Thím Năm và mấy cô thím khác đã trở tài nội trợ, làm mấy món chả cá rựa hấp và chả cá rựa chiên thật khéo để đãi khách. Ngoài ra lại có cả mấy thứ mắm lạ như mắm ruột, mắm gừng và mắm nhum. Nghe chú Năm bảo món mắm nhum rất quý tôi bèn nếm thử nhưng lại thấy chẳng hợp với khẩu vị của mình tí nào. Đến chiều thì cha tôi đưa anh em tôi lên Gia hựu, ở phía trên Gò xoài độ

chừng một cây số. Em tôi được gửi cho ở với mấy bà phước già, còn tôi thì cho ở với cha sở để đi học.

Gia hựu là một xứ đạo khá lớn. Nhà thờ xây bằng gạch và lợp bằng ngói đá nham thạch màu xám xịt. Các kiến trúc phụ thuộc bằng gạch ngói vẫn còn nguyên vì cũng giống như ở Gò xoài, thuộc vùng nông thôn xa quốc lộ nên không bị ảnh hưởng của lệnh tiêu thổ kháng chiến. Trước nhà thờ có một cái lầu chuông biệt lập, có treo một cái chuông đồng lớn. Mỗi lần chuông rung, ở dưới Gò xoài vẫn còn nghe được. Điều gọi sự chú ý của tôi hơn cả là phía bên kia đường đối diện với khuôn viên nhà thờ là một kiến trúc bằng gạch và vôi khá to và cao, có hình thù giống như một ngôi mộ Tây, chung quanh có bờ tường thấp bao bọc. Tất cả đều đã rêu phong. Người ta gọi đó là mồ của các vị tử đạo dưới thời nhà Nguyễn. Lại một lần nữa tôi tự hỏi sao mà cái đất Bình định lại lắm di tích buồn thảm thế.

Vốn lâu nay quen sống tự nhiên, có bạn bè thân thiết vui chơi, nay bỗng nhiên bị giam mình bên cạnh một vị linh mục ít cười nói, chỉ biết đọc kinh làm lễ, nghĩ đến Chúa và lo việc linh hồn, tôi đâm ra chán nản còn hơn cả những ngày sống với cha sở Đại an. Còn em tôi vốn chưa xa nhà bao giờ, nay phải sống với mấy bà phước già mà cung cách ăn ở cũng hoàn toàn mới mẻ và xa lạ nên cứ khóc lóc nằng nặc đòi về. Chủ nhật tiếp theo cha tôi ra thăm thấy tình trạng không ổn, liền đưa anh em tôi về dưới Gò xoài gửi cho ở nhà chú Năm nhưng hằng ngày vẫn theo đám trẻ ở đây lên Gia hựu đi học như cũ.

Sống trong lòng xứ đạo nên đám trẻ như chúng tôi vẫn thường được các bậc phụ huynh nhắc nhở siêng năng đi nhà thờ đọc kinh xem lễ. Nhưng tin tưởng mình là con nhà đạo dòng, Chúa không nở phạt, nên đám trẻ vẫn thường thích đi lòng vòng ở hàng hiên vào những giờ xem lễ đọc kinh hơn là vào quỳ trong nhà thờ. Tôi cũng là đạo dòng, cho nên tôi cũng không ngần ngại tí nào khi tham gia vào cái đám lòng vòng này. Người Bình định phát âm chữ d và v như nhau, cho nên dòng hay vòng thì cũng một thứ.

Gò xoài chỉ là một họ đạo nhỏ nhưng nhà thờ cũng xây bằng gạch và lợp bằng ngói đá nham thạch giống như nhà thờ Gia hựu. Tuy không phải là nhà thờ xứ, nhưng nhờ có vị linh mục già và nghĩ hưu ở đây lo việc tế tự nên bốn đạo trong họ khỏi phải đi lễ xa. Mọi người trong họ đạo vẫn thường gọi ngài là cố Minh.

Cố Minh tuy già lắm rồi, đi phải chống gậy nhưng vẫn sốt sắng trong việc gìn giữ cho con chiên của mình được vào nước Thiên đàng. Ngài biết đám trẻ vẫn thích lòng vòng ở ngoài hiên nhà thờ nên trong giờ kinh tối ngài thường đứng rình sẵn nơi khuất nẻo. Hễ thấy có bóng người đi ngang qua là sẵn gậy trong tay, ngài cứ việc phang bừa. Đám trẻ thấy có ngài phục kích sẵn, vội cầm cổ chạy vô nhà thờ ngoan ngoãn đọc kinh như chưa hề có chuyện gì xảy ra. Có một lần tôi cũng đã được ngài ban cho một gậy đau điếng nên mỗi lần gặp ngài, tôi thường hay có thái độ "kính nhi viễn chi" hơn là gần gũi.

Dân số trong họ đạo hầu hết thuộc vào vài ba gia tộc lớn có liên hệ họ hàng với nhau, trong đó gia tộc họ Trần là đông đảo nhất. Gia tộc này trước chiến tranh vốn là thương gia lớn vùng Tam quan, đã từng buôn bán ra Bắc vào Nam nên cách sinh hoạt cũng mang một phong cách văn minh và mới mẻ hơn. Chú Năm thuộc gia tộc này. Người anh lớn của chú là bác Hai hiện cũng đang bị lao phổi. Bác Ba thì có vẻ xuề xòa, thích chọc ghẹo con nít nhưng cũng không đến nỗi làm cho con nít phải sợ hãi. Bề ngoài bác có vẻ như một người chẳng hề lo lắng một chuyện gì, lại hay uống rượu. Tuy nhiên tôi nghe nói lúc còn đi buôn bán ra vô Hà nội và Sài gòn, bác cũng đã có một thời rất hào hoa phong nhã.

Vì tất cả anh em trong gia tộc họ Trần đều sống lân cận nhau trong họ đạo nên những người trong đại gia đình này có một nếp sống rất đặc biệt. Con cháu trong gia đình tới nhà cô, nhà chú hay nhà bác thì cũng như nhà mình cho nên tới bữa cơm hễ mà gặp đâu cũng có thể ăn luôn tại đó. Và lại bữa cơm nhà nào thì cũng giống nhau, chỉ có cá và cá tùy theo mùa và theo bữa lưới, và tất cả thường được kho lạt theo một kiểu giống như nhau. Hôm nào biển động, không có cá thì thức ăn nhà nào cũng lại chỉ quanh quẩn mấy món mắm mực kho, mắm mít, mắm thơm. Tuy mắm mít và mắm thơm là những thức ăn đậm bạc vì chỉ là mít chín hay thơm chín được phơi cho héo rồi đem ướp muối để dành ăn cơm vào những ngày mưa gió không chợ búa nhưng lại có vẻ thích hợp với khẩu vị của tôi hơn cái món cá hổ hay cá nhám kho nghệ nên hôm nào phải ăn cái món cá này tôi lại ước cho trời nổi cơn mưa gió.

Cái ăn đặc biệt rồi, cái ngủ cũng vậy. Đám trẻ chẳng cần giường chiếu riêng gì cả, cứ việc tới nhà này nhà kia chơi và lúc buồn ngủ thì thấy đâu có giường hay bộ ngựa trống là leo lên nằm ngủ. Những đêm mát trời hay có trăng, nhiều đứa còn rủ nhau trải chiếu ngoài hiên chuyện vãn rồi quay ra nằm ngủ luôn. Nếp sống thật là đơn giản, chẳng cần phải chần mản gì cả. Vào lúc đầu hôm nếu có bị muỗi chích thì lấy tay đập, sau đó người thì ngủ quên và muỗi cũng bay đi mất nên cũng chẳng có gì để bận tâm.

Tuy sống trong gia đình chú Năm không bị gò bó như sống với cha sở ở Gia hựu, nhưng tôi lại phải đề phòng đám bạn tinh ranh mới mẻ này. Chúng hay chọc phá tôi vì tôi có những điểm khác với mọi người. Chúng lại hay có cái trò cấp đôi, cái trò mà lúc bấy giờ tôi cho là một sự xúc phạm rất to tát đến quyền tự do lựa chọn của người khác. Còn mỗi lần đi xem lễ, bên nam ai cũng mặc áo dài đen khi đến nhà thờ, chỉ có tôi là mặc sơ mi với cái quần soọc như một cái gai chọc vào mắt thiên hạ. Điều này đã khiến cho sự hội nhập ban đầu đã để lại cho tôi nhiều ấn tượng không được vui mấy.

Lại còn cái cô bé đã từng làm tôi hoảng sợ hôm tôi mới đến nữa. Cũng may là những lần sau này tôi thấy cô bé cũng hiền lành như mọi người nên tôi cũng bớt e dè. Dần dà nhờ đám bạn mới quen nói ra tôi mới biết là cô bé hồi nhỏ có một lần bị bệnh gì đó rồi do chữa chạy không đúng cách nên bây giờ tâm thần không bình thường. Có lẽ vì lý do đó khiến cho cô bé không có bạn nên mới hay lân la làm quen với tôi, một tên ngố xa lạ. Trông cô bé cũng xinh xinh khiến cho tôi tự nhiên đâm ra thương hại và có ý nghĩ là hình như cái gì tôi gặp ở cái xứ Bình định này cũng không được vẹn toàn. Tôi lại thấy nhớ Bồng sơn, nhớ căn nhà sàn ọp ẹp, dù chưa được như ý, nhưng cũng là căn nhà riêng tư của cha mẹ mình, nhớ bạn bè đã trở thành thân thiết, và nhất là nhớ những thói quen tôi đã có trong cuộc sống trước đây.

13.- ĐỜI VẪN CÓ NHIỀU CÁI NGẠC NHIÊN TÌNH CỜ

Thông thường cứ cách một chủ nhật cha tôi lại ra thăm anh em tôi một lần. Một chủ nhật, đợt mãi đã trưa trưa vẫn không thấy cha tôi ra thăm như đã hứa, tôi lên chú Năm, lặng lẽ một mình theo quốc lộ đi bộ gần hai chục cây số từ khoảng 9 giờ sáng cho đến chừng 3 giờ chiều thì về đến Bồng sơn. Tôi thấy cha tôi và mấy chú đang thả bộ trong phố.

Nhìn thấy tôi xuất hiện một cách đột ngột, cha tôi ngạc nhiên không nói được gì cả. Thì ra không phải cha tôi thất hứa mà chỉ vì xe lửa hỏng nên không chạy. Còn mấy chú khi nghe tôi nói là tôi tự đi bộ về một mình, mấy chú đều lắc đầu không hiểu nổi. Tôi cũng cảm thấy người lớn ít chịu hiểu con nít. Riêng cha tôi có lẽ hiểu tôi hơn nên đã dẫn tôi vào ngay một cái quán cho ăn phở. Từ sáng giờ đi bộ nhiều nên quá đói, tôi cảm thấy chưa bao giờ ăn phở ngon như lần này.

Khi về nhà, sự nhớ lại con gà kháng chiến mà mấy tháng nay tôi phải bỏ bê, tôi liền đi tìm. Từ ngày tôi bắt đầu nuôi nó đến nay, gà cũng đã đẻ trứng và ấp nở thành con được mấy lứa rồi. Cứ mỗi lần gà con lớn thành gà giò, cha tôi lại bắt làm thịt đem hầm cho mẹ tôi tắm bổ. Tôi thương đàn gà con của tôi lắm nhưng tôi cũng phải biết thương mẹ tôi hơn nên tôi đành phải quên gà. Và lại tôi vẫn thường nghe cô Tám nói: "Còn gà mái thì còn gà giò". Tôi cũng tin như vậy. Trước khi tôi xa nhà ra Gò xoài đi học, con gà mẹ cũng vừa đẻ xong một lứa trứng và bắt đầu ấp, nhất định là bây giờ con gà của tôi phải dất dít một bầy con. Thế mà sao bây giờ tôi tìm chẳng thấy nó đâu, cả chuồng ổ gì cũng không còn.

Tôi vội đi tìm cô Tám hỏi thăm thì mới hay là sau khi tôi đi học xa được mấy ngày thì có một ông thi sĩ kháng chiến đến tìm cha tôi nhưng không gặp ai ở nhà bèn ôm con gà mái và luôn cả ổ trứng đang ấp đi mất. Cô Tám có trông thấy ông thi sĩ kháng chiến ôm gà đi, nhưng tưởng ông ta là bạn cha tôi và được cha tôi cho gà nên đến bắt cho nên cô ta không hỏi han gì. Thế là con gà kháng chiến của tôi đã theo ông thi sĩ kháng chiến mà đi về đâu thì không còn ai biết được.

Hôm sau chú Cọp có việc ra Tam quan bằng xe đạp, cha tôi nhờ chú nhân tiện chở tôi trở lại Gò xoài. Mới ra tới Hội đức, xỏ vừa hết dốc thì phải qua một hố chướng ngại vật, chú lạng lách một chiếc xe đạp thò đi ngược chiều và không biết như thế nào mà tự nhiên tôi thấy mình như bay bổng lên rồi cả người lẫn xe rơi tòm xuống hố. Thấy tôi lồm cồm bò dậy, chỉ hơi sây sát nơi đầu gối và bên cùi chỏ một tí, chú bình thần cười, dựng chiếc xe đạp lên, kéo tôi và xe ra khỏi hố, bẻ cái ghi đông bị vẹo cho ngay lại và đèo tôi đi tiếp. Ngồi lên xe tôi thầm nghĩ : Giả dụ ban nãy nếu lỡ như chú ngã đè lên tôi chắc là tôi xẹp lép rồi quá. Từ lúc đó, tôi luôn luôn run và ngượng thẹn cho chú không lạng lách nữa.

Ra lại Gò xoài, đi học lại được vài ba hôm thì chợt có tàu Tây từ ngoài biển pháo vào. Trong lần Tây bắn phá này, một cô bé trong xóm và cũng là học sinh cùng lớp với tôi bị trúng mảnh pháo thiệt mạng. Tuy cô bé đã ngồi dưới hầm, nhưng vì hầm không có nắp nên khi đường bay của quả đạn hướng trúng thân cây dừa gần đó, đã khiến cho quả đạn phát nổ trên cao làm cho miếng bay đi xuống nên ghim trúng vào cô bé. Thì ra cái chết trong chiến tranh luôn luôn đau thương và xảy đến vào những lúc thật bất ngờ mà không ai có thể lường trước được số phận mình.

Dân đánh cá ở vùng ven biển vào thời kháng chiến có cái khổ là hễ có tàu Tây xuất hiện ngang qua ngoài khơi là phải lo cuốn lưới chèo ghe vô bờ. Nếu tàu Tây đi gần bờ thì mọi người phải chạy tản cư lên các vùng phía gần núi, chỉ trừ đám du kích ở lại nói là giữ làng. Vì Gò xoài cách xa bờ biển Kim bồng chỉ một cây số nên hồi năm ngoái cũng đã có một đợt Tây đổ bộ lên đốt phá vùng này một lần rồi. Những chiếc toa xe bị đốt cháy ở ga Tam quan và ga Chương hòa là những chứng tích còn đó. Lần ấy du kích không giết được tên lính Tây nào, còn lính Tây không bắn trúng

du kích mà lại trúng một giáo viên ở trong thôn đang tìm đường chạy trốn và một nhân viên hỏa xa đang trên đường đi về nhà.

Chú Mùi vốn cũng là người nơi khác, làm cho ngành hỏa xa, có đạo công giáo và còn độc thân nên thường vẫn hay tìm về nơi gia đình họ Trần này như một mái ấm cho những ngày dừng bước. Vì xe lửa chỉ chạy về đêm, còn ban ngày người ta tách rời đầu máy khỏi đoàn tàu và đem đi dẫu trong đường hầm để tránh bom đạn cho nên mỗi sáng sớm sau chuyến tàu chót Bồng sơn- Tam quan, chú thường theo chiếc đầu máy rời ga Tam quan chạy ra đầu trong đường hầm Bình đề, để rồi lại đi bộ từ đó về Gò xoài. Hôm Tây đổ bộ chú lo theo tàu vào trốn trong đường hầm nên không biết lính Tây cũng đã theo bìa rừng tiến đến gần đèo. Lúc chú men theo đường sắt bước ra, vừa tới cửa hầm thì lính Tây đã mai phục tại đó thấy có người từ trong hầm đi ra liền nổ súng. Chú gục ngay tại chỗ, chưa kịp biết chuyện gì đã xảy đến cho mình.

Vì tàu Tây cứ liên tục xuất hiện ngoài bờ biển và bắn phá mấy ngày liền làm cho mọi người ở đây lo sợ sắp có cuộc Tây đổ bộ càn quét nên ai nấy đều chuẩn bị lo lánh nạn. Người công giáo từ hồi nào đến giờ vẫn mang tiếng thân Tây cho nên để tránh bị chính quyền địa phương nghi ngờ theo dõi trong lúc tình hình đang căng thẳng, chú Năm cũng vội vàng đưa vợ con về quê thím trong Phù cát ở tạm, do đó mà anh em tôi lại được chú đưa về Bồng sơn trả lại cho cha tôi.

14.- VẪN CHỈ LÀ TẠM BỢ

Được trở về với khung trời quen thuộc, tôi vui thích trong lòng. Nhưng tôi lại vừa mất đi một nguồn vui. Dựa vào chính sách cho hồi cư của Chính phủ, bác Tâm đã xin được phép trở về sum họp với bác gái đang ở trong vùng bị chiếm. Mấy đứa con bác Tâm về Huế đã làm cho tôi thiếu mất bạn vui chơi. Và cũng vì bác Tâm không còn ở Bồng sơn nữa, gia đình tôi cũng bớt tới lui nhà ông bà Cả. Tôi vẫn tự hỏi tại sao cha tôi lại không xin trở về thành phố như bác Tâm hay như một số cựu công chức thời Tây khác có phải sung sướng hơn là cứ sống mãi ở đất Bình định gian khổ này không. Từ ngày vào đây tôi chỉ nhìn thấy chiến tranh và cuộc sống thì càng ngày càng bi đát hơn.

Về lại Bồng sơn tôi cũng không đi học ở trường nữa mà hằng ngày cha tôi ra cho tôi vài bài toán hoặc một bài luận văn gì đó. Em tôi cũng được ra cho bài tập đọc và tập viết. Tôi ở nhà tự lo học lấy và kèm cho em tôi học, tới bữa lại qua nhà cô Tám ăn cơm. Mỗi chiều cha tôi về lại sửa bài cho anh em tôi, dạy thêm cho một ít bài mới, để rồi qua ngày hôm sau lại cứ tiếp tục như vậy.

Vì thì giờ rảnh rỗi nhiều nên tôi hay lục lạo sách vở của cha tôi để tìm xem có sách gì mình có thể đọc được nhưng ngoại trừ mấy tờ báo Đường của Hướng đạo, còn lại thì toàn là sách nghiên cứu bằng tiếng Pháp tôi không đọc nổi. Một hôm cũng do lục lạo sách vở, tôi khám phá ra quyển nhật ký của cha tôi. Tôi lén đọc một cách say mê. Thì ra cha tôi cũng đã có cảm tình với cô Thùy từ lâu nhưng vẫn chỉ biết ôm ấp điều ấy cho riêng mình để rồi thổ lộ vào trang nhật ký mà thôi. Tự nhiên tôi thấy thông cảm với cha tôi hơn, nhưng đồng thời tôi cũng cảm thấy mình như mang thêm một mặc cảm tội lỗi nào đó đối với mẹ. Hình như tôi đã có phần đồng lõa với cha tôi trong niềm lãng quên mẹ, vì chẳng phải trước đây tôi cũng đã có những lúc mơ tưởng được có cô Thùy làm mẹ của mình đó sao.

Kể từ ngày không còn phải bận bịu về chuyện lo săn sóc mẹ tôi thì cha tôi lại càng hăng say hoạt động theo chí hướng. Ngôi nhà sàn bé nhỏ như là một trạm vãng lai của những người cùng chung lý tưởng. Tôi có dịp biết thêm nhiều chú bác mới, nhưng lúc này trong các lần gặp gỡ giữa cha tôi và các chú bác, tôi thường nghe có những câu chuyện nói về những người khác bằng những từ ngữ thật lạ tai như: "l tở rít, bị nhuộm đỏ, dinh tề, dân tạch tạch sề..." Các chú bác cũng thường hay bàn luận về những chuyện chính trị gì đó mà tôi không muốn bận tâm tìm hiểu. Tôi không thích chính trị. Hình như chính trị lúc nào cũng là những chuyện giết chóc và tàn bạo, chỉ mang lại cho tôi những điều không may.

Với niềm mơ ước hiền hòa được sống yên lành dưới một mái nhà, tôi bắt đầu gầy dựng cho mình một góc riêng bé nhỏ. Chú Chinh tìm cho tôi một cái thùng gỗ nhỏ kê lên làm cái bàn, bên dưới tôi ngăn thành như cái kệ để sách vở. Tôi sắp lổ Sách Hồng và quyển truyện Lỗ bình sơn ngay ngăn cho ra vẻ tử sách. Đặt thêm một cái ghế xếp con con vào đấy, thế là tôi đã có một vị trí tạm gọi là ổn định để cho mình gắn bó và ò không còn mang cảm tưởng nơi đây cũng chỉ là tạm bợ. Tôi bắt đầu lưu luyến với căn nhà sàn bé nhỏ.

Nhưng căn nhà sàn bé nhỏ thì hình như lại không tha thiết với tôi. Vì được làm bằng tre lá sơ sài, lại chênh vênh trên mấy hàng cột khẳng khiu lỏng lẻo nên căn nhà cũng thật là mong manh, mới chưa đầy hai năm mà đã thấy lung lay trước gió. Để củng cố cho căn nhà chịu đựng mùa mưa bão năm ấy, các anh em Hướng đạo đã trở tài tháo vát, đóng cọc chằng dây nịt chằng bốn phía giống như căng lều cắm trại. Nhưng rồi vào một buổi sáng mưa bão cuối kỳ, có lẽ nhằm ngày nghỉ nên có cha tôi ở nhà và có cả chú Phiền từ xa ghé về chơi từ mấy hôm nay, cả hai đang cùng uống trà ngâm thơ Đường thì bỗng nghe một tiếng "rắc", rồi cả căn nhà ụp xuống như một cái bẫy sập.

Qua cơn giật mình ngơ ngác, tất cả mọi người hoàn hồn liền vạch tre lá chui ra nhìn nhau cười. May mắn không một ai hề hấn gì cả. Chỉ bị một phen hú vía và ướt lạnh mà thôi. Riêng tôi lại thêm

một lần nữa cảm thấy mình bị mất mát. Nhìn đồng tre lá ngổn ngang trong mưa bão, tôi liên tưởng đến hình ảnh con tàu bị đắm của anh chàng Lỗ bình sơn và xin dành giấy từ cái thế giới bé nhỏ mà tôi vừa thiết tha gầy dựng.

Cũng may là nhà ông Biện chủ vườn cũng còn một gian bên cạnh bỏ trống nên cha tôi tạm dọn về đây. Các chú bác vẫn tới lui nhưng tình hình thì lại đang có nhiều biến chuyển. Cha tôi hình như cũng đang có những dự tính khác cho nên tôi không thấy cha tôi tỏ vẻ gì muốn cất lại căn nhà khác thay thế cho căn nhà đã sụp đổ.

Còn khoảng hai tháng trước ngày tôi phải thi Tiểu học, cha tôi lại gửi tôi ra Tam quan ở với chú Đức để theo học trường Minh viên, một trường tư thực mang tên bút hiệu của cụ Huỳnh, nhà cách mạng lão thành từng giữ chức Bộ trưởng Nội vụ trong chính phủ Liên hiệp kháng chiến. Mới vài năm trước tôi còn theo đoàn Hướng đạo ra đón cụ ở sân ga Bồng sơn khi cụ ghé lại đây trong dịp cụ đi kinh lý các tỉnh phía nam, nhưng liền sau đó tôi lại nghe nói cụ đã qua đời. Những người sáng lập ngôi trường này muốn tưởng nhớ cụ nên đã chọn bút hiệu của cụ đặt tên cho trường, nhưng đối với đám học sinh nhỏ như chúng tôi thì hình như cũng chẳng ai hiểu được cái ý nghĩa này mà người lớn thì hầu như cũng không thấy ai dám công khai giải thích ra cái điều ấy, mặc dù trước đây tôi cũng đã có nghe cha tôi và các chú bàn tán rất nhiều về cái chết đột ngột của cụ trong khi còn công cán ở tỉnh Quảng Ngãi.

Chú Đức cũng là một huynh trưởng Hướng đạo và tuy làm giáo viên, chú còn là chủ một xưởng vắn thuốc diều ở đây. Nhà chú nằm dưới phố trên con đường đi xuống cửa biển. Đây mới thật là khu phố cổ và chính của Tam quan. Vì người Hoa ở khu vực này đông nên phố ngói vẫn còn nhiều, nhưng tất cả đều theo lối kiến trúc cũ của Tàu, lại mang quá nhiều nét sinh hoạt thương mại của người Hoa khiến cho tôi không thích.

Dọc theo một bên phố có những đầm nước mặn, nước triều lên xuống, và trên các bãi cạn có những chiếc ghe bầu to lớn nằm phơi mình bất động. Người ta bảo trước chiến tranh Tam quan là một nơi phồn thịnh vì là chỗ cửa biển có ghe bầu chuyên chở các sản phẩm về dừa của địa phương này đi khắp nước. Bây giờ chính phủ cấm thông thương nên phố xá cũng tiêu điều và những chiếc ghe bầu cũng chỉ đành nằm yên một chỗ, giương đôi mắt thao láo nhìn đám cây bần, cây đước mọc quanh bờ, tựa rể ra bầu vào lòng đất như những ngón tay bầu vào người mà quên đi một thời vượt sóng gió, ra bắc vào nam.

Thị trấn Tam quan đối với tôi có vẻ như một xứ sở của dân chệc. Ngay cả ngôi mộ A Sầu, được coi là một kiến trúc thắng cảnh nơi đây cũng là của người Hoa. Do đó mà suốt thời gian sống ở thị trấn này, tôi luôn cảm thấy mình như đi lạc qua Tàu. Cũng may là sau khi thi xong bằng Tiểu học cũng là nghỉ hè, tôi lại được trở về Bồng sơn.

15.- XÓM ĐẠO VÙNG VEN BIỂN

Theo với đà chiến thắng của Mao ở Trung quốc, tình hình chính trị ở những vùng do Việt minh kiểm soát cũng bắt đầu có nhiều biến chuyển quan trọng. Mọi sinh hoạt tự do vui vẻ trước đây trong xã hội bị hạn chế dần và nhiều biện pháp kiểm soát người dân được gia tăng. Phong trào Hướng đạo cũng buộc phải ngưng hoạt động. Riêng vấn đề biên chế trong các cơ quan nhà nước đang gây lo ngại cho một số người sẽ phải nghỉ việc thì hình như lại là một cơ hội tốt cho cha tôi vì trước đây người đã nhiều lần xin nghỉ công tác nhưng đều bị bác, nay lại được cơ quan chấp thuận. Một con chim trời đã bị xén cánh vẫn muốn tung bay và một tâm hồn thơ ngây nhiều mơ ước tưởng tượng chưa biết mình sắp sửa lạc bước vào một khu rừng gai góc của cuộc đời.

Có lẽ cha tôi cũng đã sắp đặt trước đâu vào đó cả rồi nên vừa nghỉ việc là dọn nhà ra họ đạo Gò xoài, đến ngụ tại nhà chú Năm. Trước ngày cha tôi đến cư ngụ tại họ đạo này thì cũng đã từng có vài người thuộc giới trí thức hay nghệ sĩ từ những phương trời xa lạ vì hoàn cảnh tản cư mà có lần ì dưng bước nơi đây, nhưng khi đã đi rồi thì vẫn còn lưu lại ít nhiều dấu ấn. Bây giờ đến lượt cha tôi cũng tìm về chốn này như một bến đậu sau những tháng ngày lênh đênh. Cha tôi đi dạy học cho trường trung học tư thực công giáo ở Gia Hựu. Trường mang tên Đặng đức Tuấn, vị linh mục có tư tưởng cải cách từ thời nhà Nguyễn, lúc mà Tây hầy còn chưa cai trị đất nước này. Em tôi trở lại với trường cũ, còn tôi bước vào năm đầu tiên bậc trung học tại ngôi trường có cha tôi giảng dạy. Cuộc sống lại có vẻ đi dần vào ổn định và tôi cũng không còn nhớ Bồng sơn nhiều như trước.

Nhà chú Năm là một trong hai căn biệt thự ở nơi đây. Mới xây cất xong chưa kịp sơn phết thì Khởi nghĩa bùng lên làm gián đoạn công trình cho nên cửa nẻo vẫn còn giữ nguyên màu gỗ. Chú Năm dành cho cha tôi xử dụng căn nhà trên vì gia đình chú thường chỉ sinh hoạt nơi dãy nhà ngang. Tôi đã sống ở Gò xoài một dạo rồi nên lần trở lại này có cả cha con cùng sống chung dưới một mái nhà, tôi không còn cảm thấy mình là một con chim lạ cho dù trong khu rừng này cũng chỉ có thuần một loài chim hót giọng Bình định.

Tôi bắt đầu làm quen với bạn bè tại chỗ. Vì hầu hết người trong họ đạo đều là bà con với nhau hoặc coi nhau như bà con nên đều xưng hô với nhau như trong gia đình. Tôi cũng bắt chước đám trẻ trong nhà mà gọi người này người kia bằng chú, bác, cô, dượng, thím, dì..., tùy theo vai vế của họ đối với đám bạn của tôi. Một vài anh chị lớn xưng qua với tôi nhưng bây giờ thì tôi đã hiểu nên không còn xưng qua trở lại. Riêng có anh Ba con bác Hai lại gọi tôi bằng chú nên tôi cũng không tí ngần ngại gọi lại anh ta bằng chú.

Một hôm chị anh Ba nghe tôi và anh Ba đều gọi nhau bằng chú bèn cười ngất rồi hỏi tôi chứ trong hai đứa thì đứa nào làm em. Tôi vẫn không hiểu. Chị phải cắt nghĩa tiếp rằng chú ở đây có nghĩa là chú em, tức là em. Thật là rắc rối quá! Nhưng lần này tôi nhất định không từ bỏ tiếng chú để gọi anh ta bằng anh mặc dù anh ta có lớn hơn tôi thật, chỉ vì lẽ anh ta lại là anh ruột của cô gái bị bệnh kinh phong mà đám trẻ thích chọc ghẹo vẫn chọn làm đối tượng để cấp đòi cho tôi.

Riêng cha tôi từ ngày nghỉ việc cơ quan về đây ở và đi dạy học, cuộc sống cũng có phần thanh thoi và dễ chịu hơn. Các chú ở Bồng sơn xa nên ít tới nhưng bây giờ lại có mấy chú dạy cùng trường hay ở trường trung học trong Tam quan cũng hay ghé chơi. Trong số các chú tôi biết sau này, có chú Thụ là người có nhiều nét đặc biệt nhất.

Chú Thụ hình như cũng mến cha tôi lắm. Chú vui tính và thường có rất nhiều truyện tếu để kể cho mọi người cùng cười với nhau. Có một lần tôi nghe chú bảo chú đã chọn nhầm cái nghề "gô-đốt-tơ". Vì ngỡ rằng chú nói tiếng Pháp nên khi nghe cái từ này có vẻ mới lạ quá tôi bèn giở từ điển ra tra nghĩa. Tôi đã tra hết mấy quyển từ điển mà tôi có thể tìm thấy, kể cả quyển từ điển Larousse của Pháp vẫn không thấy chữ này nằm ở đâu cả. Lần sau gặp chú, tôi đem điều thắc mắc của

mình ra hỏi thì chú cười, bảo tôi còn ngu lắm. Tôi loay hoay cả mấy tuần, cuối cùng mới hiểu ra "godautre" chính là "gỗ đầu trẻ", tức là nghề dạy học, và tôi chợt ý thức được sự kém thông minh của mình. Thì ra tôi đã quá giàu tưởng tượng để cao siêu hóa quá nhiều cái trong cuộc đời, trong khi thực tại lại là một cái gì rất đơn giản và tầm thường trước mắt nên nhiều lúc cảm thấy mình như cứ bị chơi vơi trong cuộc sống.

Về sống ở đây tôi cũng thường có dịp xuống cửa biển Kim Bồng chơi. Bọn trẻ như chúng tôi ngoài cái trò tắm biển, nghịch phá, còn cái trò đi bắt còng gió cũng khá vui. Còng gió giống như con cua nhỏ nhỏ, vỏ màu trắng, thường đào hang trên bãi cát. Chúng bò rất nhanh và hề nghe động là chui ngay vào hang sâu. Muốn bắt chúng người ta đợi ban đêm, hai người cầm một cái lưới giăng ngang, rồi mỗi người nắm một đầu cùng nhau chạy dọc theo bãi biển và kéo cho lưới là trên mặt cát. Còng đang yên tâm nhón nhờ trên bãi cát, vừa nghe động chưa kịp chạy về hang thì đã vướng vào lưới. Cái món còng gió xào dầu dừa không biết có ngon thật tình không, nhưng sau khi chạy qua chạy lại trên bãi cát đã nhiều thì nhai con còng rau rầu trong miệng cũng thấy ngon lành lắm.

Dân vùng biển ít khi ăn thịt vì cá bao giờ cũng nhiều và rẻ hơn thịt. Tuy nhiên thỉnh thoảng cũng có được món thịt vích. Đúng ra thì đây chẳng qua cũng chỉ là một món hải sản đặc biệt mà thôi. Con vích gần giống con rùa nhưng to bằng cái thúng lớn. Người ta không cần phải đánh bắt nó mà chỉ khi nào gặp nó bò lên bờ để đẻ trứng vùi nơi bãi cát thì vài ba người chạy lại lật ngửa nó lên. Vích không còn bò đi đâu được nữa, chỉ còn nằm chờ người ta khiêng về làm thịt. Hèn gì đám bạn trẻ miền biển nơi đây thấy tôi thường hay vụng về lúng túng trong những trò nghịch ngợm như trèo dừa, chèo ghe, bơi lội, vẫn thường hay gọi tôi là "đồ cái thứ rùa lật ngửa."

Đằng sau xóm lại có một ngọn đồi mà người ở đây vẫn quen gọi là cấm có rất nhiều cây bụi cho dê ăn lá nên trong xóm có nhiều nhà nuôi dê. Mấy chú bày cho cha tôi cũng nên nuôi một con dê để lấy sữa. Con dê mà chú Sáu nhượng lại cho cha tôi đang mang thai sẵn nên chỉ tháng sau dê đẻ. Hằng ngày chúng tôi lại có thêm món sữa dê "cây nhà lá vườn" trong khẩu phần ẩm thực của mình. Tôi có được con dê con để sẵn sóc chơi.

Cuộc đời có vẻ cũng thanh bình và êm ả nếu thỉnh thoảng không có máy bay Pháp dội bom bắn phá mấy cây cầu xe lửa vẫn còn chưa sập hẳn, hay là tiếng mõ báo động có tàu Tây đi qua ngoài biển gần bờ. Cha tôi cũng có vẻ thích chốn này. Tôi đang nghĩ đến một ngày nào đó, cha tôi lại cất một căn nhà nơi đây, tôi lại sẽ tạo cho mình một góc thật riêng tư để quên đi những mất mát trong đời. Nhớ lại buổi đầu mới đến đây, tôi dè dặt lắm, nhưng sau một thời gian sống và hội nhập, tôi cũng đã thay đổi và thấy mình cũng có thể chấp nhận nơi này làm quê hương.

16.- GIÓ MÙA BIỂN ĐỘNG

Từ ngày về sống tại họ đạo này cha tôi cũng có nhiều hoạt động khác hơn việc dạy học. Người hay gặp gỡ nhiều người từ xa xôi ghé lại, chuyện trò có vẻ quan trọng, và cũng có khi cha tôi đi xa mấy ngày mới về. Tôi thường nghe nói đến những vấn đề chính trị rắc rối, nhưng cũng như đã bao lần rồi, tôi không muốn bận tâm đến những điều tôi không thích. Đấu tranh bao giờ cũng mang tính chất sắt máu, mà tôi thì chỉ muốn được sống yên lành với những ước mơ tưởng tượng rất hiền hòa.

Tình hình lại biến chuyển. Tin loan ra quân Tưởng đã bị quét sạch khỏi Hoa lục mang lại niềm lo âu cho những người không thích cộng sản. Tôi thấy mấy người Hoa kiều sơn lại lá cờ thành màu đỏ có 5 ngôi sao vàng thay vào chỗ có nền xanh và ngôi sao trắng 12 cánh trước đây và thân nhiên làm ăn buôn bán như cũ. Nhưng người dân Việt thì lại cảm thấy cuộc sống như càng ngày càng có vẻ thêm ngộp thở và kinh tế lại càng có nhiều khó khăn hơn. Trong khi đó thì Chính quyền lại càng hô hào toàn dân hãy hy sinh và không ngớt đề cao Trung quốc vĩ đại, cũng như đang ra sức tuyên truyền vận động cho một cuộc Tổng phản công trên mọi mặt. Chưa xong niên học thì học sinh các lớp lớn bị động viên vào bộ đội. Rồi tiếp đó là tất cả các trường trung học tư thực được lệnh phải đóng cửa.

Không còn trường để dạy, cha tôi tạm xử dụng căn phòng khách nhà chú Năm làm lớp học tư gia, dạy cho số con em trong họ đạo đang bị dở dang việc học. Cha tôi cũng không muốn cho tôi đi xa để học trung học công lập nên một lần nữa tôi lại là học trò của cha tôi ở tại nhà. Có điều lần này tôi không còn tự do học một mình mà có lớp, có giờ giấc và có bạn cùng học. Nhưng không đi học trường, tôi cũng mất đi một số bạn ở các nơi xa mà chỉ còn chơi loanh quanh với đám bạn bè trong xóm.

Anh Ba lúc này học chung với tôi nên cũng bắt đầu làm thân với tôi. Từ khi chơi với anh Ba, dù vẫn tiếp tục gọi nhau bằng chú, tôi lại có bạn để cùng nói về những ước mơ tưởng tượng của mình. Nhưng anh ta có lẽ không thích tưởng tượng nhiều như tôi nên có lúc tôi cũng rất bực mình về anh ta, vì anh ta lại hay đem những điều tôi mơ tưởng đi kể lại cho người khác nghe để họ cười tôi. Tuy vậy, anh ta lại chơi đàn măng cầm khá hay nên nhờ anh ta mà tôi cũng vẽ vẽ được vài ngón đàn.

Có một điều khá đặc biệt là do trước đây có một thời có một vài nhạc sĩ cũng đã đến tá túc xóm này và đã dạy cho đám trai trẻ đàn hát nên rất nhiều gia đình trong họ đạo này có đàn trong nhà. Ngoài những cây đàn thông dụng như violon, mandoline, guitar ra, còn có cả clarinette, accordeon, piano và một bộ trống nữa. Đám trai trẻ hầu như ai cũng biết chơi một hai loại nhạc cụ. Gộp lại họ cũng làm thành một ban nhạc và cũng đã từng được địa phương hay các xã lân cận mời tham dự mỗi khi có tổ chức văn nghệ. Còn bình thường, tối tối, nhất là vào những đêm trăng sáng, đám thanh thiếu niên trong xóm vẫn thường tụ họp đàn hát với nhau. Tiếng đàn hát ngân vang đầy đó trong cảnh thanh vắng của vùng quê yên tĩnh dễ gây cho con người những xúc cảm bồi hồi khó quên.

Cây cầu Bồng sơn đã bị máy bay thả bom sập rồi. Trước đây Ủy ban Kháng chiến còn tiếc rẻ chưa cho lệnh phá hoại thì nay địch cũng đã giúp ta mà phá hủy nốt để cho ta thêm trường kỳ gian khổ. Giòng sông Lại với tiếng guồng xa nước cốt kết trong đêm đã bị âm thanh của tiếng đàn tiếng hát vùng ven biển này xóa mờ. Tôi bắt đầu lưu luyến những đêm trăng sáng ở miền biển. Nhưng hình như vẫn còn một chút gì đó để tôi không bao giờ quên hẳn Bồng sơn. Đôi khi nghe âm hưởng một bài hát cũ, chợt nhớ lại một giọng hát đã trở thành xa xưa, tôi lại chạnh nghĩ đến ngọn đồi Thiết đỉnh để thấy mình vẫn luôn luôn mang tâm trạng của một người bị mất mát và không bao giờ còn có được một niềm vui thật trọn vẹn. Vào ngày giỗ mẹ tôi năm ấy, cha tôi xin cố Minh làm một lễ mỗ

cho mẹ tôi. Sẵn có con dê con của tôi cũng đã khá lớn, cha tôi liền chọn làm con vật hy sinh cho bữa tiệc mời bà con có lòng xem lễ cầu nguyện cho người đã khuất. Bà con phụ thêm mỗi người một tí và lo nấu nướng nên bữa tiệc cũng rất xôm tụ. Cố Minh cũng đến dự. Trong bữa tiệc giỗ này còn có cả chú Cọp và mấy chú ở xa đến. Chú Cọp mang theo thanh gươm Nhật mà chú bảo đó nguyên là thanh gươm tước được của một sĩ quan quân đội Thiên hoàng. Chú đi khỏi nhà lúc nào tôi không hay nhưng còn để lại thanh gươm Nhật và cái ống sáo trúc của chú. Bẵng đi khá lâu không thấy chú Cọp ghé lại, tôi nghe mấy chú ở đây nói chuyện mới biết là chú Cọp đã cùng vài chú nữa trốn theo ghe đánh cá về thành.

17.- BIẾN CỐ DẬP DÒN

Niềm yên vui của gia đình tôi từ ngày dọn về ở xóm đạo này cũng chỉ kéo dài được khoảng hơn một năm. Vào một buổi sáng, lớp học trò tư gia của cha tôi đang sửa soạn bước vào buổi học như thường lệ thì một toán công an tỉnh và công an Liên khu phối hợp với nhiều toán du kích xã của các thôn lân cận đến bao vây ngôi nhà chúng tôi ở. Viên trưởng đoàn gặp cha tôi, trình lệnh xét nhà rồi bảo mấy người công an khám xét đám học trò và đuổi tất cả ra về. Sau đó họ bắt đầu cuộc lục soát. Viên trưởng đoàn xem xét rất kỹ càng những giấy tờ thư từ của cha tôi, kéo dài cuộc lục soát cho đến chiều, và cuối cùng mời cha tôi đi theo họ. Theo như lời gửi gắm của cha tôi trước khi ra khỏi nhà, gia đình chú Năm lại tạm thời cư mang anh em tôi. Đám học trò cha tôi đợi vài ba tuần không thấy thầy về, người thì nghỉ học luôn, người thì lo tìm nơi học khác. Lớp học tư gia của cha tôi tự động giải tán.

Nghe tin cha tôi bị bắt, tôi không có chỗ học hành, chú Thụ bèn gọi tôi đi theo chú để chú dạy cho học. Cũng giống như cha tôi, từ ngày chính quyền ra lệnh đóng cửa các trường tư thực, chú mất chỗ dạy nên cũng đã quay ra mở lớp dạy tư gia. Vì đám học trò khá giả cũ của chú đều ở trong Bồng sơn nên chú phải mở lớp ở trong này. Tôi lại có dịp trở về Bồng sơn lần nữa, nhưng bây giờ thì không phải là về nhà mà chỉ là đi ở trọ.

Có lẽ chú Thụ đã bàn định với chú Chinh như thế nào đó để giúp đỡ tôi nên tôi đã được gửi cho ăn ở tại nhà cô Ba để đi học. Tôi đã gặp lại cô bé Nhi đồng cứu quốc thuộc dòng họ nhà vua, và một điều không ngờ là cô ta cũng được gia đình cho theo học chú Thụ cho nên một lần nữa tôi lại có dịp chung lớp với cô ta. Bẵng hơn hai năm không gặp, tôi chợt thấy cô bé bây giờ đã lớn nhiều và xinh đẹp ra. Cô ta cũng đã có một vài nét con gái chứ không còn lạnh lùng như cô bé Nhi đồng cứu quốc ngày nào.

Do sống chung trong nhà tôi mới thấy cô bé cũng có nhiều cái đáng thương. Cha chết, mẹ tái giá, về ở với cha ghẻ, chắc cô bé cũng có những cái buồn. Cái tên dài lê thê chỉ là vang bóng của một chút vàng son ngán ngùi. Điều này khiến cho tôi nửa sinh tình quyến luyến, nửa như cảm thấy e dè vì dù sao thì cha tôi cũng vừa mới bị bắt, còn tôi thì cũng đang ở trong một hoàn cảnh phức tạp.

Cha ghẻ cô ta là một người nhiệt tín theo chủ nghĩa Mác Lê. Không biết có phải vì sợ bị Đảng phê bình và kiểm thảo hay sao đó mà tôi ở nhà ông ta được chừng một tháng thì thấy chú Chinh tìm tôi và bảo cho biết là tôi không thể tiếp tục ở nhà ông ta nữa. Chú Chinh và chú Thụ lại phải tạm thời gửi tôi ở trọ chung với một bạn học sinh khác. Chưa được bao lâu thì chú Thụ cũng bị bắt. Thế là tôi lại mất luôn chỗ học hành, đành phải quay trở về Gò xoài ở và cũng xa luôn cô bé từ đây.

Cũng vào khoảng thời gian này tôi thấy có một ông họa sĩ người Bắc, tên là Sung thường hay ghé lại Gò xoài. Tôi nghe mấy chú nói ông ta từng tốt nghiệp trường Cao đẳng Mỹ thuật ở Hà nội và cũng từng nặn tượng Bác rất nổi tiếng. Nhiều người trong gia đình họ Trần cũng có vẻ mến ông ta lắm vì ông ta có tài và vui tính, nhưng tôi thấy ông ta có một điểm gì đó hơi khác lạ nên chính tôi lại thấy mình không thân thiện với ông ta nhiều.

Liên tiếp là những vụ bắt bớ khác xảy ra ở nhiều nơi mà hầu hết những người bị công an bắt đều thuộc các thành phần khá giả, trí thức, có uy tín trong các khối tôn giáo và nhất là những người có nhiều liên hệ mật thiết với cha tôi. Tại Gò xoài cũng có mấy chú vừa mới bị công an bắt. Trong lúc mọi người chưa hết hoang mang về những biến cố vừa xảy ra thì lại thấy ông họa sĩ Sung vẫn thản nhiên trở lại. Mọi người vẫn đối đãi ông ta bình thường. Chỉ có bác Ba bảo tôi ông ta là công an.

Trong những lần ghé chơi ở lại nhiều ngày, họa sĩ Sung đã vẽ mấy bức chân dung cho thím Năm, thím Bảy và ông ta cũng đã bỏ công nắn một bức tượng bán thân của bà cụ Trần thật sinh động. Ông ta lại còn dạy cho anh Hai con của bác Ba cách nắn tượng và làm khuôn đúc tượng. Anh Hai cũng có hoa tay về những công việc nắn nót nên đã học được nghề rất nhanh. Họa sĩ Sung bảo anh Hai thử đúc một số tượng Bác để bán cho các cơ quan và đoàn thể. Tượng nung xong để xếp đống nhưng chẳng thấy có cơ quan đoàn thể nào đến thỉnh nên anh Hai bèn xoay qua nặn tượng Chúa và tượng Đức Mẹ để thờ, và nếu như có gia đình công giáo nào muốn xin chuộc, anh cũng vui vẻ nhận tiền cho người ta rước tượng đi.

Thấy anh Hai học được nghề nặn tượng, tôi cũng đùa đùa xin họa sĩ Sung cho làm đệ tử. Họa sĩ Sung nhìn cách tôi cầm cây cọ, có lẽ thấy tôi không có một chút năng khiếu nào về hội họa nên cũng cười cười bảo tôi nên học nghề thợ sơn. Tôi nhớ đến quả ớt xanh màu xanh và con zéro to tướng mà ông thầy giáo Quảng nam đã tặng cho tôi ngày nào nên cũng không lấy thế làm buồn, vì tôi cũng cảm thấy mình thật ra không lấy gì làm tha thiết với cái ngành nghệ thuật này lắm. Một lần nữa tôi lại nhận ra rằng những ước muốn của mình hình như không bao giờ ăn khớp với cuộc đời và xã hội này vẫn chưa bao giờ cho phép tôi tự do tưởng tượng theo những suy nghĩ riêng tư.

Không phải học hành và con dê nhà đang thiếu người chăn nên tôi bèn theo mấy đứa trẻ trong xóm lên cắm chăn dê. Những lúc thả cho dê ăn lá trên cắm, tôi lại có thể leo lên cao nhìn thấy biển. Từ sau ngày có mấy vụ những người muốn trốn vùng Việt minh theo ghe đánh cá để về thành bị đổ bể, người ở trên Gò xoài không còn dám xuống Kim bồng chơi tắm biển như trước vì sợ công an theo dõi. Đối với tôi, biển bây giờ chính là niềm mơ ước một con tàu xuất hiện, mang tôi về một quê hương nào đó, để tôi có thể tìm lại tự do và bình thản cho tâm hồn. Nhưng bây giờ ngoài biển chỉ có tàu Tây mà tàu Tây là giặc, kẻ nào có hành động khả nghi liên lạc với Tây đều là Việt gian phản quốc, phải bị xử tử.

Mỗi lần chăn dê trên cắm, tôi lại tưởng tượng như mình là Tô Vũ nhưng thực ra tôi cũng không biết rõ điển tích Tô Vũ như thế nào ngoài cái điều ông ta cũng đã phải chăn dê, chẳng qua cái tên gọi nghe có vẻ gọi lên cho tôi ít nhiều cảm hứng. Tôi chợt nghĩ đến một Tô Vũ nhạc sĩ mà tôi vừa mới nghe tên. Tôi cũng không biết ông ta ở đâu, người như thế nào, nhưng bản nhạc Tạ Từ do ta ông sáng tác thì đang phổ biến và thường được mấy anh trong xóm đem ra đàn hát với nhau: "Rồi đây khi mùa dứt chiến chinh, Gió dâng khúc nhạc thanh bình. Ta đi tìm em" Điệu nhạc thật êm đềm và tha thiết. Tôi chưa thực sự thấy mình xao xuyến nhớ một người con gái nào đó để lặn lội đi tìm khi dứt chiến tranh, nhưng ước mộng về một thoáng thanh bình cho quê hương trên vùng đất này thì lại đã tan thành mây khói.

Tôi cũng không bình thản chăn dê lâu. Đến lượt chú Năm chủ nhà cũng bị công an bắt. Để có tiền đi thăm cha tôi đang bị giam cứu nên chiếc xe đạp cũ của cha tôi đã phải bán đi rồi. Lần này thím Năm bán nốt con dê vì nuôi nó chẳng lợi lộc gì mà thêm mất công chăn giữ. Sữa dê uống mãi cũng chán mà đem bán thì cũng chẳng ai mua vì người ta chỉ cần mua những món thiết thực như là gạo, mắm mà thôi. Những đồ đạc còn lại của cha tôi cũng được đem ra bán lần. Thật tình mà nói thì cũng chẳng có cái gì đáng giá. Người không biết, tưởng cha tôi trước đây làm quan chắc là lắm bạc nhiều vàng. Thật ra chẳng có gì cả. Người từng hiểu biết cha tôi thì lại ái ngại cho hoàn cảnh anh em tôi vì chút tiếng thanh liêm của cha tôi.

Không còn dê để chăn, tôi bắt chước theo đám trẻ đi lưới cá, đi thả câu, hay đi soi ếch, soi nôm, nhưng vì không quen tay và nhất là không có kinh nghiệm nên kết quả thu lượm được của tôi lúc nào cũng dưới mức khiêm tốn và là đề tài vui cười cho mọi người khiến cho tôi cũng không lấy gì làm ham thích, ngoại trừ những lần theo mấy anh lớn tham dự vào các trò vui như săn chồn hay đi tìm tổ ong vò vẽ để đốt tổ lấy nhộng ăn. Vì ong vò vẽ chích đau lắm nên người ta chỉ thực hiện việc đốt tổ vào buổi tối để ong không thấy đường bay ra chích người, tuy nhiên nhộng ong vò vẽ

đem xào lên xúc với bánh tráng nướng là một món ăn ngon và lạ miệng nên lỡ có bị ong chích một hai phát cũng không lấy gì làm ân hận.

Vì cứ đi theo đám trẻ đủ thành phần trong xóm nên tôi cũng học được ít trò nghịch ngợm như bẻ trộm dừa, hái trộm mít, đào trộm khoai mì khoai lang luộc ăn với nhau. Nói cho đúng thì trong những trò phá phách này tôi chỉ là kẻ ăn theo, nhưng nếu như có lần nào khổ chủ la hét chạy theo đuổi bắt thì tôi lại hay làm con chiên đền tội vì trong những màn đào tẩu, tôi bao giờ cũng chậm chạp và lúng túng.

Có một lần anh Ba rủ tôi đi bứt dây lang về nuôi thỏ vì nhà anh Ba có nuôi một bầy thỏ mà thỏ thì lại rất khoái cái món lá khoai lang này. Khổ một cái là muốn có lá khoai thì chỉ có cách đi bứt trộm. Đợi đêm tối, anh Ba dẫn tôi mỗi đứa xách theo một cái giỏ tre ra đám ruộng khoai ngoài bìa xóm men xuống bứt trộm. Chặng may hôm ấy chui nhầm vào ruộng lạ, lại nhầm lúc chủ ruộng khoai là một du kích đi đầu lên xã về ngang qua nhìn thấy hai bóng đen lui cui dưới ruộng mình bèn tưởng có kẻ đào trộm khoai liền hô hoán đuổi bắt.

Nghe tiếng la hét và thấy bóng một người to lớn, tay hươi thanh mã tấu loang loáng dưới ánh trăng nhảy xuống ruộng chạy lại phía mình, anh Ba sợ quá quăng giỏ co giò phóng chạy như bay. Tôi mới nhồm dậy chạy được vài ba bước thì vấp phải cái mô đất ngã sòng soài trên bờ ruộng đành nằm chịu trận để cho khổ chủ nắm cổ dựng dậy. Được một cái là khi khổ chủ nhìn thấy trong giỏ chỉ lèo tèo mấy cọng rau lang và nhìn cái bộ mặt cứ như là thơ ngây vô tội của tôi khi cố giải thích là mình chỉ đi kiếm rau nuôi thỏ thì cũng nguôi giận, chỉ răn đe vài câu rồi bỏ qua và thả cho về.

Còn anh Ba đêm hôm ấy chạy thoát về được nhà, sợ bị người lớn rầy la nên cũng không dám đem câu chuyện đi bứt dây lang trộm bị đuổi bắt bỏ tôi kẹt lại sau không biết đã ra sao kể lại cho ai nghe nên ở nhà cũng chẳng ai hay biết gì cả. Mãi đến sáng hôm sau gặp nhau cùng đi xem lễ ở nhà thờ, thấy tôi mặt mũi tay chân tất cả vẫn còn lạnh lặn, anh Ba mới đem câu chuyện đêm qua ra kể cho đám bạn trẻ trong xóm nghe. Nhờ cái thành tích mặc dù chẳng có gì gọi là vẻ vang đó, tôi đã dần dà được đám trẻ nơi đây mặc nhiên chấp nhận làm một con chim trong đàn, dù tiếng hót của tôi vẫn còn mang giọng khác lạ.

18.- MỘT CHÚT RONG CHƠI

Hồi ra dạy học, do phụ trách môn Việt văn nên cha tôi cũng đã tìm mượn được một số sách báo cũ để làm tài liệu. Có nguyên cả một bộ báo Ngày Nay đã được đóng thành tập. Trước đây cha tôi vẫn giới hạn tôi trong việc đọc các loại sách báo người lớn. Nay thì tôi tha hồ đọc. Qua tập báo Ngày Nay, tôi đã đọc được vô số tác phẩm của Tự Lực Văn đoàn. Tôi để ý đến vài nhân vật trong một số tác phẩm của Nhất Linh và của Hoàng Đạo, và tự nhiên tôi liên tưởng đến cha tôi.

Tuy không hiểu sâu sắc vấn đề nhưng tôi cảm thấy cha tôi và mấy chú có nhiều điểm giống với mấy nhân vật trong Đôi bạn của Nhất Linh, hay trong Con đường sáng của Hoàng Đạo. Mấy nhân vật trong các truyện này đều là những người hấp thụ nền tây học, thương nước nhà lạc hậu, thương dân lành cực khổ và bị áp bức, muốn đem cái sở học của mình ra để phục vụ quốc gia dân tộc. Vốn mang nhiều thiện chí, nhưng bản chất thiên về lãng mạn và giàu mơ mộng nên các nhân vật này đã nhìn đời, nhìn xã hội qua lăng kính tình cảm chủ quan và phiến diện của mình. Do đó có người thì ra làm quan với ý hướng đem sự hiểu biết cũng như đức độ của mình để mang lại công bình cho dân nghèo, có người thì lại đi làm cách mạng theo kiểu hiệp sĩ đi cứu đời, lao mình vào sương gió như một niềm vui.

Cha tôi cũng đã từng từ bỏ cuộc sống an nhàn của một người công chức thành phố để ra làm quan ở một vùng quê buồn tẻ vào thời điểm gần cáo chung của một chế độ lỗi thời. Sau đó người lại dấn thân vào cách mạng với mẫu người Hướng đạo mang tâm hồn phóng khoáng, yêu công bằng và lẽ phải, và muốn đem cái tinh thần đó ra gieo rắc an vui cho đời giữa thời đại mà con người chỉ thích lao mình vào cơn mê của những lý tưởng không tưởng.

Bản Hành khúc của Liên đoàn Hướng đạo Tây Sơn Bình định do cha tôi đặt lời cũng đã bộc lộ lên cái tinh thần hiệp sĩ lãng mạn này. Bài hát có những câu như sau:

Lòng mang niềm hân hoan, bước chân rộn ràng vui sắc xuân
Cùng nhau ta bước mau, người trước người sau
Say sưa hương vị dãi dầu cuộc đời sương gió
Ta đi gieo mầm vui Hướng đạo ở khắp nơi...

Trong chiều hướng xã hội đang bị gò ép đi vào con đường đấu tranh gay gắt giữa con người với con người mà cứ mang cái tinh thần hào hiệp tự do phóng khoáng này ra thì thối thì chỉ mang lấy thiệt vào thân. Điều này làm cho tôi cảm thấy cuộc sống của mình có vẻ như lạc lõng và tương lai của mình cũng chỉ là một cái gì đó rất bấp bênh và mơ hồ. Đọc báo nhiều tôi bỗng nảy ra cái ý tập viết văn làm báo. Tôi bèn rủ mấy người bạn trong xóm từng theo học lớp tư gia của cha tôi làm một tờ báo tay, bắt chước theo các tờ báo tay của học sinh nhà trường. Mấy người bạn, kể cả vài ba anh lớn tuổi và học lớp trên tôi cũng đang buồn vì cái nạn nghỉ học nửa chừng, nên khi nghe tôi đề xướng làm báo để giúp nhau luyện văn cũng là một cách giải trí bổ ích và tao nhã, liền hưởng ứng ngay. Dù sao thì tôi cũng được tiếng đã từng đại diện cho trường nhà đi thi học sinh giỏi toàn tỉnh và cũng đã chiếm được giải môn Văn trong niên học vừa qua.

Chúng tôi đồng ý với nhau là ai muốn viết gì thì viết, miễn có bài để lên báo là được rồi. Nhưng qua đến phần đặt tên cho tờ báo thì đúng là một cuộc bàn cãi sôi nổi. Người thì muốn tên tờ báo phải nói lên một khát vọng nào đó, kẻ thì thích chọn một cái tên thật hiền hòa thơ mộng. Càng bàn thì càng đề ra lắm tên. Cuối cùng thì cũng đề ra được một cái tên mà không còn ai đủ sức để mà phản đối, đó là "Tập Báo", có nghĩa là tờ báo của những người mới tập làm. Thế là tạm kết thúc được mục bàn cãi để tiến tới việc thực hiện, nhưng cái tên thì tôi nghe vẫn chói tai thế nào ấy.

Tờ báo ra số đầu tiên. Sau khi chia nhau chép, vẽ và trình bày lên giấy rồi đóng lại thành một tập dày bằng khuôn khổ quyển vở học trò, chúng tôi chuyền tay nhau ngắm, còn đọc thì chúng tôi đã đọc nháo ra rồi, từ lúc "báo chưa lên khuôn" và "đang lên khuôn" nên cũng chẳng còn gì để đọc. Tuy nhiên ai nấy đều vui thích thấy bài của mình "đăng" trong tờ "Tập Báo" chẳng thua kém gì mấy nhà văn lúc mới bắt đầu viết thấy sáng tác của mình được đăng lên báo Ngày Nay.

Mặc dù chúng tôi đã đồng ý với nhau là chỉ "phổ biến nội bộ", nhưng không hiểu do đâu mà tờ báo cũng đã lọt tới tay mấy chú bác, vượt ra ngoài khu vực họ Gò xoài và rồi đi xa tới đâu thì cũng không còn ai biết được. Phần khởi trước thành quả của mình, chúng tôi bàn nhau ra tiếp số 2, nhưng nhìn lại thì hình như cây bút nào cũng đã cạn ý văn, lại nhằm lúc chính quyền có chủ trương cấm phổ biến và tàng trữ các loại sách báo có khuynh hướng tự do hay tư sản lãng mạn, chúng tôi cũng nhận thấy việc mình làm là điều không hợp thời và có thể đưa tới những hậu quả không hay, nên tờ báo cũng chỉ thực hiện có một số đó rồi thôi.

Liên tiếp sau đó thì trong gia tộc họ Trần cũng xảy ra vài chuyện buồn. Bác Hai, cha của anh Ba, đau bệnh phổi đã lâu, nay cũng vừa qua đời. Chú Năm cũng bỏ mất đứa con sinh nhằm lúc cha tôi về sống tại ngôi nhà này nên chú đã chọn cha tôi làm bố đỡ đầu cho nó. Rồi tiếp đó là cô em gái của anh Ba, người con gái mang chứng bệnh kinh niên cũng lên cơn bệnh mà chết. Dù ngày ấy tôi chưa hề nghĩ đến một điều gì xa xôi, nhưng cái ấn tượng bàng hoàng mà người con gái ấy đã gây cho tôi lần đầu tiên khi tôi tới xứ này vẫn mãi mãi là một cái dấu ấn trong tâm tưởng của tôi.

Từ khi bác Hai qua đời, lại không có chỗ học hành khiến anh Ba không biết làm gì cho qua ngày giờ nên vẫn hay đi thăm bà con của anh ta ở khắp nơi trong tỉnh. Vì tôi cũng đang lông bông giống anh ta nên anh hay rủ tôi cùng đi. Tôi đã theo anh ta về Hòa mục, thuộc huyện Phù cát, quê ngoại của anh ta. Cậu Hai tức là cậu của anh Ba thấy tôi mừng lắm. Tôi chưa biết cậu Hai nhưng cậu Hai thì lại biết tôi từ những ngày tôi còn bé ở huyện vì ngày ấy cậu cũng là chức sắc trong làng nên có dịp biết cha tôi. Cậu kể cho tôi nghe những chuyện về cha tôi mà tôi không biết, hay là có những chuyện mà tôi đã quên khuấy từ lâu rồi.

Phong cảnh xứ Hòa mục có vẻ buồn nhưng cũng có một cái thú đặc biệt. Vì vùng này gần rừng núi lại có nhiều ruộng mía nên có một loài chim vẫn thường kéo nhau về ngủ trong các đám mía hàng đêm. Muốn bắt chim người ta phải quan sát trước từ chiều xem đám mía nào có nhiều chim về ngủ. Đợi đêm tối, người ta giăng một cái lưới cao vượt đầu ngọn mía ở cuối ruộng. Vài người khác lên đầu ruộng thả một sợi dây thừng dài ngang ngọn mía rồi chia nhau đi dọc theo hai bên bờ và kéo cho sợi dây lướt về cuối ruộng. Sợi dây lướt trên ngọn mía tạo ra một âm thanh xào xạc làm cho lũ chim đang ngủ bị giật mình choàng dậy, chuyển theo cây mía tránh vùng tiếng động cho đến khi đụng vào lưới. Người ta chỉ việc ập lưới xuống là tha hồ bắt. Mỗi mẻ lưới có khi bắt được hàng trăm con.

Chim mía nhỏ như chim se sẻ và đem chiên lên ăn rất ngon, nhưng khi nhìn những con chim nhỏ đang còn vùng vẫy như muốn tung bay bị người ta vặn cổ vật lông, tự nhiên tôi lại thấy gần như bất nhẫn, hết muốn ăn thịt chim. Người ta vẫn bảo: "Đất lành chim đậu." Nhìn những con chim bé nhỏ này nằm nghèo khổ bất động, tôi bất giác nghĩ thầm: Có lẽ những con chim này đã chọn nhầm đất lành.

Tôi cũng từng theo anh Ba đi vào An nhơn, Tuy phước, đến xứ Vườn Vông, hay xuống tận Gò Bồi, Gò Thị. Xứ Vườn Vông có loài chim đồng độc chuyên làm tổ bằng rơm sợi kết lại, có hình dáng tựa tựa quả bầu đeo lủng lẳng chi chít trên các cành cây keo nên nhìn xa xa cứ tưởng như một loài cây lạ mang trái. Không biết có phải vì thịt loài chim này ăn không ngon hay tại người dân ở đây thừa lúa gạo nên cũng lăm từ tâm, do đó mà chẳng có ai phá những tổ chim này cả nên chim ở đây vẫn yên tâm làm tổ.

Vì là vùng đồng ruộng, ít đất vườn, cho nên đường đi lại từ xóm này qua xóm khác nhiều chỗ chỉ là bờ ruộng. Ruộng đồng tốt lúa thì cũng tốt cho cả đũa. Tôi không biết điều đó nên lúc đầu còn mạnh dạn lội xuống ruộng mà đi ở những nơi bờ bị lở cho đến một lần nọ, vừa bước qua khỏi chỗ lội, tôi bỗng nhiên cảm giác như có cái gì nhọn nhót khác thường nơi ống chân bèn nhìn xuống thì nhận ra là mấy chú đũa đang đeo cứng ở đó.

Lần đầu tiên trong đời tôi bị đũa cắn và hiểu được thế nào là dai như đũa dói. Vừa sợ vừa lúng túng không biết làm cách nào để gỡ mấy của nọ này đi thì được anh bạn địa phương bảo tôi xòe bàn tay ra, nhổ vào một bãi nước bọt, xoa lên mấy con đũa rồi bóp quăng. Thật là nhẹ nhàng giản dị. Thì ra đũa tuy thích hút máu người nhưng lại kỵ nước miếng của người. Phải có như thế chứ, nếu không làm sao những người nông dân kia có thể thần nhiên lội bì bõm dưới ruộng cả ngày được.

Cũng có lần tôi theo anh Ba lên tận vùng Sông Cạn, An thái thuộc huyện Bình Khê. Đây cũng là vùng đất nơi xưa kia anh em nhà Tây Sơn dấy nghĩa. Nơi đây không xa đèo An Khê là biên giới tỉnh Bình định với miền Cao nguyên do Pháp chiếm nên đêm đêm người ta có thể nghe thấy tiếng đại bác bắn cầm canh. Bên kia đèo là vùng địch chiếm. Tôi đang sống ở vùng tự do, nhưng cái tự do của tôi là phải biết dừng lại ở bên đây nếu không muốn thấy mình bị du kích bắt trói dẫn đi thủ tiêu.

Chính nhờ theo anh Ba đi đó đây mà tôi có dịp biết thêm nhiều vùng khác nhau của đất Bình định cùng những tập quán cá biệt nhỏ của từng vùng. Có một điều là ở đâu thì họ cũng nhận nhau qua tiếng " nẫu " nhưng không vì thế mà họ không hiểu khách hay không thích những người không cùng chung một giọng nói nếu như họ chưa bị con ma Hồi ám ảnh để nhìn người không giống họ là kẻ thù.

19.- CHỮ NGHĨA ÍCH GÌ CHO BUỔI ẤY

Nhìn chung thì lúc này xã hội đang đi dần vào tình trạng khó khăn khắc khổ. Chính quyền càng ngày càng kiểm soát người dân một cách chặt chẽ hơn và đang chuẩn bị cho một cuộc đấu tranh giai cấp. Người nông dân nghèo đã bắt đầu có cái nhìn nghi kỵ và soi mói các thành phần phú nông địa chủ. Lớp học sinh đàn anh nhiều người đã phải vào bộ đội. Lớp nhỏ hơn đa số phải bỏ học và tập cầm lấy cái cuốc cái cày.

Thấy tôi và anh Ba cứ lang thang không chỗ học hành mà cũng chẳng biết nghề gì làm nên nhân dịp vị linh mục ở Đại an cũ về Gò xoài thăm gia tộc, mấy chú bác ở đây bèn gọi gắm tôi và anh Ba về ở với ngài để ngài dạy cho học. Thế là tôi cùng anh Ba khăn gói theo ngài và chấm dứt những ngày lãng tử. Lúc này ngài đã đổi về Trung ái, một xứ đạo nhỏ nằm về hướng tây quốc lộ 1 cách thành Bình định khoảng 4 cây số.

Phong cảnh ở đây thật là buồn vì chỉ thấy có ruộng đồng cằn cỗi, nhà tranh vách đất và cuộc sống thì thật là vất vả. Người dân ở đây hay bị chứng sốt rét, một chứng bệnh cũng đem lại cho con người cái chết mòn nếu không có thuốc trị, mặc dù trông bề ngoài có vẻ không đến nỗi phải ghê sợ hay cần xa lánh như là bệnh phong cùi hay lao phổi. Có một buổi sáng tôi đang ngồi lơ đãng nhìn nắng lên trên cánh đồng thì nghe có tiếng hát: "Nắng trên khóm cây, xuân sáng ngời..." Đó là bài Nắng Xuân, một trong những bài hát vui tươi nhẹ nhàng của Hoàng Quý mà Hướng đạo thường ca. Tôi ngạc nhiên sững sốt, nhớ lại thời còn đi Hướng đạo ở Bồng sơn bèn chăm chú nghe và tìm thử xem ai hát.

Tôi nhận ra người đang hát là một thanh niên, nước da thì xanh bủng và bụng thì to như cái trống, đang mệt nhọc đi trên bờ ruộng. Do đâu mà anh ta thuộc bài hát này thì tôi không rõ, nhưng anh ta đã hát bằng tất cả tâm hồn của mình. Âm thanh khào khào và có chỗ lạc cả điệu, nhưng giọng ca thì thật là tha thiết. Cha sở bảo là anh ta bị bệnh sốt rét kinh niên, nay đã tới thời kỳ rụng lá lách, chắc cũng chẳng còn sống được bao lâu. Tôi bỗng nhiên khám phá ra như là có một cái gì rất nghịch lý về cuộc đời và cảm thấy buồn xa xót. Người thanh niên kia lẽ ra phải được sống vì tuổi đời anh ta vẫn còn dài, nhưng định mệnh thì lúc nào cũng phũ phàng. Chỉ mai đây nữa thôi rồi anh ta cũng phải giã từ cuộc đời này, cho dù ngày hôm nay anh ta vẫn còn thấy nắng lên đẹp trên cánh đồng và cuộc đời là đáng yêu.

Suốt hơn nửa năm rong chơi chẳng phải học hành đã quen thói, nay cầm lại sách vở, tôi thấy mình chẳng còn chút hứng thú học hành gì cả. Anh Ba có lẽ còn chán nản hơn tôi vì dù sao thì anh cũng vẫn quen cuộc sống dễ chịu, được những người thân yêu nuông chiều và đất Gò xoài không ít thì nhiều, cũng là một nơi được coi như có một nếp sống tương đối văn minh và cởi mở hơn, nay vào cái xứ khỉ ho cò gáy này làm tên học trò không trường không lớp, sáng vẽ vẽ dăm ba câu tiếng Pháp, chiều theo cha sở đi nhử chim cu hoặc câu cá, cũng có khi còn phải theo cha sở lặn lội đến những xóm đạo hẻo lánh xa xôi trong vùng để viếng thăm hay ban phép lành cho kẻ liệt hay kẻ sắp qua đời, toàn là những cảnh không buồn thì cũng thương tâm, nên nhiều lúc lại tỏ ra bứt rứt không yên.

Thấy mình có vẻ như sống lại thời kỳ ở Đại an ngày trước, tôi bỗng nhớ lại trò chơi Lỗ bình sơn cô độc, nên cũng định rủ anh Ba chơi thử cái trò chơi ấy, nhưng anh Ba thì cũng giống như em gái tôi, chỉ thích sống ồn ào có người khác đồng vui, còn tôi bây giờ cũng đã lớn, biết nhìn vào thực tế nhiều hơn nên cũng kém đi cái nhìn phiêu lưu tưởng tượng, do đó mà tôi cũng không bao giờ dám rủ anh ta cả. Thế là bây giờ bên tôi đã có được một người bạn, nhưng người bạn bây giờ cũng lại không phải để cùng tìm vui trong tưởng tượng mà chỉ để truyên cho nhau cái bệnh nhớ nhà, mặc dù tôi cũng chẳng biết đâu là nhà.

Được vài tháng, chịu không nổi cảnh sống buồn nản của vùng này, và có lẽ cũng sợ bị mang bệnh sốt rét, anh Ba xin về thăm nhà. Vào thời bấy giờ ở Bình định ít có ai nằm ngủ có mùng. Tối nào nhiều muỗi, người ta dùng rơm hay lá un lên khói cho muỗi bay bớt trước khi đi ngủ. Mền gối cũng không cần thiết, chỉ một manh chiếu, vừa trải vừa đắp cũng có thể ngủ ngon giấc. Tôi cũng không muốn tiếp tục sống như vậy để rồi một lúc nào đó thấy mình cũng giống như người thanh niên đi trên bờ ruộng và hát hôm nào. Thế là tôi lại theo anh ta trở về Gò Xoài. Bây giờ thì xứ Gò xoài mặc nhiên như là quê hương của tôi, cho nên dù có đi đâu rồi thì cuối cùng tôi cũng vẫn trở về đó.

20.- NIỀM TIN VẮN VỮNG

Trong khi các vụ bắt bớ để điều tra vẫn còn tiếp diễn trong khắp mấy tỉnh thuộc Liên khu 5, đa số những người bị bắt là trí thức, nhân sĩ, nhiều nhất là thành phần công giáo, có cả những vị là linh mục, thì người công giáo cũng nổi lên một phong trào xây dựng hang đá kính Đức Mẹ hiện ra. Tại Gò xoài, giáo dân trong họ cũng nô nức rủ nhau lên cắm lầy đá. Chỉ bằng sức người và những dụng cụ thô sơ như đòn xeo, đà lặn bằng thân cây dừa, rõ ràng kéo ghe bầu, người ta cũng đã hì hục hè nhau mang được từ cắm về nhiều tảng đá lớn, có tảng nặng hàng mấy tấn, đem chồng chất những tảng đá ấy lên nhau để làm thành một cái núi đá trong khuôn viên nhà thờ. Tôi cũng đã hăm hở theo mọi người đi kéo đá để tìm chút niềm vui hay cũng có thể là một chút niềm tin.

Sau mấy tháng cùng nhau góp công góp của, ra sức xây dựng bằng những phương tiện eo hẹp nhưng nhiệt tình bao la của chính mình, mọi người sung sướng và hãnh diện với công trình được hoàn thành. Có hang đá kính Đức Mẹ, các giáo hữu trong họ dường như cũng tìm ra được một niềm hy vọng mới. Và từ đó, đêm đêm sau buổi kinh tối trong nhà thờ, người ta lại kéo nhau ra quỳ trước hang đá Đức Mẹ đọc thêm mấy kinh Kính mừng và cùng nhau hát:

Mẹ ơi! Đoái thương xem nước Việt Nam
Trời u ám, chiến tranh điêu tàn
Mẹ hãy ra tay ban phước bình an
Cho Việt nam qua phút nguy nan.

Rồi mọi người yên lặng cầu nguyện theo ý riêng của mình. Qua bao nhiêu biến cố đau buồn dập dồn đổ xuống trong đời, hình như tôi không còn dám mơ tưởng vào một phép lạ nào đó sẽ xảy ra làm thay đổi lại cái thế giới đang đổ vỡ và đắm chìm trong khổ não, nhưng khi nhìn thấy những con người thành kính hát bài ca cầu khẩn trên với tất cả tấm lòng mong mỏi của mình, tôi cũng tự nhiên thấy lòng mình cảm động đến rưng rưng.

Niềm tin của kẻ ở nhà thì vẫn mạnh và hy vọng vẫn tràn trề, nhưng kẻ bị bắt thì cũng vẫn cứ còn đi. Có người bị bắt, sau đó được thả về, nhưng chẳng bao lâu sau lại bị bắt. Điều này tạo cho người bị công an tình nghi luôn luôn ở trong tình trạng bất an. Do đó mà tất cả những ai đã qua một lần bị bắt đều có một thái độ dè dặt và sợ sệt.

Chú Năm cũng vừa được thả về và cũng đang mang một tâm trạng như vậy. Tuy nhiên từ sau ngày chú về tôi thấy có một người có vẻ rất trí thức, thỉnh thoảng lại ghé đây thăm chú Năm và được chú tiếp đãi tử tế. Tôi lại thấy dưỡng Bốn bào chế cho ông ta mấy tể thuốc trị bao tử gia truyền vì nghe nói ông ta đang bị bệnh bao tử. Có một lần chú Năm còn gọi tôi lại cho ông ta gặp nhưng ông ta chỉ yên lặng nhìn tôi rồi quay đi chứ chẳng hỏi han gì cả.

Tôi đem chuyện này ra hỏi bác Ba thì được bác cho biết ông ta họ Vũ, làm trong sở Công an Liên khu 5 và từng giữ chức Trưởng ban điều tra các vụ nghi vấn chính trị lâu nay nhưng vừa mới bị ngưng chức để cho viên công an họ Cao lên thay thế. Bác Ba cũng cho tôi biết thêm là từ ngày ông Cao thay ông Vũ thì tình hình càng ngày càng chuyển thành thế bất lợi cho những người bị điều tra, do đó trường hợp cha tôi chắc cũng không lấy gì làm sáng sủa. Sau đó chú Năm bị bắt lần thứ hai và viên công an họ Vũ cũng không còn ghé lại nên tôi cũng không biết thêm điều gì khác.

Một hôm bỗng nhiên có nhiều người trong xóm náo nức, rồi có người kêu tôi mà bảo là cha tôi đã về. Tôi chạy ra đầu xóm xem thì quả nhiên thấy cha tôi và một số chú bác khác đang đi bộ về nhà chú Năm nhưng lại có cả công an đi kèm. Riêng chú Tiến thì lại nằm trên chiếc võng có hai

người khiêng. Toán công an áp giải ngăn cản không cho một ai được tiếp xúc với những người vừa trở về. Lúc vào nhà rồi, công an bắt người nhà kê lại bàn ghế nơi phòng khách đứng trở lại kiểu sắp đặt như ngày cha tôi còn dạy học nơi đây. Cha tôi và các chú bác đi theo được lệnh ngồi vào đấy như đang cùng nhau trò chuyện. Người công an giữ máy hình đi tới đi lui và chụp một số ảnh từ nhiều vị trí khác nhau. Thì ra công an đang dựng lại hiện trường và chụp ảnh làm tài liệu.

Sau khi hoàn tất công tác, toán công an lại áp giải đoàn người ra đi. Sự vui mừng chào đón người thân yêu trở về vừa qua chỉ là một thoáng mừng hụt ngỡ ngàng. Chú Tiến vẫn phải nằm trên chiếc võng có hai người khiêng. Hình như có ai đó hỏi chú Tiến bị bệnh gì. Người công an đi bên cạnh liền nói là chú Tiến đang bị bệnh kiết lỵ nên không đi nổi. Tôi không nói gì nhưng tôi đã thấy một chân của chú khập khiễng lúc chú chống gậy cố bước vào ghế ngồi để công an thu hình. Từ ngày cha tôi bị bắt, tôi đã học được một điều: trong cuộc sống đầy nghi kỵ này, có nhiều lúc cần phải biết im lặng.

21.- ĐỊNH MỆNH ĐÃ AN BÀI

Cho dù trên thực tế chính quyền lúc này không còn là Liên hiệp kháng chiến, và đã đi theo đường lối cộng sản rõ rệt, nhưng trên mặt tuyên truyền, người cộng sản vẫn ngụy trang chính sách đàn áp các thành phần đối lập bằng cách gán cho những người không theo cộng sản là phản quốc, làm tay sai cho thực dân đế quốc để chính quyền dễ dàng khuynh đảo nhân dân. Chính vì thế mà họ đã đem nhóm đối lập của cha tôi cùng các nhóm đối lập khác thuộc bên Phật giáo và Cao đài dàn dựng lại thành một cái mà họ đặt tên cho là " Vụ Gián điệp Bình định ". Họ tổ chức những buổi triển lãm hình ảnh của những hoạt động mà họ gọi là "gián điệp". Họ lại cho mở các buổi học tập trong nhân dân về những hành động làm tay sai bán nước mà họ vẽ ra rồi gán cho những người trong các nhóm này đã làm. Sau đó họ bắt dân chúng làm kiến nghị lên án tội phản quốc của những người trong nhóm.

Chính quyền đã gài sẵn người trong các buổi học tập lên án nên khi thảo luận thì luôn luôn có những người không ngớt khích động lòng căm thù và khi làm kiến nghị thì cố đề ra những hình phạt nặng nề nhất. Đa số người nông dân chất phác, mang tấm lòng yêu nước thật thà thì làm sao có thể hiểu nổi những uẩn khúc của con đường làm chính trị. Họ chỉ biết hô theo mấy người cổ xúy. Trước làn sóng phẫn nộ và căm thù đó, người có lòng, có hiểu biết cũng chỉ đành ngậm miệng.

Sau hơn một năm trời bắt bớ để điều tra và chuẩn bị dư luận, cuối cùng chính quyền cũng đã cho lập một phiên tòa quân sự đặc biệt để đem những người bị bắt ra xét xử. Phiên tòa công khai được kéo dài trong nhiều đêm liền để nghe ủy viên công an đóng vai công tố viên thao thao và hùng hổ buộc tội. Khi tòa nghị án, bốn bản án tử hình được tuyên bố, còn lại là một số án chung thân hoặc tù hữu hạn. Bốn án tử hình gồm ba hiện diện, trong đó có cha tôi là một, cùng với ông Nguyễn và ông Võ thuộc khối Phật giáo và nhóm Cao đài. Một án xử khuyết tịch vì can nhân là cụ Tạ đã vượt thoát về được thành trước khi bị bắt. Mang án tù chung thân có mấy vị linh mục, mấy chú thân cận với cha tôi, kể cả chú Tiến.

Ngồi ghế chánh án lại là nguyên tổng đốc họ Phạm tại tỉnh Bình định trước ngày Toàn quốc khởi nghĩa. Không biết vị chánh án của cái " Phiên tòa quân sự đặc biệt " ngày hôm ấy khi đứng lên tuyên bố hai tiếng " tử hình " đối với một cựu đồng liêu thời cũ và cũng là đồng sự trong suốt mấy năm kháng chiến vừa qua vì cái tội không khuất phục cộng sản, ông ta có cảm nghĩ gì ở trong lòng, nhưng riêng tôi bỗng cảm thấy mình đang chứng kiến quá nhiều điều đáng để suy tư. Hình ảnh một cụ Thượng trong bộ áo dài gấm bệ vệ bước xuống xe hơi đen bóng trước huyện đường Phù cát ngày nào bây giờ chỉ còn là một ông già an phận trong bộ đồ kaki bốn túi kiểu Trung cộng cho tôi thấy cuộc đời đã thay đổi quá nhiều từ ngày đất nước chuyển mình đi vào cách mạng, nhưng không phải theo chiều hướng tốt đẹp hơn mà chỉ là bi đát thêm.

Để tỏ ra chế độ là nhân đạo, mà có lẽ chính là để chờ xem phản ứng của các thành phần đối lập, chính quyền cộng sản chưa thi hành ngay các bản án tử hình mà cho các can nhân được chờ đợi cứu xét xin khoan hồng. Khi thấy chỉ có số thân nhân làm đơn lặn lội đi tới đi lui, còn các đoàn thể tôn giáo không dám tỏ thái độ nào khác hơn vài bản kiến nghị xin khoan hồng một cách dè dặt thì sự khoan hồng chỉ là cái tiếng xoa dịu tạm thời sự đau khổ của thân nhân người bị kết án chứ thực tế không bao giờ có.

Đúng vào năm Hội Thánh ban ơn toàn xá, vừa qua khỏi mấy ngày tết ta và người công giáo bắt đầu vào mùa chay, thì một hôm có một người công an xã đến tìm tôi và trao tận tay tôi tờ giấy báo của Công an tỉnh cho phép đi thăm cha tôi tại Phù Mỹ. Tôi hơi ngạc nhiên vì lệ thường, muốn đi thăm can nhân, thân nhân phải làm đơn xin phép qua nhiều chặng nhiều khê chứ đâu có dễ dàng như vậy. Vả lại tôi và em gái tôi mới xin phép lên trại giam An lão thăm cha tôi cách đây hai tuần,

nay tự nhiên lại được phép đi thăm nữa, chắc là có chuyện khác thường, nhưng tôi cũng không thể quyết đoán là chuyện gì nên chỉ sửa soạn một mình lên đường ngay cho đúng hẹn vì ngày giờ cho gặp cũng đã gần kề.

Trưa hôm sau vào đến Phù mỹ tôi tìm mãi vẫn không thấy có đồn Công an nào cả để hỏi thăm. Đang loay hoay thì tôi thấy có mấy người như là nông dân rủ nhau đi xem xử tử Việt gian. Tôi có hỏi nhưng họ cũng không biết Việt gian nào sắp bị xử tử, tuy nhiên tôi linh cảm ngay có một điều đau buồn nào đó sắp xảy đến cho cha mình nên liền cất bước theo họ đi về hướng An lương. Trên đường đi càng lúc càng có đông người cùng đi về một ngả. Sau đó thì tất cả cùng rẽ vào một ngọn đồi trọc. Tôi gặp thân nhân của ông Nguyễn và ông Võ đang ngồi ở một góc đồi vắng khóc nức nở. Tôi đã hiểu tất cả.

Độ 5 giờ chiều thì từ trong làng bên kia đồi, một toán công an vũ trang dẫn cha tôi cùng ông Nguyễn và ông Võ đi ra, đưa đến giữa đồi, chỗ có đóng sẵn hàng cọc tre và để sẵn ba cái hòm gỗ tạp. Tôi và những người thân nhân kia được phép đến gần bên người thân của mình để nói chuyện lần cuối giữa hàng công an hòm súng vây quanh. Lần đầu tiên cha tôi nói nhiều với tôi nhưng có lẽ cha tôi nghĩ là tôi vẫn còn non dại lắm, không hiểu những uẩn khúc của vấn đề chính trị, nên lời trấn trối cuối cùng mà người nhắc đi nhắc lại với tôi là "ba không phải là Việt gian phản động và cũng không hề phản bội Tổ quốc".

Tôi muốn nói với cha tôi rằng tôi không đến nỗi ngây thơ hay khờ dại để tin những lời tuyên truyền của kẻ cầm quyền nhưng sự đau khổ đã làm cho tôi ghen hờn. Tôi nghĩ giờ phút này cha tôi chắc cũng đang đau khổ tột bậc khi thấy mình hoài bão không thành, sắp phải từ giã cõi đời, bỏ lại hai đứa con còn nhỏ không mẹ, không họ hàng thân thích, ở một nơi không phải là quê hương, vào một thời buổi đầy nhiễu nhương và ly loạn. Tôi bật lên nức nở. Cha tôi vẫn trầm tĩnh nhắc tôi lời hứa cố gắng.

Sau mấy phút gặp mặt cuối cùng này, công an ra lệnh cho tất cả thân nhân lui ra, nhường chỗ cho vị linh mục tiến vào. Để tỏ ra chính quyền vẫn tôn trọng tự do tín ngưỡng mà có lẽ cũng là một hình thức cảnh cáo khối công giáo nên vị linh mục cai quản họ Nhà đá gần đây được chính quyền mời đến để ban các phép bí tích cuối cùng cho người sắp tìm về với Chúa. Cha tôi có lẽ cũng muốn tránh cho tôi những xúc động thái quá khi phải chứng kiến cảnh đau đớn này nên đã bảo tôi hãy đi khuất khỏi nơi này ngay. Vâng lời người, tôi quay bước về hướng chân đồi. Một bàn tay nào đó chạm vào vai tôi và bảo tôi đi theo. Tôi tuân theo như cái máy. Người đó đưa tôi về nhà và an ủi tôi rất nhiều nhưng hình như tôi chẳng nghe gì cả. Tôi ngược nhìn lên hai tấm hình chết lành và chết dữ treo trên vách hai bên bàn thờ Chúa với tượng Chuộc tội đặt tại gian giữa. Hình như ở xứ này, bất cứ gia đình công giáo nào cũng mang sẵn cái ám ảnh của sự chết chóc.

Tôi ngồi yên suy nghĩ mông lung cho đến khi nghe có tiếng một loạt súng nổ từ trên đồi vọng lại, tôi như choàng tỉnh dậy lẳng lặng một mình trở lại ngọn đồi. Người đi xem đang kéo nhau ra về. Tôi đi ngược chiều với họ. Một vài người nhìn tôi như có vẻ ái ngại nhưng cũng có những kẻ nhìn tôi bằng đôi mắt không thiện cảm tí nào vì họ vừa được nghe bản cáo trạng đầy tội ác của những người bị xử tử. Nghe họ nói với nhau toàn những chuyện ngây ngô, tôi bỗng nhiên thấy họ đáng thương hại hơn là đáng ghét. Tuy nhiên qua nét mặt và cử chỉ của họ, tôi cũng đồng thời ý thức được về những khó khăn trong cuộc đời đã bắt đầu mở ra cho tôi kể từ hôm nay.

Khi tôi trở lên đến pháp trường thì tất cả đã giải tán, chỉ còn lại mấy người du kích đang lấp ba cái huyệt, cũng gần với hàng cọc tre ban chiều. Thân nhân của ông Nguyễn đã ra về, chỉ còn hai cô chị và em của chú Võ. Cô Bảy chỉ sụt sùi nhưng cô U'ít thì đang nức nở. Cũng như đối với mẹ tôi lần trước, tôi đã không có mặt trong giờ phút tằm liệm của cha tôi, dù rằng không phải ý tôi muốn

như vậy. Khi huyết đã lấp rồi, tôi đi theo cô Bảy và cô Uýt vào làng để nhận các vật dụng của cha tôi còn để lại.

Đoàn công tác đã giao lại cho tôi cái ba lô mà thời còn Hướng đạo cha tôi vẫn xử dụng trong mỗi lần đi cắm trại rồi lại dùng nó làm túi hành trang cho những ngày đi ở tù. Trong ba lô vốn vẹn một bộ bà ba còn mới, một tấm vải dùng làm chăn đắp, một quyển sổ ghi chép thơ và vài món linh tinh. Tôi sực nhớ ra lúc ban chiều cha tôi đã mặc bộ bà ba đen cũ đã bạc màu và để bộ đồ còn mới lại, và tôi đã không cầm được nước mắt.

22.- BIẾT ĐÂU LÀ TỔ QUỐC VỚI QUÊ HƯƠNG

Sau khi cha tôi chết, anh em tôi trở thành bơ vơ thực sự vì tại vùng đất Bình định này, chúng tôi không hề có một người họ hàng thân thích nào cả. Em tôi mới mười tuổi cũng phải nghỉ học về sống với mấy cô trong gia đình họ Trần để giữ em, làm việc nhà. Tôi thì lang thang lúc nhà cô chú này, lúc nhà cô bác khác. Tôi xa xót thương em lủi thủi với niềm bất hạnh của mình, nhưng từ hồi nào đến giờ anh em tôi ít hiểu nhau nên tôi cũng không biết làm cái gì cho em vào lúc này. Tôi nhớ lại khi còn nhỏ và thằng em trai tôi còn sống, có một lần tôi đang chơi với nó thì nó bỗng oà lên khóc. Tôi cố dỗ cho nó nín nhưng hình như tôi càng dỗ thì chỉ càng làm cho nó khóc nhiều thêm lên mà thôi.

Tuy nhiên cũng do lần gặp nhau hôm đến pháp trường thăm người thân của mình lần cuối mà tôi biết được cô Bảy và cô Uýt, và hai cô cũng đã đưa tôi về An thường chơi cho biết nhà. Hai cô thấy hoàn cảnh hai anh em tôi mồ côi bơ vơ cũng tỏ ra lo lắng cho anh em tôi lắm. Sẵn hai cô đang sống đơn độc với nhau bằng một gian hàng tạp hóa nên cũng muốn đưa em tôi về nuôi. Thấy hai cô cũng là người gốc thành phố, chưa phải vướng bận gia đình con cái, lại cùng chung tâm trạng, chắc là sẽ dễ dàng thông cảm với em tôi hơn nên khi nghe hai cô gợi ý như vậy, tôi rất mừng.

Nhưng có một điều khiến tôi đã không thể tự mình quyết định. Dù sao thì tôi vẫn chỉ là một đứa trẻ chưa đến tuổi trưởng thành và cha tôi cũng đã có lời gửi gắm anh em tôi cho mấy chú ở Gò xoài. Nay tôi muốn đưa em tôi đi ở nơi khác phải có sự chấp thuận của mấy chú. Vin vào có hai cô là người theo Phật giáo, các chú đã không bằng lòng để cho em tôi đi. Người công giáo vẫn hay truyền đạt cho tôi lời của Chúa: "Nếu như được mọi sự trên thế gian mà mất linh hồn thì có ích gì." Tôi thấy mình đã mất mát quá nhiều cái thuộc trần gian này rồi nên tôi cũng rất e ngại nếu tôi lại còn đánh mất thêm bất cứ một cái gì khác nếu có. Tuy nhiên tôi cũng rất thắc mắc trong lòng khi thấy có những người tuy đã được "hằng ngày dùng đủ" như lời van xin trong kinh Lạy Cha, vẫn còn muốn cầu xin Chúa hãy ban thêm cho mình nhiều hơn nữa những cái chỉ thuộc về trần gian này và khuyên kẻ đã quá nhiều bất hạnh hãy tiếp tục hy sinh đền tội để được phước Thiên đàng.

Tuy không đưa em tôi về ở với cô Bảy và cô Uýt nhưng tôi vẫn thường đến thăm hai cô. Có một hôm hai cô mách cho tôi là gia đình ông Nguyễn đã được chính quyền cho phép hồi cư về thành. Mấy cô khuyên tôi cũng nên thử làm đơn xin về sống với thân nhân. Nhưng họ hàng của tôi thì tởm mác không biết phương nào, và quê nội hay quê ngoại tôi thì lại cũng thuộc "vùng tự do Khu 4", tức là vùng kiểm soát của chính quyền cộng sản thì có gì hơn đâu. Và lại cho dù bên nội hay bên ngoại, cả một đời tôi chưa hề biết ai thì về với ai bây giờ. Lần đầu tiên trong đời, tôi mới thấy rằng mình thực sự thiếu một quê hương. Nhưng nhớ đến ông ngoại tôi đã vào Nam thăm cậu tôi thời Nhật đảo chính, rồi vì chiến tranh phải kẹt lại ở trong đó nên tôi cũng liều làm đơn xin được về Nam sum họp với ông ngoại trong khi thực sự thì tôi cũng không biết ông ngoại tôi ở phương trời nào.

Nghe tôi nói muốn xin hồi cư, nhiều chú bác đều tỏ vẻ tán đồng mặc dù các chú bác lại càng không biết họ hàng của tôi ở đâu và ra sao. Dù sao thì các chú bác cũng nhìn nhận là trong hoàn cảnh hiện tại, nếu có thể giúp được cách gì cho anh em tôi thoát về thành vẫn tốt hơn là sống ở đây, do đó mà nhiều chú bác đã sốt sắng giúp tôi thảo đơn, hoặc gián tiếp giúp tôi phương tiện. Một lần nữa, tôi lại một mình mang đơn tìm đến Công an và Ủy ban Hành Kháng Liên khu để nộp. Và cũng giống như lần tôi nộp đơn xin ân xá cho cha tôi, sau vài lần một mình đi tới đi lui, tôi đã được viên Công an Liên khu khét tiếng họ Cao cho gặp để giải bày nguyện vọng.

Lúc tôi bước vào nhà viên công an từng là trưởng ban điều tra vụ án cha tôi thì ông ta đang ăn cơm. Ông ta sai người công an cần vụ lấy thêm một cái chén và một đôi đũa rồi bảo tôi ngồi ăn cơm với ông ta. Tôi ngồi ghé lên bộ ngựa, xới một chén cơm và gắp một miếng thịt bò xào vì thức

ăn chỉ độc có một món ấy. Tôi cố nhai nhưng gặp lúc đang đau răng mà miếng thịt thì dai còn hơn là đĩa xôi nên tôi đành nuốt trộng rồi tiếp tục và cho hết chén cơm lạt. Trong khi ấy ông ta vẫn gắp thịt nhai một cách rất ngon lành, vừa ăn vừa nói luôn mồm, nhưng chung quy lại chỉ là khuyên tôi nên phấn đấu lao động để cùng toàn dân xây dựng Tổ quốc chứ đừng bắt chước đi theo con đường của cha tôi, hay nghĩ đến chuyện về thành.

Dĩ nhiên tôi vẫn thấy mình luôn luôn yêu Tổ quốc và muốn được xây dựng Tổ quốc mình, nhưng tôi biết giữa tôi và ông ta, hai tiếng Tổ quốc bây giờ không còn chung một cách hiểu. Và tôi cũng hiểu thêm một điều nữa : bữa cơm hôm ấy là một ân huệ cuối cùng về tình người của một người cộng sản đối với một đứa trẻ có cha bị coi như là một kẻ phản động.

23.- BÊN GIÒNG SÔNG CÔN

Xin hỏi cư không được, chưa biết phải làm gì thì vị linh mục dạy tôi trước đây vẫn chưa quên tình cũ với cha tôi nên một lần nữa lại đem tôi về ở với ngài. Lúc này ngài đã dọn về Trường cửu, cách xứ Kim châu và thành Bình định khoảng 4 cây số và cũng gần quốc lộ 19 dẫn về miền Tây nguyên hầu như bỏ hoang. Nhà thờ bị máy bay Pháp thả bom làm sập từ lâu mà Nhà Chung thì không tiền nên chỉ có thể cất lại một căn nhà nhỏ bên cạnh nền nhà thờ cũ, một nửa phía trước dùng làm nơi thờ phượng, một nửa sau để cho cha sở ở. Lần này ngài không còn dạy tôi học mà chỉ sai tôi phụ giúp ngài trong công việc.

Vào thời này, Hội Thánh chưa cho phép dùng ngôn ngữ riêng của mỗi dân tộc mà bắt buộc phải dùng tiếng La tinh trong các nghi thức tế lễ, do đó mỗi khi cử hành thánh lễ, vị linh mục đọc kinh thì chỉ có một mình vị linh mục hiểu. Con chiên có không hiểu cũng không sao vì con chiên chỉ cần kính cẩn nghe vị linh mục đọc là đủ rồi. Để có thể giúp lễ, ngài cũng đã bắt tôi học mấy kinh La tinh theo kiểu đọc thuộc lòng mà không cần hiểu nghĩa. Nhưng cũng vì không hiểu nghĩa mà tinh thần thì đang khủng hoảng nên tôi luôn luôn đối đáp lộn xộn khiến cho ngài cũng không bao giờ dám để cho tôi được cái vinh dự giúp lễ cho ngài.

Đất Trường cửu cũng là vùng đồng ruộng nhưng có giòng sông Côn chảy qua ngay phía sau nhà thờ, phía bờ bên kia lại có nhiều lũy tre xanh chạy dài ven sông nên cảnh trí cũng mang được chút vẻ thơ mộng đối với tôi. Cò trắng tụ tập hàng đàn trên các bụi tre tạo nên một hình ảnh thật êm đềm vào những buổi chiều. Tôi thường ngồi bên bờ sông, nhìn đàn cò trắng bay lượn trên các lùm tre và thả hồn phiêu du. Xa xa mấy cái tháp Chăm đứng chơ vơ trên các ngọn đồi trọc như còn tiếc nhớ một thời oanh liệt. Tôi nhớ lại cái tháp Chăm tôi thấy lần đầu tiên khi ở huyện Phù cát và cảm nghĩ của tôi lúc ấy, tôi thấy mình quả thật đã linh cảm đúng vì từ ấy đến nay tôi thực tình đã mất mát quá nhiều.

Cũng tại khúc sông Côn này, tôi cũng đã có dịp nhìn thấy người ta đánh cá chép. Hình như chỉ có một lần trong năm, vào mùa cá tìm nguồn, người ta giăng dẫy chặn ngang sông và trên dẫy là một cái lưới giăng chùng như cái võng. Vài chiếc ghe từ phía hạ lưu chèo ngược trở lại chỗ đóng dẫy giăng lưới, vừa chèo vừa gõ vào mạn ghe thật ồn ào để cho cá trong sông nghe động sẽ lội ngược về nguồn, lúc đụng phải dẫy cá liền phóng mình lên mặt nước để vượt qua thì rơi ngay vào lưới và bị bắt. Xem người ta đánh cá tôi lại chợt nhớ đến điển tích Cá chép vượt Vũ môn hóa Rồng, nhưng cá chép ở đây chỉ có rơi vào lưới cho người đem về ăn thịt mà thôi. Tôi lại nghĩ đến mình và thấy hình như tôi cũng đã nhảy vào một cái lưới vô hình nào đó của giòng đời đảo điên.

Nhưng rồi cuộc sống chôn chân ở chốn thôn quê hẻo lánh này cũng không yên lành được lâu. Qua nhiều đợt "phóng tay phát động quần chúng" chính quyền cộng sản đã nắm trọn quần chúng trong tay, liền chuẩn bị cho phong trào cải cách ruộng đất. Tại vài vùng nông thôn đã bắt đầu có màn đấu tố địa chủ. Nhà thờ cũng là một đối tượng cần triệt hạ. Kinh tế khó khăn, lại thêm chính quyền địa phương bắt đầu làm khó dễ cha sở trong việc để cho tôi nung nấu nên ngài đành phải gửi tôi sống chung với mấy người vốn là con mồ côi của bà phước ở Kim châu, hiện làm nghề đẩy xe cộ.

Hai anh bạn mới này ngụ trong một căn nhà lá trống trơn dựng tạm trên nền của một dinh thự cũ đã bị đập nát trong khu thành Bình định cũng đã bị san bằng từ thời chính quyền ra lệnh tiêu thổ kháng chiến, nay chỉ còn lưu dấu vài tảng đá ong rải rác đây đó cùng với cái vòng hào bao quanh mà thôi. Họ thường cùng nhau đi tới các chợ, mua các thổ sản địa phương như gạo, đậu từ An Nhơn và Tuy phước chở đầy cộ rồi lại ị ạch kẻ kéo người đẩy, đem ra các huyện phía bắc như

Bồng sơn, Tam quan để bán. Sau đó lại mua các sản phẩm ở Bồng sơn đem về bán ở các chợ phía nam.

Lúc này máy bay tăng cường bắn phá, không những chỉ nhằm vào các trục giao thông mà còn nhằm luôn vào các điểm có đông người tụ tập nên chợ búa chỉ nhóm họp về đêm. Nhìn cảnh những ngọn đèn le lói di chuyển rời rạc trong đêm từ những lùm bụi âm u kéo nhau tập trung về một điểm của những người đi họp chợ đêm, tôi có cảm tưởng như đang nhìn một bầy ma trời đi trẩy hội, hay cũng có thể là một bầy ma Hời đang đi tìm lại ngày xưa.

Tôi chưa bao giờ tưởng tượng có một ngày mình sẽ bước vào cái nghề buôn bán này, cho nên tôi không hề suy nghĩ đến những mảnh lời gian xảo hay những điều so đo tính toán thiệt hơn trong khi giao dịch. Tôi rất ngượng nghịu khi phải nói những điều mà mình chỉ muốn bảo người nghe đừng có dại mà tin theo. Tôi biết mấy người bạn mới này cũng nhận thấy tôi chẳng giúp ích được gì cho họ, thêm vào đấy, tôi cũng chưa hăn lớn đủ sức để có thể kéo hay đẩy chiếc cộ như mọi người nên sau khi theo mấy anh này lặn lội được vài chuyến, tôi tự biết mình không kham nổi đành lẳng lặng bỏ ra đi.

24.- NHỮNG NGÀY LƯU LẠC

Tôi đã tìm về lại đất Bồng sơn, nơi mà cách đây vài năm tôi vẫn tha thiết nhớ mỗi lần phải đi xa, và tôi cũng đã ghé lại nhà ông bà Cả mấy lần. Khu phố cũ nằm trên quốc lộ chính đã bị phế bỏ vì nằm lọt vào giữa khoảng cây cầu lớn và ga xe lửa là hai mục tiêu mà máy bay thường oanh tạc. Để tránh vùng bom đạn, các cửa tiệm buôn bán đã được dời lên khu dốc trên con đường đất đi về Hoài ân. Bà Cả cũng đã dựng lại một gian hàng khác nơi đây và buôn bán giống như cũ. Nhưng cái điều mà tôi muốn tìm lại nơi đây, bây giờ hình như không còn nữa. Cả cô Thủy cũng có vẻ đổi thay, nhất là đổi thay về tư tưởng. Chú Chinh vẫn mến cha tôi như những ngày còn đi Hương đạo, nhưng chú lại quá lệ thuộc vào gia đình nên cũng không thể làm gì giúp cho tôi hơn.

Trong mấy lần ghé lại Bồng sơn này, tôi bỗng nhiên thấy mình hình như có ý tìm xem cô bé Nhi đồng cứu quốc như thế nào rồi nhưng không lần nào tôi gặp cô ta cả. Tôi chỉ tình cờ gặp cha ghẻ của cô ta. Ông ta không nói gì, chỉ nhìn tôi rất lạnh lùng. Tôi cũng hiểu nhờ có ông ta mà gia đình bà Cả và cô Ba vẫn có thể buôn bán bình thường trong thời buổi này, tuy nhiên tôi cũng thấy mình không có chuyện gì cần phải nói với ông ta cả.

Nhớ lại ngày trước cha tôi vẫn hay uống trà Mai hạc nên tôi đã ghé qua xưởng chế biến trà của chú Đặng ở Lại khánh để xin vào làm cốt tìm cho mình một chỗ dung thân. Chú Đặng vẫn tốt và vẫn muốn giúp đỡ tôi, nhưng nhằm lúc chính quyền đang ban hành chính sách đề cao giai cấp công nhân để triệt hạ giới tư sản nên anh chị em công nhân mới là kẻ có quyền quyết định trong việc thuê nhận người làm chứ không phải chủ, do đó mà với cái lý lịch là con của một kẻ bị kết án là phản động, anh chị em công nhân ở đây đã từ chối thuê nhận tôi vào trong hàng ngũ của họ.

Tôi lại ra Tam quan, tìm đến xưởng vắn thuốc điều của chú Đức. Chú bảo tôi chờ ít hôm để chú cố gắng thuyết phục anh chị em công nhân cho tôi vào làm. Cuối cùng chú cũng đành ngậm ngùi cho biết chú không thể làm gì hơn được. Chú cũng đã bị công an bắt đi bắt lại mấy lần nên thím cũng rất e ngại khi thấy chú liên hệ với tôi nhiều. Còn anh chị em công nhân thì lại đang tỏ ra không hề biết khoan nhượng với bất cứ kẻ thù nào. Tuy nhiên chú Đức cũng có hứa sẽ cố gắng tìm cho tôi một công việc ở nơi khác.

Tôi đã lang thang khắp nơi, ghé lại những nơi quen biết cũ để mong tìm một nơi có thể cho mình tá túc. Nhưng cứ mỗi lần tôi ghé lại bất cứ nhà quen ở địa phương nào được vài hôm thì chủ nhà liền bị công an địa phương đó kêu tới hỏi han, làm khó dễ, khiến cho chủ nhà sau đó cũng đã tìm cách này hay cách khác nói cho tôi hiểu là họ không có thể giúp đỡ gì cho tôi được. Thế là với cái túi nhỏ đeo vai đựng vài bộ quần áo vải ta đã cũ, đôi dép vỏ xe đã vệt gót từ những ngày đi đây cộ, tôi lại tiếp tục đi, không cần biết hôm nay mình ăn gì và ngủ ở đâu.

Kể ra vào những ngày này, nhu cầu của con người cũng chỉ xoay quanh cái ăn mà thôi, và cái ăn cũng thật là đơn giản vì con người chỉ cần no chứ không dám cần ngon. Vài củ khoai hay cái bánh trắng và gáo nước lạnh cũng đủ cho con người sống qua ngày rồi. Cũng hay là tại xứ Bình định, hầu như nhà nào cũng có vò nước lạnh đặt kế hiên nhà với cái gáo dừa máng bên cạnh. Đi đường lỡ có khát nước chỉ cần ghé vào một nhà nào đó, xin chủ nhà một tiếng rồi lấy gáo múc nước nốc ừng ực một hơi là xong ngay.

Những ngày lang thang vô định, tôi lại càng nhận ra một điều : Trời vẫn trong xanh, nắng vẫn đẹp, hoàng hôn vẫn thật êm đềm và những đêm trăng sáng vẫn mơ màng. Chỉ có những công trình do con người tạo ra nhằm phục vụ con người và lưu lại lâu dài thì lại bị chính con người đem ra hủy hoại và con người thì đổi thay. Nụ cười giờ đây trở nên khan hiếm, còn ánh mắt nếu không thờ ơ thì cũng có vẻ nghi ngờ hay sợ sệt. Ngay trên mảnh đất Gò xoài, nơi tôi đã tưởng mình có thể dung thân, tôi cũng không thể về đó được vì chỉ gây liên lụy cho mấy chú bác ở đó mà thôi.

Tôi nhớ đến mấy câu thơ của Vũ Hoàng Chương mà tôi đã đọc: "Lũ chúng ta đầu thai nhằm thế kỷ..." và tôi bỗng cảm thấy hình như mình cũng đã đầu thai nhằm thế kỷ chứ không riêng gì nhà thơ. Nhưng còn cái chuyện "bị quê hương ruộng bỏ giống nòi khinh..." của nhà thi sĩ như thế nào thì tôi không hiểu chứ riêng tôi trong cuộc sống hiện tại thì đúng là đang ở trong cái cảnh "bị quê hương ruộng bỏ giống nòi khinh..." Quê hương chỗ nào cũng chỉ là quê hương tạm bợ, và giống nòi thì hình như đang bị lũ ma Hời ám ảnh lao vào một cơn mê.

Cũng trong những ngày lang thang như thế này, tôi có lần đi qua Thành sơn, nơi chú Thụ ở nên đánh liều ghé thăm chú một lúc. Chú cũng đã từng bị công an bắt để điều tra mấy lần và bây giờ không còn được dạy học trò nữa. Gặp tôi chú vẫn tếu. Tôi chưa kịp hỏi thăm chú bây giờ làm nghề gì thì chú đã bảo chú quá chán cái nghề "gỗ đầu thiên hạ lấy tiền" rồi nên vừa đổi qua nghề mới hợp thời đại hơn, đó là nghề "cạo đầu thiên hạ lấy tiền." Thì ra cái nghề hót tóc chú đang làm cũng là một nghề oai phong lắm chứ.

Thấy chú trở thành một anh thợ hót tóc còn thím ngồi trước cửa nhà bày mớ khoai mì luộc trên cái mẹt bán cho khách qua đường, tôi chạnh nhớ lại lời cha tôi kể về chú khi giới thiệu với bạn bè khác. Ngày xưa ông cụ thân sinh của chú đã từng làm quan đến chức Tuần vũ, tức là ngang hàng với chức Tổng đốc. Thím Thụ không phải là người Việt mà vốn là một quận chúa của xứ Lào. Cách mạng và chiến tranh trên quê chồng đã cắt đứt đường về để cho thím được dịp cùng chồng nếm mùi gian khổ.

Không biết có phải vì lấy cái tếu của chú Thụ hay không mà tôi cũng đã bắt chước giọng khẩu khí trong những vần thơ cổ để làm nhằm thành hai câu thơ an ủi mình:

Lưng đeo sự nghiệp sồn vai áo
Gót trái giang hồ dép sút quai.

Kể ra thì tôi cũng còn ngông nghênh lắm. Cũng do mê mải về những điều ngông nghênh này để tự mình an ủi mình mà có một lần tôi đang đi bộ qua đèo Nhông thì lọt tởm xuống một cái hố dùng để ngăn giặc đào giữa đường vừa lúc nghe có tiếng máy bay khu trục sà trên đầu. Thế là tôi nằm yên luôn dưới hố để núp. Trải qua bảy, tám năm kháng chiến, người dân sống ở vùng Việt minh chỉ nghe tiếng máy bay cũng có thể phân biệt đó là loại máy bay oanh kích hay chỉ là máy bay vận tải để biết mình cần xuống hầm trú ẩn hay không. Tôi nghe có một loạt súng từ trên máy bay bắn xuống rất gần. Lúc máy bay đã đi khỏi, tôi nhồm dậy leo lên đường. Vừa mới đi qua khỏi ụ đất chướng ngại vật, tôi nhìn thấy một người đàn ông đang nằm gục trên vũng máu giữa đường, chiếc xe đạp nằm lăn lóc bên cạnh. Tôi chỉ biết lặng lẽ cúi đầu trước những rủi may của định mệnh.

25.- LẠI TRỞ VỀ XÓM ĐẠO

Sau mấy tháng đi lang thang phiêu bạt như thế, tôi gặp lại chú Đức thì chú cho biết đã xin được với anh Bảy làm nghề hót tóc ở gần ga Tam quan, cho tôi theo học nghề. Anh Bảy vốn là thanh niên Nam bộ kháng chiến cũ, theo bộ đội chiến đấu và trở thành thương binh. Giải ngũ ra, anh đến đất Tam quan này lấy vợ và sống ở đây. Nghe chú Đức nói anh Bảy là Liên gia trưởng trong khu phố tôi cũng dè dặt lắm, nhưng sống gần anh Bảy rồi tôi mới thấy anh là một người tốt, và chính vì bản chất tốt nên anh mới không câu chấp về lý lịch và dám để cho tôi theo học nghề, nhờ đó tôi mới có thể ổn định lại cuộc sống.

Tôi trở về họ đạo Gò xoài ở ké với anh Hai Lung, người nấu bếp cho cha tôi trước đây, tại căn nhà của dượng Chín bỏ không từ ngày dượng Chín bỏ trốn về thành cùng một chuyến với chú Cọp. Vì anh Hai Lung có dị tật nên chẳng có vợ con, sống một mình nơi chái bếp. Gian nhà trên thì cô Chín cho đám Hoa kiều địa phương mượn làm lớp học dạy chữ Tàu, còn dư một phòng trống, tôi chiếm làm gian san cho mình. Tuy anh ta là công giáo, trước kia cũng đã từng theo giúp việc cho một vài vị linh mục, nhưng tâm hồn quá chất phác, vừa muốn tin Chúa để khi chết được vào nước Thiên đàng, vừa muốn phấn đấu để thấy giai cấp bản cổ của mình vươn lên trên cõi đời này, do đó mà anh đã vô tình bị công an mua chuộc để theo dõi báo cáo tình hình những người trong họ đạo cho chính quyền.

Nhờ đã biết rõ bản chất của anh Hai Lung nên khi tìm về ở chung với anh ta, tôi thấy mình đã khám phá ra một nơi ẩn thân tốt. Công an đã có người tin cẩn canh chừng tôi rồi thì tôi cũng không còn bị công an làm khó dễ. Cuộc đời lại trôi qua một cách bình lặng, nhưng những ngày vui thì không còn. Mỗi ngày tôi đi bộ vào Tam quan học nghề và ăn cơm với anh chị Bảy. Chiều đến tôi về lại Gò xoài, chuyện trò với vớ vẩn dăm ba câu vô thưởng vô phạt với anh Hai Lung rồi đi ngủ. Nhớ đến chú Thụ, tôi buồn cười thấy mình không ngờ cũng đã nổi kíp gót chú trong cuộc phấn đấu để trở thành con người mới trong xã hội.

Tôi không biết mình còn mơ ước gì không trong cuộc sống gần như không còn gì là hứng thú này nhưng hình như tôi vẫn không bao giờ nghĩ mình sẽ mãi mãi là một anh thợ hót tóc. Do đó mà sau vài tháng thực tập, bắt đầu biết múa may dao kéo trên đầu khách mà không còn sợ gây thương tích cho khách, tôi xin ra nghề. Dầu sao thì trong vô số những câu châm ngôn mà tôi học được từ ngày sống dưới chế độ được gọi là cách mạng, tôi vẫn thấy chỉ có mỗi một câu quyền rũ tôi nhất, đó là câu : "Không có gì quý hơn Độc lập Tự do" hiểu theo ý riêng của tôi.

Tuy chưa muốn cho tôi ra nghề vội vì sợ tôi làm mất tiếng một sư phụ vốn nổi danh thợ khéo vùng này, nhưng thấy tôi nài nỉ mãi, Anh Bảy đành giúp cho tôi bộ đồ nghề gồm một cái tông đơ cũ đã mài không biết mấy trăm lần rồi, một cái kéo rên, một cây lược, một con dao cạo cũng đã mòn vẹt hằn phân nửa, và một tấm gương soi lớn bằng hai bàn tay. Tôi về ngay căn nhà tôi ở, lấy than kẻ hai chữ "Hót tóc" lên tường phía hiên nhà day mặt ra đường, máng cái gương soi lên vách, đặt thêm chiếc ghế gỗ rồi thản nhiên ngồi chờ khách.

Thật tình mà nói, với cái bộ mặt non choẹt của tôi lúc bấy giờ chắc cũng khó có ai dám đưa đầu cho tôi dợt tay nghề. Nhưng rồi vẫn có người đến cho tôi cắt tóc, dù rằng họ có thể đến tiệm khác gần đó mà họ từng quen hót tóc lâu nay, và biết là thợ quen hót vẫn đẹp hơn. Chính vì thế mà tôi thầm hiểu rằng, họ chính là những con người có lòng, và cho dù cuộc đời có điên đảo, tình thương vẫn chưa phải là đã chết hẳn nơi con người.

Anh Hai Lung đúng là thành phần trên rừng, dưới bể", suốt đời chỉ có đi làm thuê làm mướn cho người khác kiếm cơm ăn và chút đỉnh tiền công. Gặp lúc dăm ba ngày không ai thuê mướn làm công việc gì là đói. Tuy thế mỗi khi đi soi nôm hay đi lưới được chút đỉnh cá về kho nấu, anh ta vẫn để phần cho tôi. Tấm lòng anh vẫn ngay lành. Lẽ ra anh ta phải được sống trong một xã hội yên lành và có tình thương chứ không phải một xã hội chỉ muốn tập cho anh ta tính căm thù. Tôi thương anh ta cô đơn và vất vả, do đó tôi lại càng lấy làm khổ tâm mỗi lần nghe anh ta lên lớp cho tôi về "Cách mạng".

Tôi thêm đọc sách lắm nhưng các loại sách cũ đều bị cấm, còn sách mới chỉ toàn là thơ văn cổ võ cho đấu tranh giai cấp, khô khan và giả tạo, tôi chẳng ham đọc tí nào. Nhưng rồi tôi cũng có được cách tiêu khiển mới, vừa tao nhã mà cũng vừa bổ ích. Thì giờ rảnh rỗi, tôi lại cửa sổ nhìn vào lớp học và học lóm tiếng Quan hỏa. Học tiếng Anh hay tiếng Pháp vào lúc này có thể bị lên án là có ý đồ làm tay sai cho thực dân đế quốc, nhưng học tiếng Tàu thì hình như lại được coi là một biểu lộ của ý thức tiến bộ. Thế là tôi cũng nhìn lên hàng chữ Tàu trên bảng và nhắm đọc theo đám học sinh nhỏ: "Wò mư-ân sứ Chu-ung quả jư-ân" (chúng ta là người Trung quốc). Tám mươi năm qua, lớp cha anh của tôi cũng đã từng tụng ra rả: "Les Gaulois sont nos ancêtres" (người Gô loa là tổ tiên của chúng ta) để rồi sau đó cầm súng đánh Tây giành độc lập thì bây giờ đây tôi có đọc vụn lụn câu "Wò mư-ân sứ Chu-ung quả jư-ân", chắc chắn tôi vẫn không bao giờ quên những anh hùng như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi và Nguyễn Huệ của đất nước tôi.

Nhìn đám học sinh Hoa kiều nói tiếng Việt rành hơn tiếng Hoa và bây giờ đang học tiếng Hoa để thấy mình là Tàu, tôi lại càng thêm thấy mình xa xót cho thân phận của người dân một nước nhược tiểu. Dân Hoa kiều ở trên đất nước này vẫn cứ được biệt đãi suốt từ đầu cuộc kháng chiến đến giờ. Ngày nào họ rầm rộ tổ chức ăn mừng chiến thắng của Trung hoa cùng Đồng minh đánh đuổi được phát xít Nhật. Rồi họ sơn cờ Tưởng để nhà cửa không bị phá khi có lệnh tiêu thổ kháng chiến. Đến khi Mao thắng Tưởng, họ sơn lại màu cờ đỏ với 5 ngôi sao vàng lấp lên trên lá cờ cũ và tiếp tục hưởng những đặc ân dành cho người anh em vĩ đại vì họ không hề phải đi dân công hay bộ đội. Trên xứ sở của các vị anh hùng Lê Lợi, Quang Trung, giòng dõi của quân Minh và quân Thanh vẫn ung dung sống bằng cái nghề buôn bán, một cái nghề được coi là mang tính bóc lột, trong khi đó con cháu của các bậc anh hùng dân tộc thì lại đang bồi mặt chém giết nhau để noi gương cách mạng Trung quốc.

26.- GIÓ ĐÃ XOAY CHIỀU

Chiến dịch Tổng phản công đề ra từ lâu nay đang thực sự bước vào giai đoạn quyết định. Tình hình chiến sự đang sôi động. Ngoài Bắc có chiến dịch Điện biên phủ. Tại Liên khu 5 có chiến dịch Tây Nguyên nhằm đánh vào hai tỉnh Pleiku và Kontum. Dân chúng từ 16 tuổi trở lên phải đi dân công, tức là đi gánh gạo, khiêng đạn tiếp tế cho chiến trường, và lo tải thương binh. Người dân công phải băng rừng lội suối đi bộ hàng trăm cây số xa nhà để đến gần chiến trường. Mấy anh chị lớn hơn tôi vài tuổi có người cũng đã phải đi dân công, mỗi đợt có khi cả vài ba tháng mới về.

Thóc gạo trong nhân dân bị vơ vét bằng đủ mọi cách để dành nuôi chiến trường. Cả chiếu lác cũng được thu gom để cung cấp cho chiến trường bọc thây tử sĩ vì không còn đủ hòm gỗ để dùng. "Nhất tướng công thành vạn cốt khô", cổ nhân cũng đã từng dạy như thế. Con người thực tại phải hy sinh để phục vụ cho những ý tưởng về một con người không tưởng. Hiện tượng đói đã bắt đầu xảy ra. Tôi đã thấy có những người đi mua xác dừ, loại bã cơm dừ đã được vắt hết chất béo làm dầu, thường chỉ để nuôi heo, đem về ăn thay cơm. Tôi nhớ lại hình ảnh những đoàn người rách rưới, da bọc xương của thời 45 và không ngờ sau 9 năm gọi là Cách mạng, biết bao nhiêu là thiện chí, nỗ lực hy sinh và xương máu đã đổ ra trên đất nước này để mưu cầu ấm no hạnh phúc cho mọi người thì mọi người lại chỉ càng ngày càng đói rách nhiều thêm.

Tôi không biết nếu một ngày nào đó đến lượt tôi cũng phải đi dân công, liệu rằng tôi có đủ sức chịu đựng cho qua cơn gian khổ để trở về đây hay không. Những ngày sống tại vùng Kim châu tôi cũng đã có vài lần lên cơn sốt rét rồi. Tôi thấy mình không còn ham bầu vú gì nữa ở miền đất mà tôi đã chứng kiến có quá nhiều người chết vì chiến tranh và vì bệnh tật. Tôi chạnh nhớ lại mẹ tôi và cũng không còn dám mơ ước một ngày mai nào cả. Nhiều người quanh tôi cũng đang sống như những cái bóng mờ, càng mờ càng tốt. Những đêm trắng sáng rộn ràng tiếng đàn tiếng hát những bản Tình ca đã chìm vào quá khứ để giờ đây chỉ còn nghe tiếng gào cổ vũ của đám văn công:

"...Bần nông, trung nông, cố nông mình ơi!
Anh em mình ơi!
Ruộng quê nhà ai cấy ai cày
Ngoài biên cương ai đánh thằng Tây
Ai dân công tải đạn chiến trường
Ai tải thương đường xa núi rừng..."

Có lẽ chỉ có những người đang tin vào con đường đấu tranh giai cấp của cộng sản là đúng mới có thể vẫn còn miệt mài phấn đấu và hy sinh.

Tin tức về chiến sự càng ngày càng sôi động và tin về một cuộc hoà hội ở Genève làm cho mấy chú bác trong họ đạo thăm thì bàn tán. Đối với những người đang bị cộng sản khống chế thì tin chiến thắng của cộng sản trên các chiến trường có làm cho nhiều người thêm lo lắng, thì tin về cuộc hoà đàm cũng đem lại cho những người đang đau khổ vì chiến tranh một chút hy vọng. Nhưng tin về chiến thắng thì có vẻ dòn dập, còn tin về hoà hội thì lại rất mù mờ nên cũng không ai dám tiên đoán về tương lai của mình sẽ như thế nào.

Rồi tin chiến thắng Điện biên phủ như một sự kiện lịch sử vĩ đại được loan ra khắp mọi nơi. Người cộng sản hân hoan reo mừng và người bị cộng sản khống chế thêm lo lắng. Riêng tại mặt trận Tây Nguyên Liên khu 5, quân đội Pháp cũng đã phải rút lui và bị quân đội Việt minh phục kích tiêu diệt. Quân đội Việt minh thu được vô số chiến lợi phẩm đem về đồng bằng triển lãm cho dân chúng xem. Lần đầu tiên trong đời tôi được tận mắt nhìn thấy những chiếc xe GMC và xe Jeep, với hàng số và cờ tam tài ở hai đầu cản xe bị bôi đi và thay vào là những cái vòng nền đỏ với ngôi sao vàng

to tướng mới sơn ở hai bên hông xe. Tôi cũng được nhìn thấy những khẩu pháo 105 ly mà ngày nào tôi lên chơi vùng An thái vẫn thường được nghe những tiếng nổ từ phía đèo An Khê vọng về hằng đêm.

Như mọi người dân Việt nam yêu nước bình thường, tôi cũng cảm thấy hãnh diện khi nhìn thấy chiến công của người Việt, tuy nhiên tôi cũng không khỏi đau lòng khi nhận thức ra rằng, qua suốt 9 năm trường kỳ gian khổ, không biết bao nhiêu xương máu của người dân Việt đã đổ ra, rồi cuộc cũng lại chỉ để thu về những phương tiện chiến tranh này trong tay người cộng sản, một nhóm người mượn tiếng Tổ quốc và Dân tộc để lợi dụng nhân dân phục vụ cho những mưu đồ không tưởng của mình.

Rồi tin hiệp định Genève được ký kết và lệnh đình chiến được ban hành. Mọi người dân đều được học tập để thông suốt đường lối của Đảng và Nhà nước và biết được nhiệm vụ của mình trong giai đoạn sắp tới. Lãnh thổ Việt nam sẽ tạm thời chia làm hai vùng tập kết lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới. Miền Nam sẽ tạm thời giao cho quân đội Liên hiệp Pháp và chính phủ Bảo Đại duy trì công tác trị an chờ hai năm sau sẽ hiệp thương tổ chức Tổng tuyển cử tái thống nhất đất nước. Bộ đội nhân dân Liên khu 5 sẽ rút ra bắc theo lịch trình đã được đôi bên thỏa thuận. Đồng bào ở lại cứ yên tâm làm ăn nhưng không được có hành động tiếp tay cho Pháp làm phương hại đến công việc thống nhất Tổ quốc về sau.

Tuy học tập thì như thế nhưng trong dân chúng thì cũng đã có nhiều người bắt đầu bàn tán với nhau về một chính quyền khác, cũng như về một tương lai không giống với những điều họ đã học tập. Sau đó là có sự nói lỏng trong việc kiểm soát sinh hoạt của dân chúng. Mấy chú bác bị cầm tù trong vụ án chính trị với cha tôi trước đây lần lượt được thả về. Các bà con hân hoan đón rước người thân của mình trở về sum họp. Riêng tôi cảm thấy mình buồn vô hạn vì không còn ai để trông đón.

Một hôm rong chơi vào Tam quan thăm anh Bảy, tôi tình cờ gặp chú Chinh đang đạp xe trên quốc lộ. Chú mừng rỡ dừng lại hỏi han tôi về cuộc sống trong thời gian qua và hỏi tôi nay hòa bình rồi có dự định về đâu không. Tôi cũng chưa biết tôi sẽ về đâu vì quê hương tôi không có mà thân thuộc của tôi cũng không biết đâu mà tìm. Nhưng tôi có nói là tôi sẽ không ở lại Bình định. Chú Chinh cũng cho tôi biết gia đình chú và ông bà Cả sẽ ở lại vùng đất này, tuy nhiên gia đình cô Ba, cô Thùy, chú U'ít, cô Chút và luôn cả cô bé thuộc dòng họ nhà vua sẽ đi tập kết ra Bắc. Tôi nhớ lại lời chú Chinh vẫn thường hay nói đùa với tôi ngày nào và chợt cảm thấy hình như vừa mới có một lỗ hổng nào đó trong tâm hồn của mình, đồng thời nhận ra mình không còn nhỏ dại.

27.- RỜI CŨNG ĐẾN NGÀY GIÃ TỪ

Trong họ đạo tôi ở, các chú bác mới được thả về cũng như một số người thuộc diện bị công an tình nghi cứ vắng dần đầu mắt. Thì ra lợi dụng lúc giao thời, sự kiểm soát việc đi lại có phần lỏng lẻo, do đó những người này muốn được an toàn nên đều lo trốn trước về vùng quốc gia. Tôi còn đang nghĩ phương cách đi khỏi nơi đây thì một buổi chiều bác Ba, người lâu nay vẫn thường tỏ ra như không hề lo lắng một chuyện gì, đến tìm tôi và bảo tôi hãy lo chuẩn bị ngay để khuya nay bác gửi cho đi theo mấy người sắp vượt tuyến về Đà Nẵng.

Tối hôm đó tôi âm thầm gói ghém một bộ đồ, lựa ra vài giấy tờ hộ tịch và quyền sở hữu của cha tôi ghi chép lúc trong tù để đem theo. Tôi gom bộ đồ nghề hớt tóc và hai cái hộp nhỏ bằng bạc chạm, kỷ vật của mẹ tôi, bỏ tất cả vào cái tráp bằng gỗ gụ của cha tôi, tìm đến giao cho em tôi và bảo hãy cố giữ lại làm kỷ niệm, xong trở về chỗ ở nằm đợi.

Gà vừa gáy sáng thì anh Hai, con của bác Ba, đến ra hiệu cho tôi đi theo. Anh Hai đưa tôi vào ga Tam quan mua cho tôi một cái vé xe đi Quảng Ngãi, dẫn tôi tìm gặp mấy người sẽ cùng đi chung để giới thiệu cho tôi biết rồi lặng lẽ quay về. Tôi muốn nói với anh Hai một vài lời nào đó nhưng anh đã lẫn vào đám đông khuất dạng.

Lúc chuyến ô tô ray từ Bồng sơn ra vừa dừng lại, tôi tình cờ gặp họa sĩ Sung bước xuống xe. Ông ta vui vẻ vỗ vai tôi để tạm biệt vì ông ta cho biết sẽ theo tập kết trở về Hà nội nên muốn thăm lại bà con họ Gò xoài trước khi lên đường. Tôi không nhớ tôi có nói "tạm biệt" với ông ta không, vì tôi đang vội vã theo mấy anh bạn đồng hành leo lên xe cho kịp vì xe đã bắt đầu chuyển bánh.

Vì đã có lệnh đình chiến nên xe di chuyển tự nhiên ban ngày, không còn sợ máy bay đánh phá. Trời bỗng nhiên chuyển mưa bay. Tôi ngồi thu mình trong toa xe nhỏ hẹp của chuyến xe chật cứng người. Khi xe chạy tới cầu Chương hòa thì vì mưa làm ướt trơn đường sắt, chiếc xe cứ trượt bánh không leo nổi con dốc. Từ khi chiếc cầu bê tông bị thả bom sập, ngành hỏa xa đã phải cho xẻ nền đường cao cho lồi lồi gần với tầm mực nước sông rồi dùng tà vẹt kê làm chân cầu, thả lên mấy lớp đường ray làm đà rồi bắt đường ray cho xe chạy nên xe lửa không còn lưu thông được mà chỉ có loại toa xe nhỏ và nhẹ có gắn thêm máy nổ xe hơi chạy bằng khí than mà người ta đặt tên cho là ô tô ray mới có thể đi qua mà thôi.

Mấy nhân viên hỏa xa xuống xe vốc cát rải lên mặt đường sắt cho bớt trơn trượt. Một số hành khách cũng xuống tiếp tay. Thừa dịp này, tôi cũng hướng mình qua khung cửa xe để nhìn kỹ lại con sông nhỏ lần cuối, nơi đây, dưới những đà bê tông của cây cầu đổ nát, tôi cũng đã nhiều lần theo các bạn nhỏ trong xóm ra chơi, tắm lội hoặc câu cá, những con cá măng, cá ngạnh thịt ngọt thơm lành. Tôi lại đưa mắt nhìn về xóm làng phía tây, nơi mà những ngày qua tôi đã sống với những mơ ước thật tầm thường...

Tôi chợt nghĩ đến người em gái vẫn còn ở đó. Tôi lại nhận ra thêm một điều là từ ngày vào ở đất Bình định này anh em tôi ít có dịp sống gần nhau và ít có khi cùng nhau chuyện trò trao đổi. Tôi không biết em tôi có bao giờ mang những mơ ước gì trên vùng đất này không, nhưng có một điều chắc chắn là em tôi cũng như tôi đã phải chịu quá nhiều mất mát và có rất nhiều kỷ niệm buồn trên vùng đất Bình Định này. Tuy nhiên tôi biết rồi đây em tôi cũng không phải ở đó mãi mãi.

Sau khi rải cát xong, mọi người lên xe trở lại. Qua vài cái rùng mình rồi chiếc xe cũng lăn bánh và chậm chạp bò lên dốc. Lúc xe chạy tới đèo Bình đề, ranh giới phía bắc của tỉnh Bình định, tôi cố nhòai người nhìn lại phía sau một lần nữa. Xa xa về phía nam, khuất trong mưa mờ, là vùng đồi đá ong Thiết đỉnh, nơi đó mẹ tôi đã nằm lại vĩnh viễn với một nỗi nhớ nhung về quê hương xa

cách nghìn trùng. Xa hơn nữa, cách trở hai ngọn đèo Phủ cũ và ngọn đèo Nhông, trên ngọn đồi cát hoang vu trơ trọi, cha tôi cùng hai người bạn cùng chí hướng cũng đã nằm yên ở đó với vết thương trên ngực không bao giờ lành chỉ vì mang trong lòng mối hoài bão xây dựng một quê hương thanh bình an vui trên một vùng đất vẫn còn mang nhiều vết tích hờn oan của một vương quốc đã bị diệt vong.

Tàu sắp chui vào đường hầm. Sức nhớ lại cũng chính tại cửa hầm này, chú Mùi đã ngã gục trên đường đi về Gò xoài tìm chút tình ấm cho những ngày lạc lõng tha hương, tôi nhắm mắt lại, khẽ thì thầm hai tiếng "Giã từ." Tôi giã từ chú Mùi, nhưng chính thực ra là tôi cũng đang giã từ Bình định.

Tôi đã sống mười năm ở đất Bình định này vừa đúng trọn chu kỳ của một cuộc chiến tranh chưa hẳn là chấm dứt. Bây giờ mới lấp ló một tí thanh bình trở về thì tôi lại đang giã từ vùng đất đã nuôi dưỡng tôi từ thơ ấu đến hôm nay. Mười năm qua mảnh đất này đã chứng kiến bao nhiêu là mất mát và đau khổ của riêng tôi, nhưng đồng thời cũng đã mang lại cho tôi nhiều kỷ niệm. Nhưng bây giờ thì tôi đang bỏ đi xa. Tôi không biết rồi đây tôi có bao giờ sẽ trở lại vùng đất này nữa hay không. Nhớ lại các nơi tôi đã một lần sống qua, tôi chưa bao giờ trở lại. Tôi không suy nghĩ gì thêm nữa. Khi tôi mở mắt ra lại thì tàu đã qua khỏi đường hầm và một khung trời mới có ánh nắng đang mở ra trước mặt.

Lẽ ra qua mười năm từng đến nhiều địa phương và sống ở nhiều vùng khác nhau của tỉnh Bình định, tôi phải thấy được nhiều cái hay cái đẹp của xứ sở này, nhưng trong ký ức của tôi lại chỉ toàn là hình ảnh Bình định của một thời loạn lạc và lòng người thì ly tán, một Bình định đang trên con đường hủy hoại trong một giai đoạn quay cuồng của một cuộc chiến tranh trường kỳ và tàn bạo. Niềm vui quá ít mà nỗi buồn thì quá nhiều đã khiến cho nỗi buồn chi phối hầu hết mọi điều tôi nhìn thấy.

Trong số những người Bình định mà tôi đã gặp, có những người thương cha tôi và anh em tôi nhưng cũng có người tin rằng cha tôi là Việt gian phản động. Tôi cho rằng thực ra người Bình định cũng hiền hòa và biết yêu thương con người như tất cả mọi người lành trên thế gian này. Nếu trong thời gian qua họ có xâu xé nhau thì chẳng qua chỉ tại họ đang bị đám ma Hời ám ảnh vào một cơn mê để đày đoạ nhau mà thôi. Tôi nghĩ lại bài học lịch sử ngay trên quê hương này để thấy lòng mình được thanh thản. Trải qua hơn 150 năm dưới triều nhà Nguyễn, triều Tây sơn đã bị lên án là ngụy triều. Bây giờ thì người ta lại hạch tội triều Nguyễn và ca tụng vua Quang Trung như một vị anh hùng làm vẻ vang cho dân tộc.

Thời chúa Nguyễn vào đây lánh nạn họ Trịnh, khởi màn cho một cuộc Nam tiến xâm lấn vùng đất này và xua đuổi người Chiêm thành đi, thì từ đó người dân Việt từ những miền ngoài rủ nhau vào đây lập nghiệp đã biến mảnh đất này thành quê hương của mình. Họ đã đặt những cái tên thật đẹp để gọi nó và qua bao đời đã đổ mồ hôi nước mắt và có khi cả máu nữa để gìn giữ và tô điểm thêm cho những cái tên đẹp để ấy.

Thời gian qua cũng đã có thêm nhiều người từ những miền xa lạ đổ về đây để tìm một chốn nương thân trong những ngày loạn lạc và họ cũng đã đóng góp sức mình để xây dựng mảnh đất này. Họ cũng muốn thấy mảnh đất này thanh bình và no ấm nhưng mảnh đất này cũng lại bị đem ra hủy hoại, không phải chỉ bằng bàn tay của giặc ngoài mà chính bằng bàn tay của một số người Việt nam tự cho mình là người yêu nước và có độc quyền yêu nước. Tôi tưởng tượng không biết có phải đây cũng là chút ân oán của tổ tiên xưa đã gây ra đối với người Chiêm thành hay không, nhưng tôi mong mỗi mảnh đất này sẽ được yên vui trở lại.

28.- THEO GIÒNG THỜI GIAN

Tôi có trở về Bình định vài lần sau này, nhưng chỉ là về để thăm mộ cha mẹ tôi. Tôi đã gặp lại nhiều người quen biết cũ. Tất cả đều vui mừng khi thấy tôi đã khôn lớn. Tôi đã thấy thành phố Quy Nhơn và các thị trấn được xây dựng mới lại trên những hoang tàn đổ nát vừa qua. Tôi cũng đã nhìn thấy ngôi mộ của cha tôi và hai ông Nguyễn và Võ được chính quyền mới cho xây cất lại hàng hoàng ngay tại chỗ pháp trường xưa. Chế độ mới cũng đã có lần làm lễ truy điệu tại chỗ. Tôi nghĩ rằng trong số những người dân tham dự lễ truy điệu hôm đó, có lẽ cũng có cả những người trước đây vài năm cũng đã từng đứng tại nơi đây để hô thật to câu: "Đả đảo Việt gian phản động" nhưng bây giờ thì lại đang cúi đầu im lặng để tưởng niệm những con người đã hy sinh vì lý tưởng.

Nhưng cũng chỉ được có vài năm thanh bình mong manh rồi chiến sự lại xảy ra. Cuộc chiến đấu chống ngoại xâm vừa qua tuy là đã chấm dứt vì người Pháp đã ra đi nhưng vết nứt rạn của tình dân tộc thì lại càng thêm sâu sắc và lòng người càng thêm phân hóa. Những người đã từng bị cộng sản khống chế không muốn một lần nữa lại phải sống dưới ách độc tài của những con người đang vong thân vì những lý tưởng không tưởng. Họ đã cầm súng để bảo vệ cho nền Tự do mà họ vừa mới có. Những con người cộng sản cũng đang trở lại tìm cách tiêu diệt những người không chấp nhận đường lối của mình. Máu lại đổ và những công trình xây dựng của con người để phục vụ cho con người lại bị hủy hoại. Vết thương vừa kéo da non lại thêm một lần lở loét. Các vùng cha mẹ tôi yên nghỉ đều trở thành vùng chiến trận nên tôi cũng không còn có thể trở lại.

Trên vùng đất đau khổ này vẫn chưa hết đau khổ. Bạn bè tôi bây giờ là những kẻ trưởng thành và có nhiều người đang cùng cha anh lao mình vào cuộc chiến đấu mới để bảo vệ cho niềm tin của mình. Lần này thì sự hủy diệt lại còn tàn bạo hơn và dai dẳng hơn. Tôi không còn ở Bình định để chứng kiến thêm một lần nữa cảnh điêu linh của xứ sở này, tuy rằng thỉnh thoảng tôi vẫn nhận được tin một vài bạn bè ngày xưa nay đã gục ngã. Tôi ở một phương trời khác cũng đang gắn mình vào guồng máy đang quay. Tôi chỉ biết nhớ họ qua một thoáng, hồi tưởng một vài kỷ niệm xa xưa, và cầu xin cho họ được yên nghỉ trong niềm thanh thoát bên kia cuộc đời. Tôi hiểu rằng qua hai thời kỳ chinh chiến và đấu tranh cho niềm tin của mình, có rất nhiều người Bình định cũng đã chịu những đau khổ và mất mát không khác gì tôi. Tự nhiên tôi thấy mình có phần gắn liền với những vui buồn chung của mảnh đất này.

Rồi chiến tranh cũng kết thúc một cách thật bất ngờ mà kẻ thắng không hẳn là kẻ đã nắm phần lẽ phải. Máu không còn đổ nhưng nước mắt lại tuôn trào vì những cảnh chia ly, tan nát, tù đầy. Người Bình định cũng mang chung niềm đau của cả nước. Bà con bạn bè ở đây cũng lần lượt bỏ xứ ra đi. Tôi đã gặp họ ở bốn phương trời và bây giờ thì họ cũng như tôi, đang mang nặng một nỗi nhớ nhưng về một quê hương không còn nữa.

Người ở lại thì cũng có thể là những người không có cách ra đi đành bám lấy mảnh đất thương đau để mà sống và đợi chờ. Cũng có thể họ là những người vẫn tin tưởng vào con đường tranh đấu mà họ đã chọn và đang còn theo đuổi là con đường duy nhất phải theo để cứ mãi mãi thù ghét những người không đồng quan điểm và tiếp tục đưa xứ sở vào con đường tan rã. Thực ra thì dù cho họ là ai đi nữa, một khi đã sống trên mảnh đất này, họ đều có chung một ước muốn: nhìn thấy con người hạnh phúc và nhìn thấy quê hương thanh bình. Từ bao nhiêu năm nay, cái ước muốn chung ấy đã bị một nhóm người cuồng vọng diễn dịch theo cái chủ quan hạn hẹp của mình rồi đem áp đặt quan niệm đó lên những người khác đã khiến cho đất nước bị tan nát và con người bị chà đạp. Và điều ấy vẫn đang còn tiếp diễn.

Tôi không phải người Bình định, nhưng mười năm tuổi thơ và tuổi niên thiếu của tôi đã trôi qua trên vùng đất này và để lại trong tâm hồn tôi những dấu ấn kỷ niệm sâu đậm không bao giờ quên. Bây giờ tôi không còn sống ở Bình định nữa, nhưng mỗi khi nói về Bình định hay gặp người Bình

định, tôi cũng đã có vô số kỷ niệm vui buồn nơi đây để cùng chia sẻ với họ niềm nhung nhớ. Và chính trong niềm nhớ nhung của kỷ niệm, tôi như tìm thấy ở Bình định cũng là một phần trong cái quê hương đánh mất của tôi vì tôi vẫn mãi mãi là kẻ đi tìm một quê hương.